

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng áp dụng trong chu kỳ theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Thực hiện Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất năm 2015 áp dụng cho chu kỳ 5 năm (2015 - 2020) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 80 /TTr-STNMT ngày 16 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng áp dụng trong chu kỳ theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2017; là một phần không tách rời của Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn huyện Đức Trọng ban hành kèm theo Quyết định này thay thế cho Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Đức Trọng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

**BẢNG GIÁ ĐẤT ĐIỀU CHỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2017/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác:

Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác được chia thành 03 vị trí:

- Vị trí 1: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường đô thị trong phạm vi 500 mét.

- Vị trí 2: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường đô thị trong phạm vi trên 500 mét đến 1.000 mét, hoặc có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Đường huyện, Đường xã trong phạm vi 500 mét.

- Vị trí 3: các vị trí còn lại.

Khoảng cách để xác định vị trí lô đất được xác định theo đường đi, lối đi vào đến thửa đất (lô đất).

1.1. Đất trồng cây hàng năm:

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Liên Nghĩa	105	84	53
2	Xã Hiệp An	90	72	45
3	Xã Hiệp Thạnh	90	72	45
4	Xã Liên Hiệp	90	72	45
5	Xã N' Thôn Hạ	78	63	39
6	Xã Bình Thạnh	78	63	39
7	Xã Tân Hội	81	65	41
8	Xã Tân Thành	78	63	39
9	Xã Phú Hội	81	65	41
10	Xã Ninh Gia	78	63	39

11	Xã Tà Hine	44	35	22
12	Xã Ninh Loan	73	58	36
13	Xã Đà Loan	73	58	36
14	Xã Tà Năng	44	35	22
15	Xã Đa Quyn	44	35	22

1.2. Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Liên Nghĩa	90	72	45
2	Xã Hiệp An	78	62	39
3	Xã Hiệp Thạnh	78	62	39
4	Xã Liên Hiệp	78	62	39
5	Xã N' Thôn Hạ	67	54	34
6	Xã Bình Thạnh	67	54	34
7	Xã Tân Hội	70	56	35
8	Xã Tân Thành	67	54	34
9	Xã Phú Hội	70	56	35
10	Xã Ninh Gia	67	54	34
11	Xã Tà Hine	38	30	19
12	Xã Ninh Loan	62	50	31
13	Xã Đà Loan	62	50	31
14	Xã Tà Năng	38	30	19
15	Xã Đa Quyn	38	30	19

1.3. Đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Liên Nghĩa	60	48	30
2	Xã Hiệp An	48	38	24
3	Xã Hiệp Thạnh	48	38	24
4	Xã Liên Hiệp	48	38	24
5	Xã N' Thôn Hạ	44	35	22
6	Xã Bình Thạnh	44	35	22
7	Xã Tân Hội	44	35	22
8	Xã Tân Thành	44	35	22
9	Xã Phú Hội	44	35	22
10	Xã Ninh Gia	44	35	22
11	Xã Tà Hine	25	20	13

12	Xã Ninh Loan	41	33	20
13	Xã Đà Loan	41	33	20
14	Xã Tà Năng	25	20	13
15	Xã Đa Quyn	25	20	13

1.4. Đất nông nghiệp khác: Đất nông nghiệp khác bao gồm: đất để xây dựng nhà kính các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống, đất trồng hoa, cây cảnh.

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Liên Nghĩa	105	84	53
2	Xã Hiệp An	90	72	45
3	Xã Hiệp Thạnh	90	72	45
4	Xã Liên Hiệp	90	72	45
5	Xã N' Thôn Hạ	78	63	39
6	Xã Bình Thạnh	78	63	39
7	Xã Tân Hội	81	65	41
8	Xã Tân Thành	78	63	39
9	Xã Phú Hội	81	65	41
10	Xã Ninh Gia	78	63	39
11	Xã Tà Hine	44	35	22
12	Xã Ninh Loan	73	58	36
13	Xã Đà Loan	73	58	36
14	Xã Tà Năng	44	35	22
15	Xã Đa Quyn	44	35	22

1.5. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn, khu quy hoạch đất ở đô thị thuộc thị trấn:

a) Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định theo ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; nếu khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư: Giá đất trong các trường hợp này được xác định bằng 1,5 lần mức giá đất cùng loại, cùng địa bàn xã, cùng vị trí (theo bảng giá 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 nêu trên).

b) Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác nằm trong phạm vi khu quy hoạch đất ở đô thị thuộc thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: Giá đất được xác định bằng 02 lần mức giá đất cùng loại, cùng địa bàn thị trấn, cùng vị trí (theo bảng giá 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 nêu trên).

2. Đất lâm nghiệp:

- Vị trí 1: Là phần diện tích của thửa đất (lô đất) tiếp giáp với Quốc lộ, Đường tỉnh tính từ mép lộ giới của Quốc lộ hoặc Đường tỉnh vào sâu đến 500 mét.

- Vị trí 2: Là phần diện tích của thửa đất (lô đất) tiếp giáp với Quốc lộ, Đường tỉnh tính từ mép lộ giới của Quốc lộ hoặc Đường tỉnh vào sâu từ trên 500 mét đến 1.000 mét; hoặc là phần diện tích của thửa đất (lô đất) tiếp giáp với Đường huyện, Đường xã tính từ mép lộ giới của Đường huyện hoặc Đường xã vào sâu đến 500 mét.

- Vị trí 3: Là những phần diện tích đất còn lại .

2.1. Đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: 1000đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Liên Nghĩa	14	12	8
2	Xã Hiệp An	14	12	8
3	Xã Hiệp Thạnh	14	12	8
4	Xã Liên Hiệp	14	12	8
5	Xã N' Thôn Hạ	14	12	8
6	Xã Bình Thạnh	14	12	8
7	Xã Tân Hội	14	12	8
8	Xã Tân Thành	14	12	8
9	Xã Phú Hội	14	12	8
10	Xã Ninh Gia	14	12	8
11	Xã Tà Hine	14	12	8
12	Xã Ninh Loan	14	12	8
13	Xã Đà Loan	14	12	8
14	Xã Tà Năng	14	12	8
15	Xã Đa Quyn	14	12	8

2.2. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, rừng cảnh quan:

- Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Tính bằng 80% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí, cùng khu vực.

- Đất rừng cảnh quan: tính bằng 120% giá đất sản xuất có cùng vị trí, cùng khu vực.

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Giá đất quy định của bảng giá là mức giá chuẩn theo khu vực, đường, đoạn đường có tên trong danh mục bảng giá. Giá đất của từng thửa đất (lô đất) cụ thể được xác định trên cơ sở mức giá chuẩn nhân (X) với các tỷ lệ và hệ số điều chỉnh theo quy định.

Số TT	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Giá đất (1000 đ/m ²)
I	XÃ HIỆP AN	
	Khu vực I	
1	Quốc lộ 20	
1.1	Từ giáp xã Hiệp Thạnh đến ngã ba hết thửa 181, BĐ 77	1.540
1.2	Từ ngã ba giáp thửa 181, BĐ 77 đến ngã ba hết thửa 91, BĐ 78 (đình Trung Hiệp)	1.480
1.3	Từ ngã ba giáp thửa 91, BĐ 78 (đình Trung Hiệp) đến ngã ba hết thửa 385, BĐ 73	1.460
1.4	Từ ngã ba giáp thửa 385, BĐ 73 (đất Nga Hiếu) đến ngã ba hết nhà thờ K' Long (giáp thửa 488, BĐ 58)	1.350
1.5	Từ ngã ba nhà thờ K' Long (cạnh thửa 488, BĐ 58) và giáp thửa 469, BĐ 58 đến ngã ba cạnh Công ty Hoa Phong Lan (hết thửa 18, BĐ 59) và hết thửa 17, BĐ 59	1.270
1.6	Từ ngã ba cạnh Công ty Hoa Phong Lan (giáp thửa 18, BĐ 59) và giáp thửa 17, BĐ 59 đến cầu Định An 1, (hết thửa 69, BĐ 48)	1.450
1.7	Từ cầu Định An 1 (giáp thửa 69, BĐ 48) đến ngã ba giáp thửa 88, BĐ 26 và hết thửa 343, BĐ 26	1.460
1.8	Từ ngã ba cạnh thửa 88, BĐ 26 và giáp thửa 343, BĐ 26 đến hết thửa 142, BĐ 17 (đường vào Xóm Cây đa) và giáp thửa 130, BĐ 17	1.350
1.9	Từ ngã ba vào Xóm cây đa và giáp thửa 130, BĐ 17- giáp khe nước đến Đà Lạt	1.330
2	Khu tái định cư Hiệp An	
2.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 319, BĐ 26 đến giáp thửa 348, BĐ 26	960
2.2	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 136, BĐ 26 đến hết thửa 62, BĐ 27	960

2.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 163, BĐ 26 đến hết thửa 215, BĐ 27	960
2.4	Từ thửa 47, BĐ 27 đến hết thửa 215, BĐ 27	870
3	Khu tái định cư Hiệp An 1	
3.1	Từ thửa 165, BĐ 26 đến hết thửa 316, BĐ 26	960
3.2	Từ thửa 94, BĐ 27 đến hết thửa 211, BĐ 27	870
3.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 187, BĐ 26 đến hết thửa 130, BĐ 27	960
4	Khu tái định cư Hiệp An 2	
4.1	Từ giáp thửa 564, BĐ 48 (Hội trường thôn Định An) đến hết thửa 641, BĐ 48	960
4.2	Từ giáp thửa 650, BĐ 48 đến hết thửa 655, BĐ 48	870
4.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 642, BĐ 48 đến giáp thửa 558, BĐ 48	960
4.4	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 640, BĐ 48 đến hết thửa 641, BĐ 48	960
	Khu vực II	
1	Đường thôn Định An	
1.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 76, BĐ 05 đến hết thửa 83, BĐ 05 (đường vào sân gôn Sacom)	250
1.2	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 56, BĐ 10 đến hết thửa 32, BĐ 11 (đường vào mỏ đá)	190
1.3	Từ ngã ba cạnh 28, BĐ 11 (mỏ đá) đến hết thửa 48, thửa BĐ 11	180
1.4	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 64, BĐ 10 đến ngã ba giáp thửa 15, BĐ 10	190
1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 15, BĐ 10 đến hết thửa 04, BĐ 04	180
1.6	Đường gom dân sinh - Từ ngã ba cạnh thửa 62, BĐ 10 đi qua thửa 99, BĐ 10, qua hầm chui theo hướng Đà Lạt đến giáp đường cao tốc (thửa 65, BĐ 10)	190
1.7	Từ Quốc lộ 20 cũ - cạnh thửa 134, BĐ 10 đến hết thửa 177, BĐ 10	190
1.8	Từ Quốc lộ 20 cũ - cạnh thửa 135, BĐ 10 đến hết thửa 175, BĐ 10	190

1.9	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 136 đi qua thửa 95, BĐ 10 và thửa 109, BĐ 10 đến hết thửa 125, BĐ 10 (đường vào khu biệt thự Sài Gòn)	190
1.10	Từ thửa 114, BĐ 10 đến hết thửa 149, BĐ 10	180
1.11	Từ Quốc lộ 20 Đường vào làng Đại Dương - cạnh thửa 201, BĐ 10 đến hết thửa 109, BĐ 9	190
1.12	Từ Quốc lộ 20 cạnh thửa 224, BĐ 10 đến giáp thửa 14, BĐ 18	190
1.13	Từ ngã ba cạnh thửa 294, BĐ 10 đến hết thửa 136, BĐ 18; đến giáp thửa 21, BĐ 18	190
1.14	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 91, BĐ 17 đến giáp thửa 95, BĐ 17	190
1.15	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 140, BĐ 17 đến hết thửa 81 và 65, BĐ 18 (đường vào Xóm cây đa)	190
1.16	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 22, BĐ 18 đến suối Đa Tam (hết thửa 110, BĐ 18)	190
1.17	Từ đường cao tốc - cạnh thửa 08, BĐ 26 đến hết thửa 40, BĐ 26	180
1.18	Từ ngã ba giáp đường nhựa khu tái định cư - thửa 348, BĐ 26 đến hết thửa 32, BĐ 27	180
1.19	Từ ngã ba cạnh thửa 42, BĐ 27 đến hết thửa 56, BĐ 27 và hết thửa 59, BĐ 27	180
1.20	Từ ngã ba giáp đường nhựa khu tái định cư - Từ thửa 130, BĐ 27 đến hết thửa 01, BĐ 37	180
1.21	Từ giáp thửa 29, BĐ 11 đến hết thửa 35, BĐ 11 (mỏ đá)	180
1.22	Từ ngã ba cạnh 19, BĐ 11 (mỏ đá) đến hết thửa 07, thửa BĐ 11	180
1.23	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 69, BĐ 26 đến đường cao tốc (cạnh thửa 93, BĐ 26)	190
1.24	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 179, BĐ 17 đến hết thửa 96, BĐ 17	190
1.25	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 36, BĐ 17 đến hết thửa 22, BĐ 17	190
2	Đường nối Quốc lộ 20	
2.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 88, BĐ 26 đến đường cao tốc (cạnh thửa 99, BĐ 26)	220

2.2	Từ đường cao tốc (cạnh thửa 109, BĐ 26) đến hết thửa 110, BĐ 26; hết thửa 54, BĐ 26	200
2.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 384, BĐ 36 (trường Tiểu học Định An) đến mương thủy lợi (hết thửa 16, BĐ 36)	190
2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 15, BĐ 36 đến giáp thửa 34, BĐ 36	180
2.5	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 55, BĐ 36 đến suối Đa Tam (đường vào thôn K'Rèn)	260
2.6	Từ Quốc lộ 20 - cạnh chùa Tường Quang (cạnh thửa 138, BĐ 36) đến đường cao tốc	190
2.7	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 153, BĐ 36 (đối diện chùa Tường Quang) đến ngã ba hết thửa 370, BĐ 37	190
2.8	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 423, BĐ 36 đến mương thủy lợi	190
2.9	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 222, BĐ 36 đến mương thủy lợi	240
2.10	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 289, BĐ 36 đến mương thủy lợi (hết thửa 267, BĐ 36)	190
3	Đường cây xoài vào Xóm Gò I	
3.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 280, BĐ 36 đến ngã ba cạnh thửa 563, BĐ 37	240
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 504, BĐ 37 đến giáp thửa 644, BĐ 37	190
3.3	Từ ngã ba cạnh thửa 444, BĐ 37 đến giáp đường vào thôn K' rên hết thửa 315, BĐ 37	190
3.4	Từ ngã ba cạnh thửa 470, BĐ 37 đến hết thửa 393, BĐ 37	180
3.5	Từ ngã ba cạnh thửa 559, BĐ 37 (đối diện thửa 476, BĐ 37) đến suối Đa Tam (hết thửa 604, BĐ 37)	190
3.6	Từ ngã ba cạnh thửa 532, BĐ 37 đến giáp suối hết thửa 548, BĐ 37	160
4	Đường cạnh BND thôn Định An đến đường cao tốc	
4.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh BND thôn Định An (thửa 324, BĐ 36) đến mương thủy lợi	190
4.2	Từ ngã ba cạnh thửa 405, BĐ 36 đến hết thửa 353, BĐ 36	190
4.3	Từ mương thủy lợi (thửa 327, BĐ 36) đến đường cao tốc (thửa 329, BĐ 36)	180

4.4	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 20, BĐ 48 đến hết đường	200
4.5	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 359, BĐ 36 (Công ty Bông Lúa) đến suối Đa Tam	190
5	Đường thôn K' Rèn	
5.1	Từ suối Đa Tam (cạnh thửa 78, BĐ 37) đến ngã ba nhà thờ K' Rèn (hết thửa 114, BĐ 37)	260
5.2	Từ ngã ba cạnh thửa 79, BĐ 37 đến hết thửa 50, BĐ 37	190
5.3	Từ ngã ba cạnh thửa 115, BĐ 37 đến nhà thờ K' Rèn (thửa 63, BĐ 37)	190
5.4	Từ ngã ba cạnh thửa 111, BĐ 37 đến hết thửa 644, BĐ 37	190
5.5	Từ ngã ba cạnh thửa 164, BĐ 37 đến giáp thửa 282, BĐ 37	180
5.6	Từ ngã ba cạnh thửa 107, BĐ 37 đến hết thửa 15, BĐ 37	190
5.7	Từ ngã ba cạnh thửa 83, BĐ 37-2013) đi hướng thửa 67, BĐ 37 đến ngã ba cạnh thửa 156, BĐ 37	190
5.8	Từ ngã ba cạnh thửa 97, BĐ 37 đến giáp thửa 05, BĐ 37	190
5.9	Từ ngã ba cạnh thửa 317, BĐ 37 đến hết thửa 267, BĐ 37	180
5.10	Từ ngã ba nhà thờ K' Rèn đến hết thửa 319, BĐ 37	220
5.11	Từ giáp thửa 319, BĐ 37 đến hết thôn K' Rèn thửa 14, BĐ 29	200
6	Đường thôn Tân An	
6.1	Đường cạnh trường THCS Hiệp An	
6.1.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 83, BĐ 48 (cạnh trường THCS Hiệp An) đến nương thủy lợi (hết thửa 71, BĐ 48)	260
6.1.2	Từ nương thủy lợi (cạnh thửa 84, BĐ 48) đến giáp thửa 736, BĐ 48	200
6.2	Đường vào thôn Tân An	
6.2.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 281, BĐ 48 đến nương thủy lợi (hết thửa 275, BĐ 48)	350
6.2.2	Từ nương thủy lợi (cạnh thửa 233, BĐ 48 đến đường cao tốc (cạnh thửa 690, BĐ 48)	240
6.2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 265, BĐ 48 đến hết thửa 559, BĐ 48 (cạnh khe nước)	190
6.2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 181, BĐ 48 đến ngã ba hết thửa 84, BĐ 48	190

6.2.5	Từ Quốc lộ 20 - thửa 248, BĐ 48 (cạnh khu quy hoạch tái định cư Hiệp An 2) đến suối Đa Tam (hết thửa 322, BĐ 48)	190
6.2.6	Từ suối Đa Tam đi qua thửa 344, BĐ 48 đến hết thửa 451, BĐ 48 và đến giáp thửa 237, BĐ 49	180
6.2.7	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 556, BĐ 48 (hợp tác xã PN) đến hết thửa 224, BĐ 48	190
6.2.8	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 338, BĐ 48-2013 (BND thôn Tân An cũ) đến suối Đa Tam	190
6.2.9	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 390, BĐ 48 đến giáp thửa 351, BĐ 48 và hết thửa 379, BĐ 48	200
6.2.10	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 444, BĐ 48 đến mương thủy lợi	230
6.2.11	Từ ngã ba cạnh thửa 436, BĐ 48 đến hết thửa 387, BĐ 48	200
6.2.12	Từ ngã ba đi vào Công ty Rau Nhà Xanh (cạnh thửa 475, BĐ 48) đến mương thủy lợi	230
6.2.13	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 473, BĐ 48 đến suối Đa Tam hết thửa 13, BĐ 59 (đường vào Xóm miền Tây)	190
6.2.14	Từ suối Đa Tam cạnh thửa 26, BĐ 59 đến hết thửa 120, BĐ 59 (đường vào Xóm miền Tây)	190
6.2.15	Từ Quốc lộ 20 - Từ thửa 520, BĐ 48 (cạnh Công ty Á Nhiệt Đới) đến mương thủy lợi (hết thửa 482, BĐ 48)	190
6.2.16	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 374, BĐ 48 đến giáp thửa 407, BĐ 48	190
6.2.17	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 336, BĐ 48 đến hết thửa 337, BĐ 48	190
6.2.18	Từ mương thủy lợi - cạnh thửa 150, BĐ 48 đến ngã ba hết thửa 145, BĐ 48	180
6.2.19	Từ đường Cao Tốc - cạnh thửa 30, BĐ 47 đến giáp thửa 22, BĐ 47	180
7	Đường thôn K' Long	
7.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 51, BĐ 59 đến giáp thửa 523, BĐ 48	190
7.2	Từ ngã ba cạnh thửa 03, BĐ 59 đến hết thửa 525, BĐ 48	180
7.3	Từ đường cao tốc - cạnh thửa 40, BĐ 57 đến hết thửa 01, BĐ 57 và đến giáp thửa 06, BĐ 57 (đường đi vào Trần Lê Gia Trang)	190

8	Đường K' Long C	
8.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 111, BĐ 59 đến công thủy lợi (hết thửa 03, BĐ 58)	250
8.2	Từ công thủy lợi (giáp thửa 03, BĐ 58) theo hướng thửa 14, BĐ 58 đến đường cao tốc (hết thửa 141, BĐ 47)	200
8.3	Đường theo cạnh thửa 143 BĐ 47 - trường mẫu giáo K' Long C- giáp thửa 130, BĐ 47	250
8.4	Từ ngã ba cạnh thửa 145, BĐ 47 đến hết thửa 441, BĐ 48	200
8.5	Từ ngã ba cạnh thửa 102, BĐ 47 đến đường cao tốc	200
8.6	Từ ngã ba cạnh thửa 107, BĐ 47 đến hết thửa 92, BĐ 47	190
8.7	Từ ngã ba cạnh thửa 148, BĐ 47 đến hết thửa 49, BĐ 47 (cạnh khe nước giáp thửa 559, BĐ 48)	190
8.8	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 175, BĐ 59 (cạnh nghĩa trang K' Long cũ) đến suối Đa Tam (hết thửa 499, BĐ 59)	190
8.9	Từ ngã ba cạnh thửa 256, BĐ 59 đến thửa 398, BĐ 59	180
8.10	Từ ngã ba cạnh thửa 356, BĐ 59 đến suối Đa Tam (cạnh thửa 353, BĐ 59)	190
8.11	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 293, BĐ 58 đến hết thửa 487, BĐ 58	220
8.12	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 384 đến hết thửa 447, BĐ 67	200
8.13	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 410, BĐ 67 đến ngã ba hết thửa 446, BĐ 67	200
8.14	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 438 BĐ 67 (Hiệp Thành An) đến hết thửa 32, BĐ 74 và hết thửa 444, BĐ 67	200
8.15	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 348, BĐ 67 đến giáp thửa 298, BĐ 67	200
8.16	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 370, BĐ 67 đến giáp thửa 287, BĐ 67	200
8.17	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 398, BĐ 67 đến giáp thửa 354, BĐ 67	200
8.18	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 453, BĐ 58 (nhà thờ K' Long - hướng Đà Lạt) đến hết thửa 325, BĐ 58 công chiết nạp ga	220
8.19	Từ công chiết nạp ga đến hết đường (hết thửa 360, BĐ 58)	200
8.20	Từ ngã ba cạnh thửa 324, BĐ 58 đến ngã ba cạnh thửa 303, BĐ 58	200

8.21	Từ cạnh thửa 04, BĐ 67 đến công thổ cắm K' Long (hết thửa 620, BĐ 67)	250
8.22	Từ ngã ba cạnh thửa 620, BĐ 67 đến giáp thửa 11, BĐ 68)	190
8.23	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 453, BĐ 58 (nhà thờ K'Long - hướng Hiệp Thạnh) đến ngã ba hết thửa 401, BĐ 58	220
9	Đường cạnh BND thôn K' Long	
9.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 98, BĐ 67 đến ngã ba cạnh thửa 119, BĐ 67	230
9.2	Từ ngã ba cạnh thửa 158, BĐ 67 đến suối Đa Tam (hết thửa 201, BĐ 67)	190
9.3	Từ ngã ba cạnh thửa 119, BĐ 67 đến suối Đa Tam (hết thửa 141, BĐ 67)	190
10	Đường vào vườn ươm Thích Thùy	
10.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 538, BĐ 67 đến hết thửa 107, BĐ 58	200
10.2	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 105, BĐ 67 đến giáp thửa 68, BĐ 67	220
10.3	Từ thửa 68 , BĐ 67 đến đường cao tốc (hết thửa 62 , BĐ 57)	190
11	Đường vào nhà ông Lê Bá Duy	
11.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 213, BĐ 67 đến khe nước hết thửa 281, BĐ 67	240
11.2	Từ giáp giáp khe nước cạnh thửa 281, BĐ 67 đến suối Đa Tam	220
11.3	Từ ngã ba cạnh thửa 278, BĐ 67 đến hết thửa 234, BĐ 67 và đến giáp thửa 280, BĐ 67	190
11.4	Từ ngã ba cạnh thửa 336, BĐ 67 đến hết thửa 337, BĐ 67	190
11.5	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 268, BĐ 67 đến hết thửa 520 , BĐ 67(Công ty Hưng Nông)	220
12	Đường bên cạnh nhà Pháp Lan	
12.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 247, BĐ 67 đến ngã ba hết thửa 148, BĐ 67	220
12.2	Từ ngã ba cạnh thửa 148, BĐ 67 đến đường cao tốc	200

12.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 275, BĐ 67 đến hết thửa 205, BĐ 57 (đường vào Công ty Phương Nam)	220
12.4	Từ ngã ba cạnh thửa 517, BĐ 67 đến hết thửa 84, BĐ 66	220
13	Đường thôn Đarahoa	
13.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 441, BĐ 67 (ngã ba quạt gió) đến ngã ba cạnh thửa 253, BĐ 73	310
13.2	Từ ngã ba cạnh thửa 06, BĐ 73 đi qua thửa 98, BĐ 73 đến ngã ba hết thửa 80, BĐ 73	190
13.3	Từ ngã ba cạnh thửa 32, BĐ 73 đến hết thửa 62, BĐ 73	190
13.4	Từ ngã ba cạnh thửa 47, BĐ 73 đến hết thửa 80, BĐ 73	180
13.5	Từ ngã ba cạnh thửa 70, BĐ 73 đến hết thửa 09, BĐ 73	190
13.6	Từ ngã ba cạnh thửa 293, BĐ 66 đến ngã ba cạnh thửa 35, BĐ 73	190
13.7	Từ ngã ba cạnh thửa 247, BĐ 66 đến ngã ba cạnh thửa 245, BĐ 66	180
13.8	Từ ngã ba cạnh thửa 267, BĐ 66 đến hết thửa 112, BĐ 66	190
13.9	Từ ngã ba - cạnh thửa 250, BĐ 66 (Nghĩa địa) đến ngã ba hết thửa 147, BĐ 66	180
14	Đường thôn Trung Hiệp	
14.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 152, BĐ 73 đến ngã ba hết thửa 308, BĐ 66 (Kho xưởng Cty Thủy Lợi 2)	250
14.2	Từ Quốc lộ 20 cũ - cạnh thửa 629, BĐ 73 đến hết thửa 18, BĐ 73	200
14.3	Từ ngã ba cạnh thửa 77, BĐ 74 đến hết thửa 24, BĐ 74	190
14.4	Từ ngã ba cạnh thửa 122, BĐ 74 đến hết thửa 106, BĐ 74	190
14.5	Từ ngã ba cạnh thửa 140, BĐ 74 đi qua thửa 155, BĐ 74 đến ngã ba hết thửa 159, BĐ 74	190
14.6	Từ ngã ba cạnh thửa 163, BĐ 74 đến ngã ba cạnh thửa 196, BĐ 74	190
14.7	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 97, BĐ 74 (cạnh công ty Bảo Nông) đến hết thửa 137, BĐ 74	200
14.8	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 218, BĐ 73 đến ngã ba cạnh thửa 326, BĐ 73 (Công ty Trường Thịnh)	200
14.9	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 385, BĐ 73 đến đường cao tốc	470

14.10	Từ ngã ba cạnh thửa 231, BĐ 73 đến hết đường	190
14.11	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 610, BĐ 73 (cạnh Công ty Nông sản Thực phẩm) đến giáp thửa 463, BĐ 73	190
14.12	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 428, BĐ 73 đến giáp thửa 552, BĐ 73 (đường vào nghĩa trang thôn Trung Hiệp)	260
14.13	Từ ngã ba cạnh thửa 399, BĐ 73 đến đường vào thửa 436, BĐ 73 (cạnh nghĩa trang thôn Trung Hiệp)	190
14.14	Từ ngã ba cạnh thửa 352, BĐ 73 đến hết thửa 371, BĐ 73	180
14.15	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 459, BĐ 73 đến giáp thửa 447, BĐ 73	200
14.16	Từ Quốc lộ 20 cạnh thửa 113, BĐ 78 đến giáp thửa 93, BĐ 78	200
14.17	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 68, BĐ 78 đến suối Đa Tam (hết thửa 162, BĐ 78)	190
14.18	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 115, BĐ 78 đến hết các nhánh của đoạn đường	190
14.19	Từ ngã ba cạnh thửa 473, BĐ 73 đến nghĩa trang thôn Trung Hiệp và hết thửa 467, BĐ 73	220
14.20	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 155, BĐ 78 đến hết đường	220
14.21	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 188, BĐ 78 đến suối Đa Tam	240
14.22	Từ ngã ba cạnh thửa 193, BĐ 78 đến giáp thửa 199, BĐ 78	190
14.23	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 91, BĐ 78 (cạnh Đình Trung Hiệp) đến hết đường	220
14.24	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 154, BĐ 78 đến giáp thửa 73, BĐ 77	240
14.25	Từ ngã ba cạnh thửa 93, BĐ 78 đến hết thửa 52, BĐ 78 và giáp thửa 25, BĐ 77	190
14.26	Từ ngã ba cạnh thửa 129, BĐ 78 đến giáp thửa 115, BĐ 77 (đường cạnh công ty cơ khí và xây lắp Lâm Đồng)	220
14.27	Từ ngã ba cạnh thửa 141, BĐ 77 đến thửa 115, BĐ 77 (đường sau bãi vật liệu cơ khí)	190
14.28	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 204, BĐ 77 (cạnh nhà máy cơ khí) đến ngã ba cạnh thửa 113, BĐ 77	220
14.29	Từ giáp thửa 93, BĐ 77 đến giáp thửa 139, BĐ 77	200
14.30	Từ thửa 139, BĐ 77 đến giáp thửa 82, BĐ 77	190

14.31	Từ ngã ba cạnh thửa 123, BĐ 77 đến giáp thửa 26, BĐ 77	190
14.32	Từ thửa 93, BĐ 77 đến giáp thửa 449, BĐ 77	190
14.33	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 311, BĐ 77 đến hết thửa 179, BĐ 77	220
14.34	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 469, BĐ 77 qua Công ty Vàng, bạc, đá quý đến suối Đa Tam	410
14.35	Từ ngã ba cạnh thửa 216, BĐ 78 đến giáp thửa 214, BĐ 78	190
14.36	Từ ngã ba cạnh thửa 230, BĐ 78 đến hết đường	180
14.37	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 278, BĐ 77 (hội trường thôn Trung Hiệp) đến hết đường	190
14.38	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 339, BĐ 77 đến hết đường	190
14.39	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 351, BĐ 77 (cạnh nhà máy sứ) đến nương thủy lợi (hết thửa 376, BĐ 77)	200
14.40	Từ ngã ba cạnh thửa 368, BĐ 77 đến hết đường (giáp thửa 360, BĐ 77)	190
14.41	Từ ngã ba cạnh thửa 376, BĐ 77 đến hết đường	180
14.42	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 328, BĐ 77 đến đường cao tốc	260
14.43	Từ ngã ba cạnh thửa 187, BĐ 77 qua thửa 139, BĐ 77 đến giáp khe nước (hết thửa 125, BĐ 77)	190
14.44	Từ ngã ba cạnh thửa 434, BĐ 77 đến hết thửa 432, BĐ 77 và đến giáp thửa 84, BĐ 77	190
14.45	Từ ngã ba cạnh thửa 13, BĐ 77 đến thửa 49, BĐ 77	190
14.46	Từ ngã ba cạnh thửa 14, BĐ 77 đến hết thửa 15, BĐ 77	190
14.47	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 348, BĐ 77 chạy dọc nương thủy lợi (ranh giới xã Hiệp An và Hiệp Thạnh) đến giáp thửa 297, BĐ 77	220
14.48	Từ ngã ba cạnh thửa 325, BĐ 77 đến ngã ba hết thửa 487, BĐ 77	200
14.49	Từ ngã ba cạnh thửa 322, BĐ 77 đến ngã ba hết thửa 209, BĐ 77	190
14.50	Từ ngã ba cạnh thửa 304, BĐ 77 (giáp nương thủy lợi) qua thửa 213, BĐ 77 đến hết đường	180
14.51	Từ ngã ba cạnh thửa 175, BĐ 77 đến giáp thửa 109, BĐ 77	160
14.52	Từ ngã ba cạnh 155, BĐ 74 đến hết thửa 162, thửa BĐ 74	190

15	Đường vào sân gôn Đạ Ròn	
15.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 60, BĐ 74 đến suối Đa Tam	440
15.2	Từ suối Đa Tam đến giáp huyện Đơn Dương	410
	Khu vực III:	
	Các đoạn đường còn lại	150.
II	XÃ HIỆP THẠNH	
	Khu vực I	
1	Quốc lộ 20	
1.1	Từ giáp thị trấn Liên Nghĩa đến ngã ba giáp thửa 1700, BĐ 06 (cạnh quán cơm Ngọc Hạnh)	2.300
1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 1700, BĐ 06 (cạnh quán cơm Ngọc Hạnh) đến ngã ba hết thửa 934, BĐ 06	2.260
1.3	Từ ngã ba giáp thửa 934, BĐ 06 đến ngã ba cạnh thửa 622, BĐ 04	2.200
1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 622, BĐ 04 đến ngã ba giáp thửa 974, BĐ 04	2.190
1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 974, BĐ 04 đến hết thửa 349, BĐ 04 (đường vào nghĩa trang thôn Phú Thạnh)	2.140
1.6	Từ giáp thửa 349, BĐ 04 (đường vào nghĩa trang thôn Phú Thạnh) đến hết thửa 1165, BĐ 03 (Nhà máy Phân bón Bình Điền)	2.110
1.7	Từ giáp Nhà máy Phân bón Bình Điền đến ngã ba cạnh quán cơm Tài Lợi (cạnh thửa 633, BĐ 03)	2.190
1.8	Từ ngã ba cạnh quán cơm Tài Lợi (cạnh thửa 633, BĐ 03) đến hết thửa 665, BĐ 03 (Trường THCS Hiệp Thạnh)	2.380
1.9	Từ giáp thửa 665, BĐ 03 (Trường THCS Hiệp Thạnh) đến đường cạnh trường Mẫu giáo Phi Nôm (thửa 1861, BĐ 01)	2.460
1.10	Từ cạnh thửa 1861, BĐ 01 (trường Mẫu giáo Phi Nôm) đến ngã ba cạnh thửa 1725, BĐ 01 (đường vào kho muối)	2.820
1.11	Từ thửa 1725, BĐ 01 (đường vào kho muối) đến đường hẻm cạnh thửa 2747, BĐ 01	2.970
1.12	Từ đường hẻm cạnh thửa 2747, BĐ 01 đến thửa 1096, BĐ 01 (đường vào Nhà trẻ Hoa Anh Đào)	3.070

1.13	Từ đường vào Nhà trẻ Hoa Anh Đào đến hết trụ sở UBND xã và hết thửa 1901, BĐ 01	2.820
1.14	Từ giáp trụ sở UBND xã và giáp thửa 1901, BĐ 01 đến ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT (hết thửa 2792, BĐ 01)	2.500
1.15	Từ ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT (giáp thửa 2792, BĐ 01) đến đường cạnh trường Tiểu học Quảng Hiệp (Trụ sở UBND xã cũ - giáp thửa 440, BĐ 10)	2.220
1.16	Từ đường cạnh trường Tiểu học Quảng Hiệp (Trụ sở UBND xã cũ - thửa 440, BĐ 10) đến hết trường THPT Chu Văn An và hết trường Tiểu học Quảng Hiệp (thửa 1564, BĐ 09)	2.040
1.17	Từ giáp trường THPT Chu Văn An và giáp trường Tiểu học Quảng Hiệp (thửa 1564, BĐ 09) đến hết thửa 2035, BĐ 09 (giáp chùa Phổ Minh) và giáp thửa 36, BĐ 10 (Tam Giáo Tòa)	1.670
1.18	Từ chùa Phổ Minh (thửa 2035, BĐ 09) và thửa 36, BĐ 10 (Tam Giáo Tòa) đến đường hẻm cạnh thửa 02, BĐ 08 (cây xăng Mai Sơn) và đường hẻm cạnh thửa 2086, BĐ 09	1.600
1.19	Từ đường hẻm cạnh thửa 02, BĐ 08 (cây xăng Mai Sơn) và đường hẻm cạnh thửa 2086, BĐ 09 đến giáp thửa 18, BĐ 08 (Đài Tưởng niệm)	1.540
1.20	Từ Đài Tưởng niệm (thửa 18, BĐ 08) đến giáp xã Hiệp An	1.500
2	Quốc lộ 27	
2.1	Từ giáp cây xăng Cty Thương Mại đến hết thửa 1896, BĐ 01 (cây xăng Quế Anh)	2.110
2.2	Từ giáp cây xăng Quế Anh đến cầu Phi Nôm	1.860
2.3	Từ cầu Phi Nôm đến ngã ba cạnh thửa 1010, BĐ 13 (đường vào Xí nghiệp Phân bón Bình Điền)	1.100
2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 1010, BĐ 13 (đường vào Xí nghiệp Phân bón Bình Điền) đến ngã ba hết thửa 630, BĐ 11 (nhà thờ Bắc Hội)	1.170
2.5	Từ ngã ba cạnh nhà thờ Bắc Hội đến giáp huyện Đơn Dương	1.150
2.6	Đường Quốc lộ 27 cũ - Từ ngã tư cạnh thửa 2631, BĐ 01 theo Quốc lộ 27 cũ đến ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ 27 cũ và mới	1.040

	Khu vực II	
1	Đường chính thôn Bồng Lai	
2.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba hết thửa 234, BĐ 29 và ngã ba hết thửa 261, BĐ 32	970
2.2	Từ ngã ba giáp thửa 234, BĐ 29 và ngã ba giáp thửa 261, BĐ 32 đến hết thửa 91, BĐ 34 (chùa Phật Mẫu)	920
2.3	Từ giáp thửa 91, BĐ 34 (chùa Phật Mẫu) đến hết thửa 930, BĐ 34	600
2.4	Từ giáp thửa 930, BĐ 34 đến hết thửa 1097, BĐ 34 (giáp huyện Đơn Dương)	540
2	Đường nhánh thôn Bồng Lai	
2.1	Từ ngã ba cạnh thửa 268, BĐ 29 đến hết thửa 09, BĐ 32 (cạnh cầu Bồng Lai cũ)	360
2.2	Từ ngã ba cạnh thửa 284, BĐ 29 đến hết thửa 378, BĐ 29	420
2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 19, BĐ 32 đến ngã ba hết thửa 617, BĐ 33 (Áp Lu)	290
2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 969, BĐ 33 (đi chùa An Sơn) đến ngã tư cạnh thửa 570, BĐ 33	300
2.5	Từ ngã tư cạnh thửa 570, BĐ 33 đến hết thửa 148, BĐ 35 (chùa An Sơn)	280
2.6	Từ ngã tư cạnh thửa 570, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 859, BĐ 34 (đi Đơn Dương)	280
2.7	Từ ngã tư cạnh thửa 570, BĐ 33 đến ngã ba giáp thửa 617, BĐ 33 (đi qua chùa An Sơn cũ)	250
2.8	Từ ngã ba cạnh thửa 16, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 617, BĐ 33	300
2.9	Từ ngã ba giáp thửa 91, BĐ 34 (chùa Phật Mẫu) đến ngã ba cạnh thửa 546, BĐ 34	280
2.10	Từ ngã ba cạnh thửa 18, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 319, BĐ 33	250
2.11	Từ ngã ba cạnh thửa 20, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 300, BĐ 33	250
2.12	Từ ngã ba cạnh thửa 22, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 316, BĐ 33	250
2.13	Từ ngã ba cạnh thửa 28, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 323, BĐ 33	250

2.14	Từ ngã ba cạnh thửa 582, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 67, BĐ 33	250
2.15	Từ ngã ba đối diện sân bóng (cạnh thửa 70, BĐ 33) đến ngã ba hết thửa 64, BĐ 33 và từ ngã ba cạnh thửa 63, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 283, BĐ 33	250
2.16	Từ ngã ba thửa 176, BĐ 29 đến hết thửa 152, BĐ 29	250
2.17	Từ ngã ba thửa 181, BĐ 29 đến hết thửa 149, BĐ 29	250
2.18	Từ ngã ba thửa 234, BĐ 29; thửa 443, BĐ 30 đến hết thửa 192, BĐ 29; thửa 37, BĐ 30	250
2.19	Từ ngã ba thửa 437, BĐ 30 đến giáp thửa 60, BĐ 30	250
2.20	Từ ngã ba thửa 487, BĐ 30 đi qua thửa 404, BĐ 30 đến ngã ba cạnh thửa 407, BĐ 30	250
2.21	Từ ngã ba thửa 384, BĐ 30 đi qua thửa 372, BĐ 30 đến ngã ba cạnh thửa 608, BĐ 30	250
2.22	Từ ngã ba cạnh thửa 279, BĐ 33 đến hết thửa 283, BĐ 33	250
2.23	Từ ngã ba cạnh thửa 74, BĐ 33 đi qua thửa 78, BĐ 33 đến ngã ba cạnh thửa 01, BĐ 33	250
3	Đường thôn Phú Thạnh	
3.1	Đường hẻm Quốc lộ 20 đi qua thôn Phú Thạnh	
3.1.1	Từ ngã ba cạnh thửa 905, BĐ 06 (nhà thờ Liên Khương) đến ngã ba hết thửa 781, BĐ 06 (đối diện trường Tiểu học Phú Thạnh)	400
3.1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 921, BĐ 06 (cạnh quán Ngọc Hạnh) đến ngã tư hết thửa 1078, BĐ 06	340
3.1.3	Từ ngã ba cạnh thửa 930, BĐ 06 đến ngã ba hết thửa 1390, BĐ 06	240
3.1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 931, BĐ 06 (vật liệu xây dựng Ba Tân) đến hết thửa 774, BĐ 06	220
3.1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 1017, BĐ 06 (đường vào trường Tiểu học Phú Thạnh) đến ngã ba hết thửa 782, BĐ 06 (trường Tiểu học Phú Thạnh)	550
3.1.6	Từ ngã ba cạnh thửa 1512, BĐ 06 đến ngã ba giáp thửa 390, BĐ 04	400
3.1.7	Từ ngã ba cạnh thửa 672, BĐ 04 đến ngã ba hết thửa 411, BĐ 04	440
3.1.8	Từ ngã ba cạnh thửa 600, BĐ 04 đến ngã tư hết thửa 414, BĐ 04	400

3.1.9	Từ ngã ba cạnh thửa 686, BĐ 04 đến ngã ba hết thửa 418, BĐ 04	280
3.1.10	Từ ngã ba cạnh thửa 584, BĐ 04 (cây xăng Mai Sơn) đến ngã tư cạnh thửa 422, BĐ 04 và hết thửa 14, bản đồ khu tái định cư	380
3.1.11	Từ ngã ba cạnh thửa 349, BĐ 04 (đường vào nghĩa trang) đến ngã tư hết thửa 1594, BĐ 03	500
3.1.12	Từ ngã ba cạnh thửa 1041, BĐ 06 đến hết đất thửa 1085, BĐ 06 (giáp cầu Bồng Lai cũ)	240
3.2	Đường hẻm thôn Phú Thạnh	
3.2.1	Từ ngã tư cạnh thửa 1594, BĐ 03 đến ngã ba hết thửa 782, BĐ 06 (Trường Tiểu học Phú Thạnh)	380
3.2.2	Từ ngã tư giáp thửa 1078, BĐ 06 đến hết thửa 624, BĐ 06	190
3.2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 390, BĐ 04 đến ngã ba cạnh thửa 27, BĐ 06	190
3.2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 27, BĐ 06 đến ngã ba hết thửa 36, BĐ 06	190
3.2.5	Từ ngã ba cạnh thửa 376, BĐ 04 (Công ty Quốc Khánh) đến ngã ba hết thửa 3734, BĐ 05	190
3.2.6	Từ ngã tư cạnh thửa 362, BĐ 04 đến suối Đa Me	190
3.2.7	Từ ngã tư cạnh thửa 1594, BĐ 03 đến giáp thửa 01, BĐ 02 (cạnh nghĩa trang)	290
3.2.8	Từ ngã ba cạnh thửa 1285, BĐ 04 đến hết thửa 1329, BĐ 04	240
3.2.9	Từ ngã ba cạnh thửa 658, BĐ 04 đến hết thửa 802, BĐ 04	240
3.2.10	Từ ngã ba cạnh thửa 755, BĐ 04 đến suối (hết thửa 904, BĐ 04)	240
4	Đường thôn Phi Nôm	
4.1	Đường hẻm của Quốc lộ 20	
4.1.1	Từ ngã ba cạnh thửa 1824, BĐ 01 (đường vào kho muối) đến giáp mương thủy lợi	290
4.1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 633, BĐ 03 (cạnh quán cơm Tài Lợi) đến ngã ba hết thửa 1579, BĐ 03	290
4.1.3	Từ ngã ba cạnh thửa 1563, BĐ 03 đi theo ranh trường THCS Hiệp Thạnh đến ngã ba cạnh thửa 1580, BĐ 03 sau đó đi hết thửa 1867, BĐ 03	240

4.1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 1866, BĐ 01 đến giáp suối Đa Tam (giáp thửa 2212, BĐ 01)	290
4.1.5	Từ cạnh thửa 1094, BĐ 01 (Trụ sở UBND xã) đến hết thửa 1061, BĐ 01	410
4.1.6	Từ ngã ba cạnh thửa 1088, BĐ 01 (Quỹ Tín dụng) đến hết thửa 2949, BĐ 01	410
4.1.7	Từ ngã ba cạnh thửa 1079, BĐ 01 đến hết ngã ba hết thửa 1071, BĐ 01	410
4.1.8	Từ ngã ba cạnh thửa 1084, BĐ 01 đến hết thửa 1070, BĐ 01	340
4.1.9	Từ ngã ba cạnh thửa 1076, BĐ 01 (Ngân hàng Nông nghiệp) đến ngã ba cạnh thửa 801, BĐ 01	340
4.1.10	Từ ngã ba cạnh thửa 800, BĐ 01 (cạnh vật liệu xây dựng Tuyết Lợi) đến suối	340
4.1.11	Từ ngã ba cạnh thửa 3507, BĐ 01 đến giáp thửa 2403, BĐ 01	470
4.1.12	Từ thửa 2403, BĐ 01 đến hết đường	420
4.1.13	Từ ngã ba cạnh thửa 3016, BĐ 01 đến ngã ba hết thửa 3241, BĐ 01	340
4.2	Đường hẻm của Quốc lộ 27	
4.2.1	Từ ngã ba cạnh thửa 2293, BĐ 01 đến hết thửa 2433, BĐ 01	290
4.2.2	Từ ngã tư (giao nhau giữa hai nhánh cũ và mới - cạnh thửa 2631, BĐ 01) đến ngã ba hết thửa 1028, BĐ 03	290
4.2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 1028, BĐ 03 đến suối Đa Tam (hết thửa 1021, BĐ 03); đến hết thửa 1036, BĐ 03 (miếu thờ)	220
4.2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 2631, BĐ 01 theo hướng lên đồi đến hết thửa 2685, BĐ 01	240
4.3	Các đường hẻm còn lại của thôn Phi Nôm	
4.3.1	Từ ngã ba cạnh thửa 3689, BĐ 01 đến hết thửa 3241, BĐ 01	320
4.3.2	Từ cạnh thửa 1061, BĐ 01 (sau UBND xã) đến ngã ba cạnh thửa 801, BĐ 01 đến hết thửa 802, BĐ 01 (hướng xuống suối)	290
4.3.3	Từ ngã ba thửa 558, BĐ 03 đến hết thửa 358, BĐ 03	240
4.3.4	Từ ngã ba thửa 478, BĐ 03 đến giáp suối (hết thửa 221, BĐ 03)	240

5	Đường thôn Quảng Hiệp	
5.1	Đường hẻm Quốc lộ 20	
5.1.1	Từ Quốc lộ 20 (cạnh nhà máy sứ) đến ngã ba giáp mương cạnh nhà máy sứ (giáp thửa 592, BĐ 08)	280
5.1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 2190, BĐ 09 (đường vào thủy điện Quảng Hiệp) đến giáp thửa 279, BĐ 09 (đất thủy điện Quảng Hiệp)	480
5.1.3	Từ ngã ba cạnh trường Tiểu học Quảng Hiệp (UBND xã cũ) đến ngã ba hết đất trường THCS Quảng Hiệp và hết thửa 2423, BĐ 01	480
5.1.4	Từ thửa 439, BĐ 10 (cạnh trụ sở Công ty thuốc lá) đến hết thửa 428, BĐ 10	260
5.1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 2459, BĐ 09 (cạnh trường Tiểu học Quảng Hiệp) đến hết thửa 2403, BĐ 09	260
5.1.6	Từ ngã ba cạnh thửa 2098, BĐ 09 (trại cá Trung Kiên) đến hết thửa 2192, BĐ 09	260
5.2	Các đường hẻm còn lại của thôn Quảng Hiệp	
5.2.1	Từ ngã ba cạnh thửa 557, BĐ 08 (trụ sở thôn Quảng Hiệp) đến mương thủy lợi (hết thửa 419, BĐ 08)	260
5.2.2	Từ ngã ba cạnh thửa 401, BĐ 10 đến ngã ba trục thôn Quảng Hiệp (cạnh thửa 535, BĐ 10)	260
5.2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 535, BĐ 10 theo hướng đi thửa 733, BĐ 10 đến ngã ba giáp mương cạnh Nhà máy Sứ (hết thửa 592, BĐ 08)	230
5.2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 15, BĐ 08 đến ngã tư trục thôn Quảng Hiệp (cạnh thửa 429, BĐ 08)	260
5.2.5	Từ ngã ba thửa 1562, BĐ 09 đi thửa 1565, BĐ 09 đến giáp thửa 1569, BĐ 09; đến hết thửa 1535, BĐ 09	240
5.2.6	Từ ngã ba cạnh thửa 2181, BĐ 09 đến giáp suối (hết thửa 1571, BĐ 09)	240
5.2.7	Từ ngã ba cạnh thửa 2069, BĐ 09 đến giáp suối (hết thửa 206, BĐ 09)	240
5.2.8	Từ ngã ba cạnh thửa 2089, BĐ 09 đến giáp thửa 1346, BĐ 09	240
5.2.9	Từ ngã ba cạnh thửa 557, BĐ 08 đến giáp thửa 108, BĐ 08	240
5.2.10	Từ ngã ba cạnh thửa 04, BĐ 08 đến giáp thửa 106, BĐ 08	240

6	Đường thôn Bắc Hội	
6.1	Từ ngã ba cạnh thửa 1010, BĐ 13 đến ngã ba cạnh thửa 361, BĐ 13	230
6.2	Từ ngã ba cạnh thửa 361, BĐ 13 đến giáp Nhà máy Phân bón Bình Điền	200
6.3	Từ ngã ba cạnh thửa 361, BĐ 13 đến hết thửa 821, BĐ 13	200
6.4	Từ thửa 620, BĐ 11 (trường Tiểu học Bắc Hội) đến hết thửa 1043, BĐ 11	200
6.5	Từ giáp thửa 1043, BĐ 11 đến suối Đa Tam	190
6.6	Từ thửa 701, BĐ 11 đến ngã ba hết thửa 385, BĐ 11	200
6.7	Từ ngã ba cạnh thửa 385, BĐ 11 đến hết thửa 808, BĐ 11 (gần công nghĩa trang Bắc Hội)	230
6.8	Từ ngã ba cạnh thửa 385, BĐ 11 đến ngã ba cạnh thửa 350, BĐ 11	190
6.9	Từ ngã ba cạnh thửa 942, BĐ 11 - giáp Quốc lộ 27 đến ngã ba đối diện thửa 361, BĐ 11	200
6.10	Từ ngã ba cạnh thửa 18, BĐ 13 đến giáp suối (hết thửa 409, BĐ 13)	200
6.11	Từ ngã ba cạnh thửa 914, BĐ 13 đến ngã ba thửa 1155, BĐ 13	200
6.12	Từ ngã ba cạnh thửa 405, BĐ 11 đến ngã tư cạnh thửa 385, BĐ 11	200
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	150
III	XÃ LIÊN HIỆP	
	Khu vực I	
1	Quốc lộ 27	
1.1	Từ giáp thị trấn Liên Nghĩa đến hết ngã ba cạnh Cty Hạnh Công (thửa 248, BĐ 01) và giáp thửa 382, BĐ 17	1.740
1.2	Từ ngã ba cạnh Cty Hạnh Công và thửa 382, BĐ 17 đến hết ngã ba cạnh thửa 237, BĐ 01 và giáp đất Trạm Y tế	1.750
1.3	Từ ngã ba cạnh thửa 237, BĐ 01 và đất Trạm Y tế đến ngã ba Công Vàng và hết đất cây xăng ông Thao (thửa 521, BĐ 17)	1.770
1.4	Từ ngã ba Công Vàng và giáp đất cây xăng ông Thao đến ngã ba giáp thửa 202, BĐ 03	1.820

1.5	Từ ngã ba thửa 202, BĐ 03 đến ngã ba hết thửa 141, BĐ 03	1.530
1.6	Từ ngã ba giáp thửa 141, BĐ 03 đến đường vào kho lương thực cũ (hết thửa 658, BĐ 07)	1.400
1.7	Từ đường vào kho lương thực cũ (giáp thửa 658, BĐ 07) đến hết ngã ba Cây Đa (thửa 778, BĐ 18)	1.160
1.8	Từ ngã ba Cây Đa đến ngã ba hết thửa 761, BĐ 18	1.100
1.9	Từ ngã ba giáp thửa 761, BĐ 18 đến đường vào khu tái định cư K899 (hết thửa 185, BĐ 21)	780
1.10	Từ đường vào khu tái định cư K899 (giáp thửa 185, BĐ 21) đến giáp xã N'Thôn Hạ	710
1.11	Từ QL27 vào chợ và các đường vòng quanh chợ Liên Hiệp	960
1.12	Từ thửa số 259, BĐ 03 đến thửa số 318, BĐ 03	540
2	Từ Quốc lộ 27 vào ngã ba nhà thờ	
2.1	Từ Quốc lộ 27 đến ngã tư hết thửa 295, BĐ 03	1.210
2.2	Từ ngã tư giáp thửa 295, BĐ 03 đến ngã ba nhà thờ	970
2.3	Từ ngã ba thửa 221, BĐ 01 đến giáp thửa 209, BĐ 01	380
2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 216, BĐ 01 đến ngã ba cạnh thửa 217, BĐ 01	380
2.5	Từ ngã ba cạnh thửa 233, BĐ 01 đến hết đường (thửa 339, BĐ 01)	380
2.6	Từ ngã ba cạnh thửa 249, BĐ 03 đến chợ Liên Hiệp	560
3	Đường Lê Hồng Phong	
3.1	Từ ngã tư chùa Hải Đức đến ngã ba hết thửa 928, BĐ 13	2.200
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 928, BĐ 13 đến ngã ba hết nhà thờ Nghĩa Lâm (thửa 962, BĐ 13)	1.900
3.3	Từ giáp nhà thờ Nghĩa Lâm đến ngã ba cạnh thửa 1049, BĐ 13	1.700
3.4	Từ giáp thửa 1049, BĐ 13 đến thửa hết thửa 2264, BĐ 12 (cạnh trường Lương Thế Vinh)	1.500
3.5	Từ ngã tư cạnh trường Lương Thế Vinh đến ngã ba cạnh thửa 800, BĐ 12	1.300
3.6	Từ ngã ba cạnh thửa 800, BĐ 12 đến ngã ba vào trại Gia Chánh (hết thửa 704, BĐ 12)	1.100
3.7	Từ ngã ba vào trại Gia Chánh (giáp thửa 704, BĐ 12) đến hết thửa 1057, BĐ 12	900

3.8	Từ giáp thửa 1057, BĐ 12 đến ngã ba địa giới hành chính N' Thôn Hạ, Liên Hiệp và Liên Nghĩa	800
4	Từ ngã tư chùa Hải Đức (cạnh thửa 2442, BĐ 13 đến ngã ba đi Bốt Pha (cạnh thửa 1143, BĐ 13	1.990
	Khu vực II	
1	Đường hẻm Quốc lộ 27 (từ TT. Liên Nghĩa đến Cổng Vàng)	
1.1	Từ giáp QL 27 (cạnh thửa 68, BĐ 17) đến ngã ba cạnh thửa 451, BĐ 17	320
1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 258, BĐ 01 đến giáp thửa 254, BĐ 01	320
1.3	Từ ngã ba cạnh thửa 248, BĐ 01 (đất Hạnh Công) đến ngã ba hết thửa 637, BĐ 01	310
1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 243, BĐ 01 đến ngã ba hết thửa 193, BĐ 01	320
1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 847, BĐ 17 đến tường rào sân bay	470
1.6	Từ ngã ba cạnh thửa 486, BĐ 17 đến giáp tường rào sân bay	320
1.7	Từ ngã ba cạnh thửa 834, BĐ 17 đến hết thửa 885, BĐ 17 và giáp thửa 785, BĐ 17	300
1.8	Từ ngã ba cạnh thửa 237, BĐ 01 đến ngã tư hết thửa 346, BĐ 01	410
1.9	Từ ngã tư giáp thửa 346, BĐ 01 đến ngã tư hết thửa 671, BĐ 01	320
1.10	Từ ngã tư giáp thửa 671 , BĐ 01 đến ngã ba hết thửa 195, BĐ 02	320
1.11	Từ ngã ba cạnh thửa 498, BĐ 17 (Trạm Y Tế) đến ngã ba giáp thửa 852, BĐ 17	410
1.12	Từ ngã ba giáp thửa 852, BĐ 17 đến ngã ba cạnh thửa 731, BĐ 17	400
1.13	Từ ngã ba thửa 852 , BĐ 17 đến hết thửa 99, BĐ 16	260
2	Đường hẻm Quốc lộ 27 (từ Cổng Vàng đến N' Thôn Hạ)	
2.1	Từ ngã ba cạnh thửa 202, BĐ 03 đến ngã tư hết thửa 196, BĐ 03	410
2.2	Từ ngã tư giáp thửa 196, BĐ 03 đến ngã tư hết thửa 827, BĐ 02	320

2.3	Từ ngã tư giáp thửa 827, BĐ 02 đến hết thửa 307, BĐ 02	320
2.4	Từ ngã tư giáp thửa 196, BĐ 03 đến hết thửa 146, BĐ 03	320
2.5	Từ ngã ba cạnh thửa 78, BĐ 17 đến ngã ba giáp thửa 278, BĐ 17	420
2.6	Từ ngã ba cạnh thửa 278, BĐ 17 đến ngã ba đối diện thửa 11, BĐ 17 (hết thửa 13, BĐ 17)	320
2.7	Từ ngã ba cạnh thửa 142, BĐ 03 đến giáp thửa 97, BĐ 03	350
2.8	Từ ngã ba cạnh thửa 140, BĐ 03 đến hết thửa 64, BĐ 03	350
2.9	Từ ngã ba cạnh thửa 137, BĐ 03 đến giáp thửa 94, BĐ 03	350
2.10	Từ ngã ba chợ đến ngã tư cạnh thửa số 209, TBĐ 3	380
3	Từ Quốc lộ 27 (cạnh thửa 135, BĐ 03) đến hết trại heo (thửa 63, BĐ 03)	
3.1	Từ ngã ba cạnh thửa 135, BĐ 03 đến ngã ba hết thửa 119, BĐ 03	420
3.2	Từ ngã ba giáp thửa 119, BĐ 03 đến hết trại heo (thửa 63, BĐ 03)	290
4	Từ ngã ba kho lương thực 658, 07 đến hết thửa 103, BĐ 07	
4.1	Từ ngã ba kho lương thực đến ngã ba hết thửa 554, BĐ 07	340
4.2	Từ ngã ba giáp thửa 554, BĐ 07 đến hết thửa 103, BĐ 07	280
4.3	Từ Quốc lộ 27 - cạnh thửa 44, BĐ 18 đến hết thửa 256, BĐ 18	260
4.4	Từ ngã ba cạnh thửa số 1328, BĐ 7 đến cầu sắt cạnh thửa 285, BĐ 7	260
4.5	Từ ngã ba cạnh thửa 698 TBĐ 07 đến ngã ba cạnh thửa 764, BĐ 18	310
4.6	Từ ngã ba cạnh thửa 764, BĐ 18 đến hết thửa 1207, BĐ 07	280
5	Từ Quốc lộ 27 (cây đa) đến hết thửa 351, BĐ 19	
5.1	Từ ngã ba cạnh thửa 778, BĐ 18 đến hết thửa 362, BĐ 18	320
5.2	Từ giáp thửa 362, BĐ 18 đến hết thửa 351, BĐ 19	280

5.3	Từ Quốc lộ 27 - cạnh thửa 759, BĐ 19 đến hết thửa 245, BĐ 19	320
5.4	Từ ngã ba cạnh thửa 252, TBD 19 đến hết thửa 350, BĐ 18	310
5.5	Từ Quốc lộ 27 - cạnh thửa 132, BĐ 19 đến hết thửa 136, BĐ 21	320
5.6	Từ Quốc lộ 27 - cạnh thửa 141, BĐ 19 đến hết thửa 124, BĐ 21	320
5.7	Từ Quốc lộ 27 - cạnh thửa 728, BĐ 19 đến hết thửa 30, BĐ 21	320
6	Đường vào khu tái định cư	
6.1	Từ ngã ba cạnh thửa 101 từ BĐ 21 đến hết thửa 164 và 77, BĐ 21	360
6.2	Từ giáp thửa 77, BĐ 21 đến hết thửa 38, BĐ 21	350
6.3	Từ giáp thửa 102, BĐ 21 đến hết thửa 164, BĐ 21	320
7	Ngã ba vào nhà ông Huỳnh Đình Tam	
7.1	Từ ngã ba cạnh thửa 12, BĐ20 đến hết thửa 228, BĐ20	280
7.2	Từ ngã ba cạnh thửa số 251, BĐ 20 giáp thửa 672, BĐ 19	280
7.3	Từ giáp thửa 672, BĐ 19 đến giáp thửa 99, BĐ 16	260
7.4	Từ QL 27 (thửa 95, BĐ 21) đến giáp thửa 10, BĐ 21	280
7.5	Từ ngã ba cạnh thửa 14, BĐ 21 đến ngã ba cạnh thửa 195, BĐ 21	260
7.6	Từ Quốc lộ 27 - cạnh thửa 92, BĐ 21 đến giáp thửa 51, BĐ 21	280
7.7	Từ ngã ba cạnh thửa 51 ,TBD 21 đến giáp suối	260
8	Đường trong khu dân cư	
8.1	Từ ngã tư cạnh thửa số 608, BĐ 01 đến hết ngã tư cạnh thửa số 346, BĐ 01	380
8.2	Từ ngã ba cạnh thửa 344, BĐ 01 đến ngã tư cạnh thửa 546, BĐ 2	280
8.3	Từ ngã tư cạnh thửa 546, BĐ 2 đến hết thửa số 299, BĐ 2	260
8.4	Từ ngã tư cạnh thửa 346, BĐ 01 theo hướng thửa 641, BĐ 01 đến giáp thị trấn Liên Nghĩa	350
8.5	Từ ngã tư cạnh thửa 644, BĐ 01 đến ngã tư hết thửa 528, BĐ 01	430

8.6	Từ ngã tư giáp thửa 528, BĐ 01 đi qua thửa 473, BĐ 01 đến giáp thị trấn Liên Nghĩa	380
8.7	Từ ngã tư cạnh thửa 179, BĐ 02 đến ngã tư cạnh thửa 79a, BĐ 01	380
8.8	Từ ngã tư cạnh thửa 79a, BĐ 01 đến giáp đất trường Quân sự địa phương (thửa 278A, BĐ 01)	310
8.9	Từ ngã ba cạnh thửa 233, BĐ 02 đến hết thửa 241, BĐ 02	260
8.10	Từ ngã tư cạnh thửa 324, BĐ 03 đến ngã tư mương thủy lợi	380
8.11	Từ ngã tư mương thủy lợi đến ngã ba cạnh thửa 168, BĐ 07	348
8.12	Từ ngã tư cạnh thửa 291, BĐ 03 đến ngã tư mương thủy lợi (hết thửa 101, BĐ 03)	432
8.13	Từ ngã tư mương thủy lợi hết thửa 101, BĐ 03 đến hết thửa 06, BĐ 03	380
8.14	Từ giáp thửa 06, BĐ 03 đến thửa 163, BĐ 07	310
8.15	Từ ngã ba cạnh thửa 105, BĐ 7 đến ngã ba cạnh thửa 161, BĐ 7	320
8.16	Từ ngã ba cạnh thửa 161, BĐ 7 đến ngã ba cạnh thửa số 157, BĐ 7	280
8.17	Từ ngã tư cạnh thửa 165, BĐ 02 (tu viện) đến ngã tư mương thủy lợi - cạnh thửa 142, BĐ 02	380
8.18	Từ ngã ba cạnh thửa số 149, BĐ 2 đến ngã ba cạnh 341, BĐ 2	280
8.19	Từ ngã tư mương thủy lợi đi hướng thửa 76, BĐ 05 đến hết đường	310
8.20	Từ ngã ba cạnh thửa 75, BĐ 3 đến hết thửa 72, BĐ 3	280
8.21	Từ ngã ba nhà thờ đến giáp nghĩa trang	380
9	Đường nhánh đoạn từ nhà thờ An Hoà đến nghĩa trang	
9.1	Từ thửa 122, BĐ 02 đến ngã tư cạnh thửa 210, BĐ 02	310
9.2	Từ ngã tư cạnh thửa 210, BĐ 02 đến hết đường (cạnh thửa 05, BĐ 01)	280
9.3	Từ ngã tư cạnh thửa 89, BĐ 02 đến ngã tư mương thủy lợi xây (cạnh thửa 54, BĐ 02)	350
9.4	Từ mương thủy lợi xây đến hết thửa 783, BĐ 26	280

9.5	Từ ngã tư cạnh thửa 35, BĐ 02 đến ngã ba hết thửa 61, BĐ 05	280
9.6	Từ ngã ba nhà thờ An Hoà đến giáp thị trấn Liên Nghĩa	440
9.7	Từ ngã ba nhà thờ An Hoà đến mương thủy lợi xây (cạnh thửa 62, BĐ02)	440
9.8	Từ mương thủy lợi xây đến ngã ba miếu (cạnh thửa 367, BĐ26)	410
9.9	Từ ngã ba miếu (cạnh thửa 367, BĐ26) đến ngã ba cạnh thửa 103, BĐ 07	280
10	Đường thôn Gân Reo	
10.1	Từ ngã ba miếu đến ngã tư hết thửa 148, BĐ 26	310
10.2	Từ thửa 148, BĐ 26 đến ngã ba đường vào mỏ đá (thửa 1549, BĐ 28)	300
10.3	Từ thửa 1549, BĐ 28 đến thửa 1853, BĐ 29	290
10.4	Từ thửa số 1853, BĐ 29 đến cầu sắt	280
10.5	Từ ngã ba trường học Gân Reo đến đất ông Trần Sắt	280
10.6	Từ ngã ba hội trường thôn Gân Reo đến giáp thửa 1508, BĐ 28	300
10.7	Từ ngã ba cạnh thửa 1306, BĐ 28 đến thửa 1561, BĐ 28	280
10.8	Từ ngã ba cạnh thửa 1341, BĐ 28 đến mỏ đá Gân Reo	280
10.9	Từ ngã ba cạnh thửa 358, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 245, BĐ 26	300
10.10	Từ thửa 245, BĐ 26 đến ngã tư cạnh thửa 25, BĐ 26	290
10.11	Từ thửa 25, BĐ 26 đến hết đường	280
10.12	Từ ngã ba cạnh thửa 762, BĐ 26 đến ngã ba mương thủy lợi	280
11	Đường dọc mương thủy lợi	
11.1	Từ cống ngầm - cạnh thửa 04, BĐ 02 đến ngã tư cạnh thửa 62, BĐ 02	340
11.2	Từ ngã tư thửa 62, BĐ 02 đến ngã tư hết thửa 99, BĐ 03	310
11.3	Từ thửa 184, BĐ 05 đến hết thửa 138, BĐ 05	310
12	Đường thôn Tân Hiệp	
12.1	Hai đường gom dân sinh của đường cao tốc	810
12.2	Từ giáp đường gom dân sinh (thửa 897, BĐ 23) đến ngã hết thửa 805, BĐ 23	420

12.3	Từ giáp đường gom dân sinh đến giáp nghĩa trang thôn Tân Hiệp	384
12.4	Từ hầm chui đến ngã tư cạnh thửa 203, BĐ 24	440
12.5	Từ ngã tư cạnh thửa 203, BĐ 24 theo đường Lê Thị Pha đến giáp thị trấn Liên Nghĩa (thửa 296, BĐ 24)	440
12.6	Từ hầm chui cao tốc đến cầu sắt cạnh thửa 72, BĐ 24	420
12.7	Từ ngã ba cạnh thửa 170, BĐ 24 đến hết đường giáp thửa 173, BĐ 24	310
12.8	Từ ngã ba cạnh thửa 190, BĐ 24 đến hết đường	310
12.9	Từ ngã tư cạnh thửa 203, BĐ 24 theo hướng thửa 197, BĐ 24 đến hết đường	310
12.10	Từ ngã tư cạnh thửa 203, BĐ 24 đến đường gom dân sinh (cả hai nhánh)	380
13	Đường thôn Nghĩa Hiệp	
13.1	Từ ngã ba giáp Lô 90, thị trấn Liên Nghĩa đến ngã ba cạnh thửa 1587, BĐ 13	1.290
13.2	Từ ngã ba cạnh thửa 1587, BĐ 13 đến ngã ba cạnh biệt thự đôi	600
13.3	Từ ngã ba ngã ba cạnh biệt thự đôi đến ngã ba cạnh thửa 907, BĐ 15	500
13.4	Từ ngã ba cạnh thửa 907, BĐ 15 đến đất giáp thửa 881, BĐ 14	400
13.5	Từ thửa 881, BĐ 14 đến ngã ba cạnh thửa số 1512, BĐ 12 cạnh mương thoát nước xuống hồ Bà Hòa (Thửa 391 từ BĐ 12)	360
13.6	Từ ngã ba cạnh thửa số 1512, BĐ 12 cạnh mương thoát nước xuống hồ Bà Hòa đến ngã ba địa giới hành chính (N' Thôn Hạ, Liên Hiệp, Liên Nghĩa - giáp đường Lê Hồng Phong)	470
13.7	Từ ngã tư lô 90 và đường Lê Hồng Phong (góc chợ đầu mối) đến ngã tư đi chùa Hải Đức	700
13.8	Từ ngã tư đi chùa Hải Đức đến giáp chùa Hải Đức	600
13.9	Từ ngã tư đi chùa Hải Đức theo hướng xuống ruộng đến hết đường	500
13.10	Từ ngã tư đi chùa Hải Đức đến giáp nhà thờ Nghĩa Lâm	550
13.11	Từ nhà thờ Nghĩa Lâm đến hết thửa 987, BĐ 13	400

13.12	Từ ngã ba cạnh thửa 987, BĐ 13 đến giáp đường Lê Hồng Phong (cạnh thửa 1025, BĐ 13)	550
13.13	Từ ngã ba cạnh thửa số 1005, BĐ 13 đến hết đường	440
13.14	Từ đường Lê Hồng Phong qua hội trường thôn Nghĩa Hiệp đến giáp đường đá - thửa 1187, BĐ 13	450
13.15	Từ ngã ba cạnh nhà thờ Nghĩa Lâm đến giáp đường đá	400
13.16	Từ ngã ba cạnh thửa 981, BĐ 13 đến hết đường	400
13.17	Từ ngã ba cạnh thửa 987, BĐ 13 đến ngã ba cạnh thửa 2012, BĐ 13	490
13.18	Từ ngã ba cạnh thửa 2067, BĐ 12 theo đường xuống ruộng đến hết đường	400
13.19	Từ ngã ba cạnh thửa 1020, BĐ 13 thửa 1022, BĐ 13	280
13.20	Từ đường Lê Hồng Phong - ngã ba thửa 1284, BĐ 13 đến hết đường	450
13.21	Từ đường Lê Hồng Phong - cạnh thửa 1594, BĐ 13 đến hết đường	390
13.22	Từ đường Lê Hồng Phong - cạnh thửa 1045 và 1046, 1047, BĐ 13 đến hết đường	450
13.23	Từ đường Lê Hồng Phong - cạnh thửa 1049, BĐ 13 đến hết thửa 1053, BĐ 13	470
13.24	Từ ngã ba cạnh thửa 1061, BĐ 13 đến hết đường	390
13.25	Từ ngã ba cạnh thửa 2087, BĐ 13 đến hết đường	420
13.26	Từ ngã ba cạnh thửa 1108, BĐ 13 đến hết thửa 1102, BĐ 13	490
13.27	Từ đường Lê Hồng Phong - cạnh thửa 1112, BĐ 13 đến hết thửa 1110, BĐ 13	330
13.28	Từ đường Lê Hồng Phong - thửa 1115, BĐ 13 đến hết đường	330
13.29	Từ đường Lê Hồng Phong - thửa 857, BĐ 12 đến hết thửa 862, BĐ 12	310
13.30	Từ đường Lê Hồng Phong - thửa 811 từ BĐ 12 đến hết đường đến hết đường	290
13.31	Từ ngã ba cạnh thửa 800, BĐ 12 đến hết đường (giáp thửa 934, BĐ 12)	400
13.32	Từ đường Lê Hồng Phong thửa 718, BĐ 12 đến hết đường	290
13.33	Từ đường Lê Hồng Phong - thửa 1446, BĐ 12 đến hết đường	260

13.34	Từ đường Lê Hồng Phong cạnh thửa 1016 đến hết đường	280
13.35	Từ đường Lê Hồng Phong đi qua thửa 706, BĐ 12 đến hết đường	280
13.36	Từ đường Lê Hồng Phong đi qua thửa 705, BĐ 12 đến hết đường	330
13.37	Từ ngã ba giáp đường Lê Hồng Phong - cạnh thửa 1107, BĐ 13 đến hết đường	330
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	200
IV.	XÃ N' THÔN HẠ	
	Khu vực I	
1	Quốc lộ 27	
1.1	Từ giáp xã Liên Hiệp đến ngã ba vào mỏ đá và hết thửa 111, BĐ 27	630
1.2	Từ ngã ba vào mỏ đá và giáp thửa 111, BĐ 27 đến ngã ba vào thôn Bia Ray và hết thửa 241, BĐ 27	660
1.3	Từ ngã ba vào thôn Bia Ray và giáp thửa 241, BĐ 27 đến ngã ba hết thửa 864, BĐ 26 và hết thửa 810, BĐ 26	700
1.4	Từ ngã ba giáp thửa 864, BĐ 26 và giáp thửa 810, BĐ 26 đến ngã ba Trạm Y tế cũ và hết thửa đất số 955, BĐ 26.	730
1.5	Từ ngã ba Trạm Y tế cũ và giáp thửa đất số 955, BĐ 26 đến ngã ba đập hồ Đa Me và hết thửa 1185, BĐ 25.	690
1.6	Từ ngã ba đập hồ Đa Me và giáp thửa 1185, BĐ 25 đến ngã ba vào hồ Srê Kil và hết thửa 642, BĐ 25	660
1.7	Từ ngã ba vào hồ Srê Kil và giáp thửa 642, BĐ 25 đến ngã ba Klong Tum và hết thửa 238, BĐ 25.	460
1.8	Từ ngã ba Klong Tum và giáp thửa 238, BĐ 25 đến giáp xã Bình Thạnh	420
2	Đường ĐT 725 - đi Nam Ban	
2.1	Từ Quốc lộ 27 đến hết thửa 642, BĐ 26	750
2.2	Từ giáp thửa 642, BĐ 26 đến suối hết thửa 394, BĐ 20	600
2.3	Từ giáp thửa 394, BĐ 20 đến giáp xã Gia Lâm - Lâm Hà	480
3	Đường ĐH 01 - đi Liên Nghĩa	
3.1	Từ ngã ba cạnh thửa số 745, BĐ 33 (trạm Y tế cũ) đến cầu Đa Me (hết thửa 201, BĐ 33)	480

3.2	Từ cầu Đa Me đến ngã ba cạnh thửa 270, BĐ 33	430
3.3	Từ ngã ba cạnh thửa 270, BĐ 33 đến ngã ba vào trường THCS N' Thôn Hạ và hết thửa 233, BĐ 33	400
3.4	Từ ngã ba vào trường THCS N' Thôn Hạ và giáp thửa 233, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 645 và hết thửa 791, BĐ 34	380
3.5	Từ ngã ba giáp thửa 645 và giáp thửa 791, BĐ 34 đến ngã ba hết thửa 75 và hết thửa 03, BĐ 42	430
3.6	Từ ngã ba giáp thửa 75 và giáp thửa 03, BĐ 42 đến hết thửa 553, 840, BĐ 43 (gần ngã ba đi vào mỏ đá Srê Đăng)	400
3.7	Từ thửa 553, 840, BĐ 43 (gần ngã ba đi vào mỏ đá Srê Đăng) đến Cầu Ván (hết thửa 783, 833, BĐ 43)	460
3.8	Từ Cầu Ván (giáp thửa 783, 833, BĐ 43) đến ngã ba địa giới hành chính của Liên Hiệp; N' Thôn Hạ và TT. Liên Nghĩa (thửa 123, BĐ 44)	750
	Khu vực II	
4	Đường thôn Bia Ray - thôn Thái Sơn:	
4.1	Từ ngã ba cạnh thửa 31, BĐ 33 (Trường tiểu học) đến ngã ba hết thửa 576, BĐ 27 và hết thửa đất số 436, BĐ 27	300
4.2	Từ ngã ba giáp thửa 576, BĐ 27 và giáp thửa đất số 436, BĐ 27 đến Quốc lộ 27	300
4.3	Từ ngã ba cạnh thửa 576, BĐ 27 qua ngã ba cạnh thửa 527, BĐ 27 đến hết thửa 531, BĐ 27	190
4.4	Từ ngã ba đối diện thửa 527, BĐ 27 đến hết thửa 114, BĐ 34	180
4.5	Từ ngã ba thửa 287, BĐ 27 đến hết thửa 85, BĐ 27	300
4.6	Từ ngã ba cạnh thửa 222, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 808, BĐ 26 - giáp Quốc lộ 27	240
4.7	Từ ngã ba cạnh thửa 152, BĐ 27 đi thửa 186, BĐ 27 đến ngã ba giáp Quốc lộ 27 - cạnh thửa 201, BĐ 27 (cạnh trường Hoàng Hoa Thám)	240
4.8	Từ ngã ba cạnh thửa 793, BĐ 26 đến giáp thửa 656, BĐ 26 (nghĩa địa)	300
4.9	Từ Quốc lộ 27 (cạnh thửa 912, BĐ 26) đến hết thửa 1013, BĐ 26	260
4.10	Từ Quốc lộ 27 (cạnh thửa 864, BĐ 26) đến hết thửa 919, BĐ 26	260

4.11	Từ Quốc lộ 27 (cạnh thửa 817, BĐ 28) đến hết thửa 1212, BĐ 28	240
4.12	Từ ngã ba cạnh thửa 1212, BĐ 28 đến ngã ba hết thửa 59, BĐ 34	220
4.13	Từ Quốc lộ 27 (cạnh thửa 133, BĐ 27) đến suối (hết thửa 102, BĐ 27)	240
5	Đường thôn Srê Đăng:	
5.1	Từ ngã ba đối diện thửa 03, BĐ 42 đến ngã ba hết thửa 280, BĐ 42	290
5.2	Từ ngã ba cạnh thửa 783, BĐ 43 (hồ bà Hòa) đến ngã ba hết thửa 97, BĐ 44.	190
5.3	Từ ngã ba cạnh thửa 270, BĐ 33 qua nhà thờ Bon Rôm đến hết thửa 214, 197, BĐ 32.	300
5.4	Từ ngã ba cạnh thửa 226, BĐ 22 đến ngã ba hết thửa 192, BĐ 32	260
5.5	Từ ngã ba cạnh thửa 199, BĐ 33 đến ngã ba phân trường Mẫu giáo thôn Lạch Tông (hết thửa 177, BĐ 32).	220
5.6	Từ ngã tư cạnh thửa 201, BĐ 33 qua thửa 243, BĐ 33 đến hết đường	190
5.7	Từ ngã ba cạnh thửa 306, BĐ 33 (đường vào trường THCS N' Thôn Hạ) đến ngã ba hết thửa 526, BĐ 33	200
5.8	Từ ngã ba giáp thửa 526, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 322, BĐ 41	180
5.9	Từ ngã ba cạnh thửa 526, BĐ 33 đến ngã ba giáp thửa 607, BĐ 33	180
5.10	Từ ngã ba cạnh thửa 840, BĐ 43 (đường vào mỏ đá) đến cống (hết thửa 424, BĐ 43)	280
5.11	Từ ngã ba cạnh thửa 553, BĐ 43 đi thửa 304, BĐ 42 đến hết thửa 375, BĐ 42; đến hết thửa 433, BĐ 43; đến hết thửa 753, BĐ 43	250
5.12	Từ ngã ba cạnh thửa 227, BĐ 32 đi qua thửa 183, BĐ 32 đến ngã ba cạnh thửa 197, BĐ 32	260
5.13	Từ ngã ba cạnh thửa 123, BĐ 44 đến ngã ba giáp thửa 30, BĐ 44	280
5.14	Từ ngã ba cạnh thửa 30, BĐ 44 đến ngã ba giáp thửa 08, BĐ 44	220
6	Đường thôn Bon Rôm-Lạch Tông:	
6.1	Từ giáp thửa 214, 197, BĐ 32 đến hết thửa 96, BĐ 31	300

6.2	Từ ngã ba sân bóng thôn Lạch Tông (thửa 50, BĐ 40) đến giáp xã Tân Hội (hết thửa 389, BĐ 47)	290
6.3	Từ ngã ba cạnh thửa 248, BĐ 32 đến ngã ba đối diện thửa 330, BĐ 32	190
6.4	Từ ngã ba cạnh trường THCS xã N' Thôn Hạ (thửa 404, BĐ 33) đến ngã ba giáp nghĩa địa thôn Lạch Tông (thửa 555, BĐ 32)	180
6.5	Từ ngã ba cạnh thửa 518, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 321, BĐ 32	160
6.6	Từ ngã ba cạnh thửa 257, BĐ 32 đi qua thửa 279, BĐ 32 đến ngã ba cạnh thửa 286, BĐ 32 (đường bên hông nhà thờ Bon Rom)	190
7	Đường thôn Lạch Tông - Thôn Yang Ly:	
7.1	Từ ngã ba cạnh thửa 139, BĐ 31 đến ngã ba hết thửa 234, BĐ 31 và hết thửa 190, BĐ 31	300
7.2	Từ giáp thửa 234, BĐ 31 đến giáp Ba Cản, xã Tân Hội (thửa 10, BĐ 37)	260
7.3	Từ ngã ba cạnh thửa 196, BĐ 32 đến ngã ba cạnh thửa 570, BĐ 31	190
7.4	Từ ngã ba sân bóng Lạch Tông (cạnh thửa 50, BĐ 40) qua ngã ba cạnh thửa 75, BĐ 39 đến ngã ba cạnh thửa 171, BĐ 31	190
7.5	Từ ngã ba đập hồ Đa Me (cạnh thửa 43, BĐ 32) đến ngã ba hết thửa 286, BĐ 32 và hết thửa 319, BĐ 32.	320
7.6	Từ ngã ba cạnh thửa 286, BĐ 32 và giáp thửa 319, BĐ 32 đến sân bóng Lạch Tông (thửa 50, BĐ 40)	300
8	Đường thôn Đoàn Kết	
8.1	Từ ngã ba cạnh thửa 742, BĐ 25 qua hồ Srê Kil đến ngã ba hết thửa 827, BĐ 25	190
8.2	Từ ngã ba Klong Tum (cạnh thửa 175, BĐ 25) đến ngã ba cạnh Nghĩa địa thôn Đoàn Kết (hết thửa 66, BĐ 19).	160
8.3	Từ ngã ba cạnh thửa 57, BĐ 25 đến hết thửa 171, BĐ 25	160
	Khu vực III:	
	Các đoạn đường còn lại	130
V	Xã Bình Thạnh	
	Khu vực I:	
1	Quốc lộ 27	

1.1	Từ giáp xã N'Thôn Hạ đến ngã ba giáp thửa 145, BĐ 19 và hết thửa 231, BĐ 19	440
1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 145, BĐ 19 và giáp thửa 231, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 16, BĐ 19 và hết thửa 18, BĐ 19	430
1.3	Từ ngã ba cạnh thửa 16, BĐ 19 và giáp thửa 18, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 191, BĐ 14 và hết thửa 165, BĐ 14	440
1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 191, BĐ 14 và giáp thửa 165, BĐ 14 đến công nghĩa trang Thanh Bình và hết thửa 540, BĐ 13	530
1.5	Từ công nghĩa trang Thanh Bình và giáp thửa 540, BĐ 13 đến ngã tư nhà thờ Thanh Bình	580
1.6	Từ ngã tư nhà thờ Thanh Bình đến ngã tư HTX Thanh Bình 1 (thửa 481, BĐ 13)	620
1.7	Từ ngã tư HTX Thanh Bình 1 (thửa 481, BĐ 13) đến cầu Thanh Bình	610
1.8	Từ cầu Thanh Bình đến ngã ba hết thửa 118, BĐ 12 và hết thửa 220, BĐ 12	520
1.9	Từ ngã ba giáp thửa 118, BĐ 12 và giáp thửa 220, BĐ 12 đến ngã ba Xóm 3 đi Kim Phát và hết thửa 313, BĐ 12	540
1.10	Từ ngã ba Xóm 3 đi Kim Phát và giáp thửa 313, BĐ 12 đến ngã ba hết thửa 579, BĐ 12 và hết thửa 297, BĐ 12	410
1.11	Từ ngã ba giáp thửa 579, BĐ 12 và giáp thửa 297, BĐ 12 đến giáp Lâm Hà	380
1.12	Đường huyện - Từ ngã ba ranh giới Tân Hội - Đinh Văn - Bình Thạnh đến giáp huyện Lâm Hà	360
	Khu vực II:	
1	Đường thôn Thanh Bình 3	
1.1	Từ ngã ba cạnh thửa 9, BĐ 25 đến ngã ba xã N' Thôn Hạ (hết thửa 175, BĐ 20)	160
1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 13, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 39, BĐ 24	160
1.3	Từ ngã ba cạnh thửa 145, BĐ 20 đến ngã ba hết thửa 20, BĐ 20	200
1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 95, BĐ 20 đến ngã tư cạnh thửa 85, BĐ 20	180

1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 20, BĐ 20 đến ngã ba cạnh thửa 14, BĐ 20	150
1.6	Từ ngã tư cạnh thửa 77, BĐ 20 đến ngã tư cạnh thửa 67, BĐ 20	150
1.7	Từ ngã ba cạnh thửa 140, BĐ 20 đến hết thửa 318, BĐ 19	220
1.8	Từ giáp thửa đất 318, BĐ 19 đến nương nước hết thửa đất số 97, BĐ 24	190
1.9	Từ ngã ba cạnh thửa 85, BĐ 20 đi qua ngã tư cạnh thửa 65, BĐ 20 đến giáp N' Thôn Hạ	220
1.10	Từ ngã ba cạnh thửa 57, BĐ 24 đi theo hướng thửa 25, BĐ 24 đến ngã tư cạnh thửa 310, BĐ 19	160
1.11	Từ ngã ba cạnh thửa 145, BĐ 19 đến giáp N' Thôn Hạ (hết thửa 04, BĐ 20)	220
1.12	Từ ngã tư cạnh thửa 41, BĐ 20 đến ngã ba hết thửa 131, BĐ 19	150
1.13	Từ ngã ba cạnh thửa 229, BĐ 19 đến ngã tư cạnh thửa 310 - 253, BĐ 19	190
1.14	Từ ngã ba cạnh thửa 127, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 132, BĐ 19 và hết thửa 332, BĐ 19	160
1.15	Từ ngã ba cạnh thửa 16, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 104, BĐ 19	190
1.16	Từ ngã ba cạnh thửa 254, BĐ 14 đến giáp ranh xã N' Thôn Hạ	160
1.17	Từ ngã ba cạnh thửa 142, BĐ 14 (đường lò gạch) đến cầu mới (hết thửa 384, BĐ 10)	200
1.18	Từ ngã ba cạnh thửa 370, BĐ 13 đến hết thửa 366, BĐ 14	180
1.19	Từ ngã ba (cầu sông Cam Ly) đến suối - hết thửa 17, BĐ 10	140
2	Đường thôn Thanh Bình 2	
2.1	Từ ngã ba cạnh thửa 191, BĐ 14 đến ngã ba hết thửa 638, BĐ 13	190
2.2	Từ ngã ba giáp thửa 638, BĐ 13 theo hướng thửa 93, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 402, BĐ 18	180
2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 379, BĐ 13 đến giáp sông Cam Ly	220
2.4	Từ ngã ba nhà văn hóa (thửa 390, BĐ 13) đến giáp sông Cam Ly	200

2.5	Từ ngã ba cạnh thửa 251, BĐ 13 đến giáp mương (hết thửa 135, BĐ 13)	150
2.6	Từ ngã ba hội trường thôn Thanh Bình 2 đến hết thửa 385, BĐ 13	150
2.7	Từ ngã ba cạnh thửa 391, BĐ 13 đến ngã ba cạnh thửa 338, BĐ 13	160
2.8	Từ ngã tư chợ (cạnh thửa 406, BĐ 13) đến sông Cam Ly	250
2.9	Từ ngã ba cạnh thửa 424, BĐ 13 đến giáp sông Cam Ly	250
3	Đường thôn Thanh Bình 1	
3.1	Từ mương nước cạnh thửa đất số 97 BĐ 24 đến ngã ba đê Thánh Vinh Sơn (thửa 646, BĐ 18)	200
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 96, BĐ 24 đi theo hướng thửa 167 và thửa 193, BĐ 24 đến ngã ba cạnh thửa 211, BĐ 23	150
3.3	Từ ngã tư nhà thờ Thanh Bình đến mương nước (hết thửa 714, BĐ 13)	220
3.4	Từ mương nước giáp thửa 714, BĐ 13 đến ngã ba hết thửa 724, BĐ 13	140
3.5	Từ ngã ba cạnh thửa 617, BĐ 13 đến ngã tư hết thửa 606, BĐ 13	160
3.6	Từ ngã tư cạnh thửa 501, BĐ 13 đến ngã tư hết thửa 815, BĐ 13	220
3.7	Từ ngã tư cạnh thửa 815, BĐ 13 đến ngã ba hết thửa 193, BĐ 18	160
3.8	Từ ngã tư cạnh thửa 815, BĐ 13 đến ngã ba hết thửa 262, BĐ 18	140
3.9	Từ ngã tư HTX Thanh Bình 1 (cạnh thửa 481, BĐ 13) đến ngã ba hết thửa 97, BĐ 18	240
3.10	Từ ngã ba cạnh thửa 467, BĐ 13 đến ngã tư cạnh thửa 316, BĐ 18	260
3.11	Từ ngã tư cạnh thửa 316, BĐ 18 đến ngã ba cạnh thửa 646, BĐ 18 (đê Thánh Vinh Sơn)	190
3.12	Từ ngã ba cạnh thửa 771, BĐ 13 đến hết thửa 599, BĐ 13 (giáp sông Cam Ly)	160
3.13	Từ ngã ba cạnh thửa 72, BĐ 18 đi qua thửa 128, BĐ 18 đến ngã tư cạnh thửa 316, BĐ 18	190
3.14	Từ ngã ba cạnh thửa 104, BĐ 18 đi theo hướng thửa 111, BĐ 18 đến ngã tư cạnh thửa 316, BĐ 18	180

3.15	Từ ngã ba cạnh thửa 203, BĐ 18 đến giáp sông Cam Ly	160
3.16	Từ ngã ba cạnh thửa 539, BĐ 18 đến giáp thửa 526, BĐ 18	160
3.17	Từ ngã ba cạnh thửa 646, BĐ 18 (đền Thánh Vinh Sơn) đến ngã ba cạnh thửa 84, BĐ 22	180
3.18	Từ ngã ba cạnh thửa 646, BĐ 18 (đền thánh Vinh Sơn) đến ngã ba cạnh thửa 59, BĐ 23	260
3.19	Từ ngã ba cạnh thửa 59, BĐ 23 đi theo hướng thửa 138, BĐ 23 đến giáp suối (thác Vinh Sơn)	240
3.20	Từ ngã ba cạnh thửa 84, BĐ 22 đi theo hướng thửa 150, BĐ 22 đến ngã ba cạnh thửa 249, BĐ 27	150
3.21	Từ ngã ba cạnh thửa 128, BĐ 27 đi theo hướng thửa 164, 213, BĐ 27 và theo hướng thửa 12, BĐ 29 đến ngã ba cạnh thửa 17, BĐ 29	150
3.22	Từ ngã ba cạnh thửa 86, BĐ 28 đến ngã ba cạnh thửa 249, BĐ 27 (ĐH1)	260
3.23	Từ ngã ba cạnh thửa 249, BĐ 27 đến ngã ba 02 xã Bình Thạnh - Tân Hội (thửa 17, BĐ 29)	300
4	Đường thôn Kim Phát	
4.1	Từ ngã ba cạnh thửa 444, BĐ 13 đến hết thửa 451 BĐ 13	160
4.2	Từ ngã ba cạnh thửa 286, BĐ 13 đến hết thửa số 94, BĐ 13	220
4.3	Từ ngã ba cạnh thửa 344, BĐ 12 đến ngã ba giáp thửa 673, BĐ 17	180
4.4	Từ ngã ba cạnh thửa 118, BĐ 12 đến ngã ba đường vào Thị Trinh (hết thửa 16, BĐ 12)	160
4.5	Từ ngã ba cạnh thửa 344, BĐ 12 đến ngã ba giáp thửa 673, BĐ 17	200
4.6	Từ ngã ba ngã ba cạnh thửa 673, BĐ 17 đến ngã ba hết thửa 617, BĐ 17	160
4.7	Từ ngã ba cạnh thửa 616, BĐ 17 đi theo hướng thửa 37, BĐ 22 đến hết thửa 42, BĐ 22	150
4.8	Từ ngã ba cạnh thửa 228, BĐ 12 (giáo xứ Kim Phát) đến hết ngã ba cạnh thửa 361, BĐ 12)	190
4.9	Từ ngã ba cạnh thửa 205, BĐ 12 đến ngã ba cạnh thửa 196, BĐ 12	150

4.10	Từ ngã ba cạnh thửa 185, BĐ 12 đi theo hướng thửa 131, BĐ 12 đến ngã ba cạnh thửa 87, BĐ 12	160
4.11	Từ ngã ba cạnh thửa 312, BĐ 12 đến ngã ba cạnh thửa 137, BĐ 12	240
4.12	Từ ngã ba thửa 137, BĐ 12 đến hết thửa 152, BĐ 12	190
4.13	Từ ngã ba cạnh thửa 137, BĐ 12 theo hướng thửa số 58, BĐ 12 đến hết thửa 21, BĐ 12	160
4.14	Từ ngã ba cạnh thửa 579, BĐ 12 đến hết thửa 472, BĐ 17	150
4.15	Từ ngã ba cạnh thửa 288, BĐ 12 đến ngã ba cạnh thửa 152, BĐ 12	150
	Khu vực III:	
	Các đoạn đường còn lại	130
VI	XÃ TÂN HỘI	
	Khu vực I	
1	Từ ngã ba đi Tân Thành (cạnh thửa 189, BĐ 36) thuộc xóm 1 Tân Đà đến giáp xã Tân Thành	410
2	Đường ĐT 724	
2.1	Từ giáp xã Phú Hội đến ngã ba đi Tân Thành (Xóm 1, Tân Đà) và hết thửa 171, BĐ 37	430
2.2	Từ ngã ba đi Tân Thành và giáp thửa 171, BĐ 37 đến đường hẻm cạnh thửa 117, BĐ 36 và hết thửa 143, BĐ 36	440
2.3	Từ đường hẻm cạnh thửa 117, BĐ 36 và giáp thửa 143, BĐ 36 đến hết thửa 101, BĐ 36	480
2.4	Từ giáp thửa 101, BĐ 36 đến ngã ba giáp thửa 586, BĐ 33 và hết thửa 573, BĐ 33	580
2.5	Từ ngã ba cạnh thửa 586, BĐ 33 và giáp thửa 573 BĐ 33 đến ngã tư Tân Đà - Tân Lập - Tân Trung (cạnh thửa 417, BĐ 33)	660
2.6	Từ ngã tư Tân Đà - Tân Lập - Tân Trung (cạnh thửa 417, BĐ 33) đến ngã ba cạnh thửa 207, BĐ 33 và hết thửa 252, BĐ 33	730
2.7	Từ ngã ba cạnh thửa 207, BĐ 33 và giáp thửa 252, BĐ 33 đến ngã ba cạnh thửa 65, BĐ 33 và hết thửa 635, BĐ 33	830
2.8	Từ ngã ba cạnh thửa 65, BĐ 33 và giáp thửa 635, BĐ 33 đến giáp thửa 395, BĐ 28 và giáp thửa 832, BĐ 27	920

2.9	Từ thửa 395, BĐ 28 và thửa 832, BĐ 27 đến giáp khu quy hoạch Trung tâm thương mại xã Tân Hội (cạnh thửa 645, BĐ 27) và hết thửa 674, BĐ 27	1.120
2.10	Từ giáp khu quy hoạch Trung tâm thương mại xã Tân Hội (cạnh thửa 645, BĐ 27) và giáp thửa 674, BĐ 27 đến ngã ba giáp cây xăng vật tư Tân Hội và giáp thửa 531, BĐ 27	1.380
2.11	Từ ngã ba giáp cây xăng vật tư Tân Hội và thửa 531, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 296, BĐ 27 và hết thửa 330, BĐ 27	1.190
2.12	Từ ngã ba cạnh thửa 296, BĐ 27 và giáp thửa 330, BĐ 27 đến đường 3/2 (cạnh thửa 253, BĐ 27) và hết thửa 232, BĐ 27	1.150
2.13	Từ đường 3/2 (giáp thửa 253, BĐ 27) và giáp thửa 232, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 189, BĐ 27 (Hội trường thôn Tân Hiệp) và hết thửa 222, BĐ 27	1.090
2.14	Từ ngã ba cạnh thửa 189, BĐ 27 (Hội trường thôn Tân Hiệp) và giáp thửa 222, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 165, BĐ 27 và giáp thửa 205, BĐ 27	1.040
2.15	Từ ngã ba cạnh thửa 165, BĐ 27 và thửa 205, BĐ 27 đến ngã tư giáp thửa 21, BĐ 26	1.010
2.16	Từ ngã tư cạnh thửa 21, BĐ 26 đến ngã ba Tân Hiệp - Ba Cản và hết thửa 16, BĐ 26	660
2.17	Từ ngã ba Tân Hiệp - Ba Cản và giáp thửa 16, BĐ 26 đến giáp xã Tân Thành (hết thửa 01 BĐ 25)	480
3	Đường liên huyện Đức Trọng - Lâm Hà	
3.1	Từ ngã ba Tân Hiệp - Ba Cản (cạnh thửa 348, BĐ 19) đến hết thửa 113, 114, BĐ 19	500
3.2	Từ giáp thửa 113, 114, BĐ 19 đến hết thửa 198, 208, BĐ 12	480
3.3	Từ giáp thửa 198, 208, BĐ 12 đến ngã tư đi Đình Văn - Bình Thạnh (hết thửa 260 BĐ 07)	410
3.4	Từ ngã tư đi Đình Văn - Bình Thạnh (cạnh thửa 260, BĐ 07) đến ngã ba hết thửa 187, BĐ 07 và hết thửa 196, BĐ 06	310
3.5	Từ ngã ba cạnh thửa 187, BĐ 07 và giáp thửa 196, BĐ 06 đến giáp Lâm Hà (hết thửa 24, BĐ 02)	290
4	Đường ĐH 01	
4.1	Từ ngã tư đi Đình Văn - Bình Thạnh (cạnh thửa 234, BĐ 07) đến ngã ba (hết thửa 49, BĐ 07)	310

4.2	Từ ngã ba giáp thửa 49 , BĐ 07 đến giáp xã N'Thôn Hạ (thửa 12, BĐ 07)	290
5	Đường ĐH 02	
5.1	Từ ngã ba cạnh thửa 56, BĐ 22 đến ngã ba hết thửa 10, BĐ 22	340
5.2	Từ ngã ba cạnh thửa 10, BĐ 22 đến ngã ba hết thửa 13, BĐ 16	300
6	Đường ĐH 03	
6.1	Từ ngã ba đường Ba Tháng Hai (cạnh thửa 253, BĐ 27) đến hết thửa 440, 418, BĐ 27	1.040
6.2	Từ mương giáp thửa 440, BĐ 27 đến giáp xã Tân Thành	540
6.3	Từ đường ĐT 724 đến giáp sân bóng xã Tân Hội	1.380
6.4	Từ sân bóng xã Tân Hội (cạnh thửa 168, BĐ 27) đến ngã tư Trạm y tế xã (cạnh thửa 103, BĐ 27)	690
6.5	Từ ngã tư Trạm y tế (cạnh thửa 103, BĐ 27) đến hết thửa 34, BĐ 28 (cạnh hồ Suối Dứa)	480
6.6	Từ giáp thửa 34, BĐ 28 (cạnh hồ Suối Dứa) đến ngã ba cạnh thửa 339, BĐ 22 và giáp hội trường thôn Tân An (thửa 311, BĐ 22)	300
6.7	Từ ngã ba cạnh thửa 339 BĐ 22 và hội trường thôn Tân An (thửa 311, BĐ 22) đến ngã tư Tân Phú - Tân An (hết thửa 84, BĐ 22)	250
6.8	Từ ngã tư Tân Phú - Tân An đến ngã ba hết hội trường thôn Tân Phú (thửa 381, BĐ 23)	240
6.9	Từ ngã ba cạnh hội trường thôn Tân Phú (cạnh thửa 395, BĐ 23) đến giáp xã Phú Hội (hết thửa 30, BĐ 31)	230
7	Đường khu quy hoạch Trung tâm thương mại Tân Hội	
7.1	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 580, BĐ 27 đến hết thửa 461, BĐ 27	1.400
7.2	Từ đường ĐT 724 - cạnh chợ đến hết thửa 369, BĐ 27, từ thửa 382, BĐ 27 đến hết thửa 445, BĐ 27	1.400
7.3	Từ ngã ba cạnh thửa 522, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 596, BĐ 27	1.200
7.4	Từ ngã ba cạnh thửa 546, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 497, BĐ 27	1.200
7.5	Từ ngã ba cạnh thửa 461, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 548, BĐ 27	1.200

7.6	Từ giáp thửa 369, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 317, BĐ 27	1.200
7.7	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 643, 631, BĐ 27 đi thửa 227, BĐ 28 đến đường ĐH 03 - cạnh thửa 272, BĐ 27	1.350
8	Đường khu quy hoạch chỉnh trang khu dân cư chợ cũ Tân Hội	
8.1	Trục đường 2 - 7	800
8.2	Trục đường 4 - 5	700
8.3	Trục đường 3 - 8	800
	Khu vực II	
1	Đường thôn Tân Hiệp - thôn Ba Cản - Thôn Tân Thuận	
1.1	Từ ngã ba cạnh thửa 177, BĐ 27 (nhà ông Lê Kim Đình) đến Nhà văn hóa xã (thửa 77, BĐ 28)	480
1.2	Từ đường ĐH 03 - cạnh sân bóng đi qua thửa 148, BĐ 27 đến giáp đường ĐT 724 (cạnh hội trường thôn Tân Hiệp - thửa 189, BĐ 27)	490
1.3	Từ ngã ba giáp thửa 154, BĐ 27 đến hết thửa 46, BĐ 27	360
1.4	Từ Trường tiểu học Ba Cản (thửa 63, BĐ 11) đến ngã ba cạnh thửa 88, BĐ 12	180
1.5	Từ ngã ba giáp thửa 88, BĐ 12 đến ngã ba cạnh thửa 300 và giáp thửa 196, BĐ 13	160
1.6	Từ ngã ba cạnh thửa 147, BĐ 11 (giáp đường nhựa) đến hết thửa 43, BĐ 10	150
1.7	Từ ngã ba cạnh thửa 366, BĐ 19 đi qua thửa 117, BĐ 20 đến ngã ba hết thửa 91, BĐ 19	150
1.8	Từ ngã ba cạnh thửa 107, BĐ 20 đến ngã ba cạnh thửa 43, BĐ 20	140
1.9	Từ ngã ba cạnh thửa 46, BĐ 19 đến ngã ba hết thửa 128, BĐ 13	180
1.10	Từ ngã ba cạnh thửa 88, BĐ 12 đến ngã ba hết thửa 135, BĐ 07	150
1.11	Từ ngã ba cạnh thửa 141, BĐ 19 đến ngã ba hết thửa 204, BĐ 11	150
1.12	Từ ngã ba cạnh thửa 328, BĐ 06 đến ngã ba cạnh thửa 19, BĐ 11	140
1.13	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 48, BĐ 26 đến hết thửa 154, BĐ 26	150

1.14	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 21, BĐ 26 đến hết thửa 452, BĐ 20	160
2	Đường thôn Tân Đà - thôn Tân Trung	
2.1	Từ đường ĐH 03- cạnh Trạm y tế xã (thửa 103, BĐ 28) đến cống thoát nước Láng Cam I (cạnh thửa 218, BĐ 28)	360
2.2	Từ cống thoát nước Láng Cam I đến mương nước hết thửa 88, BĐ 34	240
2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 235, BĐ 28 đến ngã ba hết thửa 59, BĐ 28	140
2.4	Từ đường ĐH 03 - cạnh thửa 457, BĐ 21 đến ngã ba hết thửa 428, BĐ 29	150
2.5	Từ ngã ba cạnh thửa 88, BĐ 34 đến ngã ba hết thửa 60, BĐ 34	190
2.6	Từ giáp thửa 88, BĐ 34 đi qua thửa 214, BĐ 30 đến giáp xã Phú Hội (hết thửa 52, BĐ 38)	190
2.7	Từ ngã ba cạnh thửa 214, BĐ 34 (hội trường thôn Tân Đà) đến ngã ba hết thửa 398, BĐ 34	150
2.8	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 291, BĐ 37 (giáp xã Phú Hội) đến ngã ba xóm 4 Tân Đà (cạnh thửa 79, BĐ 37)	190
2.9	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 270, BĐ 37 đến ngã ba cạnh thửa 154, BĐ 37	160
2.10	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 209, BĐ 37 đến ngã ba đối diện thửa 286, BĐ 34	160
2.11	Từ đường ĐT 724 - Cống thôn văn hóa Tân Đà (cạnh thửa 747, BĐ 36) đến ngã ba đối diện thửa 169, BĐ 36	230
2.12	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 161, BĐ 36 đến ngã ba cạnh thửa 149, BĐ 37	150
2.13	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 80, BĐ 36 đến hết thửa 592, BĐ 33	150
2.14	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 588, BĐ 33 đến ngã ba cạnh thửa 585, BĐ 33	160
2.15	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 590, BĐ 33 đến ngã ba hết thửa 21, BĐ 36	150
2.16	Từ thửa 187, BĐ 36 đến ngã tư Tân Đà - Tân Lập (cạnh thửa 518, BĐ 33)	220
2.17	Từ ngã tư Tân Đà - Tân Lập -Tân Trung đến ngã ba cạnh thửa 162, BĐ 34	190

2.18	Từ ngã ba cạnh thửa 113, BĐ 36 đến hết thửa 200, BĐ 36	150
3	Đường thôn Tân Lập	
3.1	Từ ngã tư Tân Đà - Tân Lập - Tân Trung (cạnh thửa 417, BĐ 33) đến hết thửa 155, BĐ 32	190
3.2	Từ ngã tư Tân Đà - Tân Lập (cạnh thửa 546, BĐ 33) đến ngã ba hết thửa 165, BĐ 32	160
3.3	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 207, BĐ 33 đến hết thửa 68, BĐ 33	150
3.4	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 63, BĐ 33 đến hết thửa 408, BĐ 28	150
3.5	Từ ngã ba cạnh thửa 703, BĐ 33 đến hết thửa 218, BĐ 32	150
3.6	Từ ngã ba cạnh thửa 165, BĐ 32 đến ngã tư hết thửa 10, BĐ 32	190
3.7	Từ ngã tư cạnh thửa 10, BĐ 32 đến ngã ba giáp đường nhựa (hết thửa 291, BĐ 26)	190
3.8	Từ ngã ba cạnh thửa 295, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 157, BĐ 26	190
3.9	Từ ngã ba thửa 157, BĐ 26 đến hết đường bê tông (hết thửa 169, BĐ 26)	150
3.10	Từ công thôn văn hóa Tân Lập (thửa 716, BĐ 27) đến ngã ba cạnh thửa 787, BĐ 27	190
3.11	Từ ngã ba cạnh thửa 787, BĐ 27 đến Hội trường thôn Tân Lập (thửa 99, BĐ 32)	190
4	Đường xóm 2, 3 thôn Tân An	
4.1	Từ đường ĐH 03 - cạnh thửa 339, BĐ 22 đến ngã ba hết thửa 362, BĐ 22	220
4.2	Từ đường ĐH 03 - cạnh thửa 362, BĐ 22 đến ngã ba hết thửa 256, BĐ 22	200
4.3	Từ đường ĐH 03 - cạnh thửa 458, BĐ 21 đến ngã ba hết thửa 403, BĐ 21	180
4.4	Từ đường ĐH 03 - cạnh thửa 446, BĐ 21 đến ngã ba hết thửa 390, BĐ 21	150
4.5	Từ thửa 24, BĐ 15 - giáp xã N'Thôn Hạ đến hết thửa 131, BĐ 22	150
4.6	Từ đường ĐH 03 - ngã tư Tân Phú - Tân An đến ngã ba cạnh thửa 78 BĐ 21	150

5	Đường thôn Tân Phú	
5.1	Từ đường ĐH 03 - ngã tư cạnh thửa 454, BĐ 22 đến ngã ba cạnh thửa 256, BĐ 22 và hết thửa 295, BĐ 23	160
5.2	Từ ngã ba cạnh thửa 256, BĐ 22 và giáp thửa 295, BĐ 23 đến ngã ba cạnh 481, BĐ 23 (cạnh trường TH Tân Phú)	150
5.3	Từ ngã ba cạnh 481, BĐ 23 đến ngã tư cạnh thửa 27, BĐ 31	160
5.4	Từ ngã tư cạnh thửa 185, BĐ30 đến ngã ba cạnh thửa 312 BĐ 30	150
5.5	Từ ngã ba cạnh thửa 118, BĐ 22 đến ngã ba hết thửa 10, BĐ 22 và đến hết thửa 29, BĐ 22	150
5.6	Từ ngã ba đối diện Hội trường thôn Tân Phú (cạnh thửa 355, BĐ 23) đến ngã ba cạnh thửa 251, BĐ 23	150
5.7	Từ thửa 203, BĐ 23 đến hết thửa 371, BĐ 23	150
5.8	Từ ngã ba cạnh thửa 416 BĐ 23 (cạnh trường TH Tân Phú) đến ngã ba cạnh hội trường thôn Tân Phú (thửa 381, BĐ 23)	190
5.9	Từ ngã tư cạnh thửa 439 BĐ 23 đến hết thửa 105 BĐ 24	150
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	130
VII	XÃ TÂN THÀNH	
	Khu vực I	
1	Từ giáp xã Phú Hội và xã Tân Hội đến công giáp ranh xã Tân Hội (cạnh thửa 02, BĐ 27)	480
2	Từ công giáp ranh xã Tân Hội (cạnh thửa 103, BĐ 26) đến hết thửa 133, BĐ 25	300
3	Từ đường ĐH 02 - cạnh thửa 297, BĐ 26 (đường vào nghĩa trang Tân Hòa) đến ngã ba cạnh thửa 493, BĐ 26	150
4	Từ giáp thửa 133, BĐ 25 đến hết thửa 79, BĐ 25	240
5	Từ giáp thửa 79, BĐ 25 đến hết thửa 80, BĐ 24	230
6	Từ giáp thửa 80, BĐ 24 đến ngã ba hết thửa 331, BĐ 18 và hết thửa 350 BĐ 18	290
7	Từ ngã ba giáp thửa 331, BĐ 18 và giáp thửa 350 BĐ 18 đến giáp thửa 212, BĐ 18	340
8	Từ thửa 212, BĐ 18 đến hết thửa 94, BĐ 18 và hết thửa 164, BĐ 18	430

9	Từ đường ĐH 02 - cạnh thửa 133, BĐ 18 (đường vào trường trung học cơ sở Tân Thành) đến hết thửa 42, BĐ 18	150
10	Từ giáp thửa 94 BĐ 18 và giáp thửa 164 BĐ 18 đến ngã ba hết thửa 20, BĐ 17	340
11	Từ ngã ba giáp thửa 20, BĐ 17 đến hết thửa 299, BĐ 11	350
12	Từ giáp thửa 299, BĐ 11 đến hết thửa 276, BĐ 11	300
13	Từ giáp thửa 276, BĐ 11 đến đường hẻm cạnh thửa 412, BĐ 10	480
14	Từ đường hẻm cạnh thửa 412, BĐ 10 đến ngã ba cạnh bưu điện xã và hết thửa 334, BĐ 10	520
15	Từ Từ đường ĐH 02 - cạnh bưu điện (thửa 293, BĐ 10) đến hết thửa 121, BĐ 10	220
16	Từ ngã ba cạnh bưu điện xã và giáp thửa 334, BĐ 10 đến hết thửa 325, BĐ 10 và hết thửa 356, BĐ 10	480
17	Từ giáp thửa 325, BĐ 10 và giáp thửa 356, BĐ 10 đến ngã ba hết thửa 528, BĐ 10 và hết thửa 286, BĐ 9	460
18	Từ ngã ba giáp 528, BĐ 10 và giáp thửa 286, BĐ 9 đến ngã ba hết thửa 57, BĐ 15 (hội trường thôn Tân Hưng)	310
19	Từ ngã ba giáp hội trường thôn Tân Hưng đến giáp thửa 24, BĐ 15	340
20	Từ thửa 24, BĐ 15 đến ngã ba cạnh thửa 297, BĐ 09 và hết thửa 317, BĐ 19	350
21	Từ ngã ba cạnh thửa 297, BĐ 09 và giáp thửa 317, BĐ 19 đến giáp thửa 169, BĐ 09 và hết thửa 170, BĐ 09	250
22	Từ thửa 169, BĐ 09 và giáp thửa 170, BĐ 09 đến ngã ba cạnh thửa 02, BĐ 09	260
23	Từ ngã ba cạnh thửa 02, BĐ 09 đến cầu (hết thửa 24, BĐ 03)	250
24	Từ cầu (giáp thửa 24, BĐ 03) đến cầu Kon Tắc Đạ (hết thửa 04, BĐ 03) và kênh dẫn nước thủy điện Đa Dâng 2 (hết thửa 01, BĐ 03)	220
25	Đường ĐT 724	
25.1	Từ công thôn Tân Thịnh giáp xã Tân Hội (cạnh thửa 27, BĐ 11) đến mương hết thửa 07, BĐ 11	300
25.2	Từ mương nước cạnh thửa 07, BĐ 11 đến ngã ba giáp thửa 217, BĐ 05 và hết thửa 205, BĐ 05	240

25.3	Từ ngã ba giáp thửa 217, BĐ 05 và giáp thửa 205, BĐ ngã ba vào hầm cát (hết thửa 50, BĐ 05)	190
25.4	Từ giáp thửa 50, BĐ 05 đến đập thủy điện (thửa 140, BĐ 04)	180
26	Từ công giáp xã Tân Hội (thửa 02, BĐ 18) đến ngã tư đường Ba Tháng Hai (thửa 182, BĐ 18)	490
	Khu vực II	
1	Từ ngã ba giáp thửa 224, BĐ 05 (gần hội trường thôn Tân Thịnh) đến ngã ba cạnh trường Tiểu học Tân Nghĩa (đối diện 284, BĐ 10)	200
2	Từ ngã ba giáp trường Tiểu học Tân Nghĩa (cạnh thửa 335 BĐ 10) đến ngã ba giáp đường nhựa (thửa 133, BĐ 09)	220
3	Từ ngã ba cạnh thửa 208, BĐ 10 đến ngã ba cạnh thửa 640, BĐ 10	140
4	Từ ngã ba bên xe (giáp thửa 454, BĐ 09) đến hết thửa 03, BĐ 14 và hết thửa 117, BĐ 08	190
5	Từ giáp thửa 03, BĐ 14 và giáp thửa 117, BĐ 08 đến ngã ba hết thửa 11, BĐ 14	150
6	Từ ngã ba cạnh thửa 317, BĐ 09 đến kênh dẫn nước thủy điện Đa Dâng 2	190
7	Từ kênh dẫn nước thủy điện Đa Dâng 2 (thửa 87, BĐ 08) đến sông Đa Dâng (hết thửa 22, BĐ 07)	150
8	Từ ngã ba cạnh thửa 331, BĐ 18 đến ngã ba cạnh thửa 72, BĐ 18 - giáp đường nhựa	150
9	Từ ngã ba cạnh thửa 49, BĐ 24 đến hết thửa 915, BĐ 24 đường đi thác Pongour	150
10	Từ giáp thửa 915, BĐ 24 đến ngã ba vào thác Pongour (cạnh thửa 52, BĐ 35)	130
11	Từ ngã ba cạnh thửa 10, BĐ 27 đến ngã tư hết thửa 08, BĐ 33	160
12	Từ ngã ba cạnh thửa 36, BĐ 27 đến ngã tư hết thửa 04, BĐ 33	150
13	Từ trường Mẫu giáo Tân Hòa (thửa 90, BĐ 26) đến nương nước giáp ranh Tân Hội (hết thửa 32, BĐ 26)	150
14	Từ ngã ba cạnh thửa 47, BĐ 26 đến hết thửa 02, BĐ 26	140
15	Từ ngã ba cạnh thửa 07, BĐ 15 đến ngã ba hết thửa 116, BĐ 15	150

16	Từ ngã ba cạnh thửa 142, BĐ 25 đến hết thửa 198, BĐ 19 - giáp xã Tân Hội	150
17	Từ công giáp xã Phú Hội (cạnh thửa 30, BĐ 35) đến giáp thửa 27, BĐ 35 (đường vào thác Pongour)	180
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	130
VIII	XÃ PHÚ HỘI	
	Khu vực I	
1	Đường Quốc lộ 20	
1.1	Từ giáp thị trấn Liên Nghĩa đến đường vào thôn Chi Rông A (hết thửa 675, BĐ 19) và hết thửa 342, BĐ 19	1.730
1.2	Từ đường vào thôn Chi Rông A (giáp thửa 312, BĐ 19) và giáp thửa 342, BĐ 19 đến hết thửa 53, BĐ 29	1.600
1.3	Từ giáp thửa 53, BĐ 29 đến hết cầu Xóm Chung	1.650
1.4	Từ cầu Xóm Chung đến hết trường Tiểu học Sơn Trung	1.520
1.5	Từ giáp trường tiểu học Sơn Trung đến ngã ba đường vào lò muối Nam Sơn (cạnh thửa 399, BĐ 28)	1.670
1.6	Từ ngã ba đường vào lò muối Nam Sơn (cạnh thửa 399, BĐ 28) đến ngã ba đường vào trường THCS Sơn Trung và hết thửa 494, BĐ 28)	1.660
1.7	Từ ngã ba đường vào trường THCS Sơn Trung và giáp thửa 494, BĐ 28) đến công giáp thửa 639, BĐ 28	1.680
1.8	Từ công cạnh thửa 639, BĐ 28 đến ngã ba hết thửa 43, BĐ 41	1.880
1.9	Từ ngã ba giáp thửa 43, BĐ 41 đến ngã ba giáp thửa 123, BĐ 41 và hết thửa 116, BĐ 41	1.270
1.10	Từ giáp thửa 123, BĐ 41 và giáp thửa 116, BĐ 41 đến hết thửa 353, BĐ 41	1.210
1.11	Từ giáp thửa 353, BĐ 41 đến ngã ba vào thác Pougouh	1.130
1.12	Từ ngã ba vào thác Pougouh đến hết phân trường Tiểu học Phú An (hết thửa 211, BĐ 72) và hết thửa 126, BĐ 73	1.070
1.13	Từ giáp phân trường Tiểu học Phú An (giáp thửa 211, BĐ 72) giáp thửa 126, BĐ 73 đến hết đất trường Mẫu giáo Phú An (thửa 273, BĐ 72)	1.210
1.14	Từ giáp trường Mẫu giáo Phú An đến Ngã ba Xóm 1, thôn Phú An (hết thửa 36, BĐ 89)	1.290

1.15	Từ Ngã ba Xóm 1, thôn Phú An (giáp thửa 36, BĐ 89) đến cầu Đại Ninh	1.240
2	Đường ĐT 724 (đường vào xã Tân Hội)	
2.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba cạnh đất phân trường Mẫu giáo R'Chai II (hết thửa 739, BĐ 28)	970
2.2	Từ ngã ba cạnh phân trường Mẫu giáo R'Chai II (giáp thửa 739, BĐ 28) và giáp thửa 424, BĐ 27 đến giáp thửa 244 và 196, BĐ 27	710
2.3	Từ thửa 244 và 196, BĐ 27 đến ngã ba giáp thửa 166, BĐ 26 và hết thửa 201, BĐ 26	670
2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 166, BĐ 26 và giáp thửa 201, BĐ 26 đến giáp thửa 48, BĐ 26 và hết thửa 93, BĐ 26	560
2.5	Từ thửa 48, BĐ 26 và giáp thửa 93, BĐ 26 đến giáp xã Tân Hội (hết thửa 67, BĐ 15)	430
3	Đường Thống Nhất (nối dài đến ngã ba Xóm Chung)	
3.1	Từ thị trấn Liên nghĩa đến ngã ba giáp thửa 337, BĐ 11	1.230
3.2	Từ ngã ba giáp thửa 337, BĐ 11 và giáp thửa 289, BĐ 11 đến ngã ba cầu Phú Hội và hết thửa 455, BĐ 11	1.120
3.3	Từ ngã ba cầu Phú Hội và giáp thửa 455, BĐ 11 đến hết thửa 208, BĐ 21 (Pháp Hoa tịnh viện - Chùa Tàu)	910
3.4	Từ giáp thửa 208, BĐ 21 (Pháp Hoa tịnh viện - Chùa Tàu) đến hết thửa 505, BĐ 21 (chùa Phú Hội)	920
3.5	Từ giáp thửa 505, BĐ 21 (chùa Phú Hội) đến hết thửa 549, BĐ 21	840
3.6	Từ giáp thửa 549, BĐ 21 đến ngã ba giáp Hội trường thôn Phú Hòa (thửa 626, BĐ 21)	710
3.7	Từ ngã ba cạnh Hội trường thôn Phú Hòa (thửa 626, BĐ 21) đến ngã ba Công ty Giang Anh Kỳ (hết thửa 118, BĐ 30)	710
3.8	Từ ngã ba Cty Giang Anh Kỳ (giáp thửa 118, BĐ 30) đến hết thửa 241, BĐ 30 (nhà hàng Bon Sai)	680
3.9	Từ giáp thửa 241, BĐ 30 (nhà hàng Bon Sai) đến cống (hết thửa 392 và 315, BĐ 29)	540
3.10	Từ cống (cạnh thửa 392 và 315, BĐ 29) đến ngã ba hết thửa 158, BĐ 29 và hết thửa 196, BĐ 29	560
3.11	Từ ngã ba giáp thửa 158, BĐ 29 và giáp thửa 196, BĐ 29 đến hết thửa 224, BĐ 29	710

3.12	Từ giáp thửa 224, BĐ 29 đến hết thửa 213, BĐ 29 (giáp với Quốc lộ 20)	770
4	Đường thôn Phú Trung (đường Thống Nhất nối Quốc lộ 20)	
4.1	Từ đường Thống Nhất (cạnh thửa 376, BĐ 21) đến ngã ba hết thửa 333 và 254, BĐ 21	550
4.2	Từ ngã ba giáp thửa 333 và 254, BĐ 21 đến ngã ba cạnh thửa 293, BĐ 20	530
4.3	Từ ngã ba giáp thửa 293, BĐ 20 đến Quốc lộ 20	560
5	Đường Thống Nhất đến dốc Ba Tầng	
5.1	Từ đường Thống Nhất (cạnh thửa 507, BĐ 11) đến cầu Phú Hội (hết thửa 590, BĐ 11)	1.040
5.2	Từ cầu Phú Hội đến hết thửa 81, BĐ 32 (Suối Đá)	600
5.3	Từ giáp thửa 81, BĐ 32 (Suối Đá) đến giáp thửa 21, BĐ 47	280
5.4	Từ thửa 21, BĐ 47 đến hết thửa 37, BĐ 79 (cầu Suối Xanh)	240
5.5	Từ giáp thửa 37, BĐ 79 (cầu Suối Xanh) đến ngã ba K' Nai (cạnh thửa 66, BĐ 96) và giáp thửa 32, BĐ 96	320
5.6	Từ ngã ba K' Nai (cạnh thửa 66, BĐ 96) đến ngã tư cạnh thửa 73, BĐ 82	350
5.7	Từ ngã tư cạnh thửa 73, BĐ 82 đến chân dốc Ba Tầng (hết thửa 62, BĐ 98)	260
6	Đường khu tái định cư thôn Phú Hòa	
6.1	Từ ngã ba cạnh thửa 12, BĐ 31 đến ngã ba cạnh thửa 763, BĐ 20 và hết thửa 589, BĐ 20	470
6.2	Từ ngã ba cạnh thửa 763, BĐ 20 và giáp thửa 589, BĐ 20 đến hết thửa 618, BĐ 20	190
6.3	Từ ngã ba cạnh thửa 40, BĐ 31 đến hết thửa 647, BĐ 20	470
6.4	Từ ngã ba cạnh thửa 65, BĐ 30 đến hết thửa 663, BĐ 20 và đến hết thửa 619, BĐ 20	470
7	Khu tái định cư thôn Pré	
7.1	Từ ngã ba cạnh thửa 31, BĐ 23 đi qua thửa 55, 152, BĐ 23 đến hết thửa 226, BĐ 23	290
7.2	Từ ngã ba cạnh thửa 189, BĐ 23 đi qua thửa 16, 90, BĐ 23 đến hết thửa 317, BĐ 23	290
7.3	Từ ngã ba cạnh thửa 189, BĐ 23 đến hết thửa 30, BĐ 23	260

7.4	Từ ngã ba cạnh thửa 226, BĐ 23 đến hết thửa 299, BĐ 23	260
7.5	Từ ngã ba cạnh thửa 298, BĐ 23 đến hết thửa 318, BĐ 23	230
7.6	Từ ngã ba cạnh thửa 219, BĐ 23 đến hết thửa 307, BĐ 23	230
7.7	Từ ngã ba cạnh thửa 218, BĐ 23 đi qua thửa 146, BĐ 23 đến hết thửa 129, BĐ 23 và đến hết thửa 256, BĐ 23	230
7.8	Từ ngã ba cạnh thửa 27, BĐ 23 đến hết thửa 123, BĐ 23	230
	Khu vực II	
1	Đường hẻm từ Quốc lộ 20 đến ngã ba đường nhựa thôn Phú Trung (ranh Phú Hội- Liên Nghĩa)	
1.1	Từ ngã ba cạnh thửa 01, BĐ 09 đến hết thửa 01, BĐ 09	470
1.2	Từ giáp thửa 01, BĐ 09 đến giáp thửa 06, BĐ 09	460
1.3	Từ thửa 06, BĐ 09 đến ngã ba đường nhựa thôn Phú Trung (cạnh thửa 246, BĐ 20)	470
2	Đường hẻm 1122 Quốc lộ 20 (ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Tân Phú)	
2.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết thửa thửa 03, BĐ 08	470
2.2	Từ giáp thửa 03, BĐ 08 đến giáp xã Tân Hội	290
3	Đường khu A Chi Rông	
3.1	Từ Quốc lộ 20 (cạnh thửa 675, BĐ 19) đến ngã ba cạnh thửa 259, BĐ 19 và giáp thửa 283, BĐ 19	290
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 312, BĐ 19 và thửa 283, BĐ 19 đến giáp thửa 423, BĐ 19	280
3.3	Từ thửa 423, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 884, BĐ 28	270
4	Đường khu B Chi Rông	
4.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 210, BĐ 29 đến ngã ba hết thửa 170, BĐ 28	180
4.2	Từ Quốc lộ 20 (cạnh thửa 342, BĐ 28) đến ngã ba hết thửa 146, BĐ 28	190
4.3	Từ ngã giáp thửa 146, BĐ 28 đến ngã ba hết thửa 932, BĐ 28 và hết thửa 99, BĐ 28	190
4.4	Từ ngã ba cạnh thửa 932, BĐ 28 và giáp thửa 99, BĐ 28 đến hết thửa 65 và 79, BĐ 27	180
4.5	Từ ngã ba cạnh thửa 100, BĐ 28 đi qua thửa 01, BĐ 28-2013 đến hết thửa 966, BĐ 18	160

5	Đường thôn R' Chai	
5.1	Từ Quốc lộ 20- ngã ba cây đa (cạnh thửa 407, BĐ 28) đến giáp thửa 513, BĐ 29 (trường mầm non R' Chai) và giáp thửa 751, BĐ 28	260
5.2	Từ thửa 513, BĐ 29 (phân trường mẫu giáo R' Chai 1) và thửa 751, BĐ 28 đến ngã ba giáp thửa 48, BĐ 42 .	200
5.3	Đường vào Khu 6 R'Chai I: Từ Quốc lộ 20 cạnh thửa 292, BĐ 29 đến ngã ba hết thửa 498, BĐ 29	260
5.4	Từ ngã ba giáp thửa 498, BĐ 29 đến hết thửa 89, BĐ 43	190
5.5	Từ Quốc lộ 20- cạnh thửa 289, BĐ 29 đến ngã ba hết thửa 533, BĐ 29	180
5.6	Từ Quốc lộ 20 cạnh thửa 558, BĐ 28 đến công trường THCS Sơn Trung (hết thửa 657, BĐ 28)	190
5.7	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 846, BĐ 28 đến công trường THPT Nguyễn Thái Bình	200
5.8	Từ Quốc lộ 20-cạnh thửa 448, BĐ 28 (Bia mộ Phúc Cường) đến hết thửa 728, BĐ 28	190
5.9	Từ Quốc lộ 20- cạnh thửa 467, BĐ 28 đến hết thửa 882, BĐ 28	160
5.10	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 288, BĐ 41 (đối diện đập phụ số 2) đến ngã ba cạnh thửa 236, BĐ 41	180
5.11	Từ Quốc Lộ 20- cạnh thửa 669, BĐ 28 đến ngã ba cạnh thửa 739, BĐ 28 (phân trường Mẫu giáo R' Chai 2)	200
5.12	Đường vào khu 1, Rchai 2: Từ Quốc lộ 20 cạnh thửa 219, BĐ 41 đến ngã ba giáp ĐT 724 (cạnh thửa 367, BĐ 27)	200
6	Đường thôn Phú An	
6.1	Đường đi thác Pougouh	
6.1.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết thửa 326, BĐ 56 (đất xường cưa)	540
6.1.2	Từ giáp thửa 326, BĐ 56 (đất xường cưa) đến hết thửa 32, BĐ 55 (giáp công qua đường)	350
6.1.3	Từ giáp thửa 32, BĐ 55 đến hết thửa 459, BĐ 38 (khu quy hoạch dân cư) và hết thửa 568, BĐ 38	300
6.1.4	Từ giáp thửa 459, BĐ 38 (khu quy hoạch dân cư) và giáp thửa 568, BĐ 38 đến giáp xã Tân Thành (hết thửa 68, BĐ 37)	260
6.1.5	Đường vào Sư đoàn 10 (Xóm 4, thôn Phú An): Từ Quốc lộ 20 đến ngã tư hết thửa 331, BĐ 40	200

6.1.6	Từ ngã ba cạnh thửa 379, BĐ 56 đến giáp đường vào thác Poumour (hết thửa 243, BĐ 56)	190
6.2	Đường cạnh hội trường thôn Phú An đến ngã ba giáp đường vào Trung tâm 05 - 06	
6.2.1		220
6.2.2	Từ ngã ba giáp thửa 45, BĐ 72 đến ngã ba hết thửa 187, BĐ 72	200
6.2.3	Từ ngã ba giáp thửa 187, BĐ 72 đến ngã ba giáp đường nhựa vào trung tâm 05 - 06 (hết thửa 203, BĐ 72)	220
6.3	Đường Xóm 1, thôn Phú An (Quốc lộ 20 đi cầu treo)	
6.3.1	Từ Quốc lộ 20 (cạnh thửa 47, BĐ 89) đến giáp thửa 94, BĐ 88	480
6.3.2	Từ thửa 94, BĐ 88 đến cầu treo (hết thửa 84, BĐ 88)	460
6.4	Đường hẻm Xóm 1, thôn Phú An	
6.4.1	Từ ngã ba cạnh thửa 63, BĐ 88 đến giáp thửa 02, BĐ 88	260
6.4.2	Từ ngã ba cạnh thửa 49, BĐ 88 đi qua ngã hết thửa 06, BĐ 88 và hết thửa 08, BĐ 88	290
6.4.3	Từ ngã ba cạnh thửa 76, BĐ 88 đến hết đường	260
6.4.4	Từ ngã ba cạnh thửa 92, BĐ 88 đến hết đường	260
6.4.5	Từ ngã ba cạnh thửa 61, BĐ 88 đến giáp thửa 270, BĐ 88	240
6.4.6	Từ ngã ba cạnh thửa 94, BĐ 88 đến hết đường	260
6.4.7	Từ ngã ba cạnh thửa 96, BĐ 88 đến hết đường	290
6.4.8	Từ ngã ba cạnh thửa 87, BĐ 88 đến giáp thửa 31, BĐ 88	260
6.4.9	Từ ngã ba cạnh thửa 120, BĐ 88 đến hết đường	260
6.4.10	Từ ngã ba cạnh thửa 153, BĐ 88 đến hết đường	220
6.4.11	Từ ngã ba cạnh thửa 98, BĐ 88 (hướng đi vào chùa Bát Nhã) đến công (cạnh thửa 57, BĐ 88)	290
6.4.12	Từ ngã ba cạnh thửa 185, BĐ 88 đến giáp thửa 237, BĐ 88	240
6.4.13	Từ ngã ba cạnh thửa 236, BĐ 88 đến giáp thửa 230, BĐ 88	190
6.4.14	Từ giáp thửa 57, BĐ 88 đến ngã ba cạnh thửa 241, BĐ 72	280

6.4.15	Từ ngã ba cạnh thửa 241, BĐ 72 đến hết thửa 09, BĐ 87-2013 và hết thửa 166, BĐ 71	260
6.4.16	Từ ngã ba cạnh thửa 241, BĐ 72 đến công trung tâm 05 - 06	240
6.4.17	Từ Quốc lộ 20 - cạnh trường Mẫu giáo Phú An (thửa 273, BĐ 72) đến hết thửa 243, BĐ 72	240
6.4.18	Từ ngã ba cạnh thửa 499, BĐ 56 (gần đường vào thác Ponguor) đến ngã ba cạnh thửa 449, BĐ 56	220
6.4.19	Từ ngã ba cạnh thửa 138, BĐ 88 (chùa Hương Sen) đến hết thửa 338, BĐ 88; từ thửa 167, BĐ 88 (đường đi cầu treo) đến ngã ba cạnh thửa 214; từ thửa 167, BĐ 88 (giáp cầu treo) đến ngã ba cạnh thửa 225, BĐ 88	310
6.4.20	Từ ngã ba giáp Quốc lộ 20 (cạnh phân trường Tiểu học Phú An) đến hết thửa 221, BĐ 72	180
6.4.21	Từ ngã ba cạnh thửa 209, BĐ 72 (gần phân trường Tiểu học Phú An) đi qua ngã tư (cạnh thửa 96, BĐ 72) đến hết thửa 56, BĐ 72	180
6.4.22	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 23, BĐ 89 đến hết thửa 07, BĐ 89	190
6.4.23	Từ ngã ba cạnh thửa 52, BĐ 88 đến hết thửa 270, BĐ 72	190
7	Đường hẻm của đường ĐT 724 (đường vào xã Tân Hội)	
7.1	Đường vào khu 4, R' Chai 2: Từ ngã ba cạnh thửa 242, BĐ 27 đến ngã tư cạnh thửa 438, BĐ 27	220
7.2	Từ ngã ba cạnh thửa 301, BĐ 27 đến hết thửa 258, BĐ 27	220
7.3	Từ ngã ba cạnh thửa 287, BĐ 27 đến hết thửa 197, BĐ 27	220
7.4	Từ ngã ba cạnh thửa 316, BĐ 27 đến ngã tư cạnh thửa 438, BĐ 27	190
7.5	Từ ngã ba cạnh thửa 166, BĐ 26 đi qua thửa 71, BĐ 27 đến hết thửa 43, BĐ 27	180
7.6	Từ ngã ba cạnh thửa 18, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 55 và 56, BĐ 26 (giáp xã Tân Hội)	200
7.7	Từ ngã ba cạnh thửa 98, BĐ 26 đến ngã ba hết thửa 205, BĐ 26	310
7.8	Từ ngã ba cạnh thửa 121, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 166, BĐ 16	190

7.9	Từ ngã ba cạnh thửa 90, BĐ 15 đến hết thửa 48, BĐ 15	180
7.10	Từ ngã ba (giáp ranh xã Tân Thành) cạnh thửa 74, BĐ 15 đi qua ngã tư cạnh thửa 32, BĐ 25 đến hết thửa 209, BĐ 25	180
7.11	Từ ngã ba cạnh thửa 261, BĐ 27 đến ngã ba hết thửa 88, BĐ 27	220
7.12	Từ ngã ba cạnh thửa 203, BĐ 26 (xường gỗ) đến ngã ba cạnh thửa 196, BĐ 26	180
8	Đường hẻm của đường Thống Nhất	
8.1	Từ ngã ba cạnh thửa 108, BĐ 04 đến giáp mương (hết thửa 08, BĐ 04 - giáp thị trấn Liên Nghĩa)	240
8.2	Từ ngã ba cạnh thửa 198, BĐ 04 đến hết đường (hết thửa 94, BĐ 04)	240
8.3	Từ ngã ba cạnh thửa 214, BĐ 04 đến giáp thửa 221, BĐ 04	190
8.4	Từ ngã ba cạnh thửa 876-BĐ đến hết thửa 18, BĐ 11	220
8.5	Từ ngã ba cạnh thửa 249, BĐ 11 đến giáp mương thủy lợi (hết thửa 85, BĐ 11)	240
8.6	Từ ngã ba cạnh thửa đất 312, BĐ 11 đến giáp mương thủy lợi (hết thửa 132, BĐ 11)	190
8.7	Từ ngã ba cạnh thửa 338, BĐ 11 đến giáp mương thủy lợi (hết thửa 173, BĐ 11)	240
8.8	Từ ngã ba cạnh thửa 399, BĐ 11 đến giáp mương thủy lợi (hết thửa 227, BĐ 11)	220
8.9	Từ ngã ba cạnh thửa 118, BĐ 04 đến hết thửa 210, BĐ 04; đến hết thửa 209 và 169, BĐ 04	200
8.10	Từ ngã ba cạnh thửa 02, BĐ 11 (đất Hội trường thôn Phú Lộc) đến giáp sông Đa Nhim	190
8.11	Từ ngã ba cạnh thửa 96, BĐ 11 đến hết thửa 203, BĐ 11	190
8.12	Từ ngã ba cạnh thửa 154, BĐ 11 đi thửa 261, BĐ 11 đến hết thửa 270, BĐ 11; đến hết thửa 367, BĐ 11	190
8.13	Từ ngã ba cạnh thửa 196, BĐ 11 đến hết thửa 366, BĐ 11	240
8.14	Từ ngã ba cạnh thửa 213, BĐ 11 đến hết thửa 329, BĐ 11	190
8.15	Từ ngã ba cạnh thửa 337, BĐ 11 đến hết thửa 483, BĐ 11	200

8.16	Từ ngã ba cạnh thửa 467, BĐ 11 đến hết thửa 629, BĐ 11 (đất trạm Kiểm Lâm cũ)	190
8.17	Từ ngã ba cạnh thửa 554, BĐ 11 đến hết thửa 564, BĐ 11	190
8.18	Từ ngã ba cạnh thửa 627, BĐ 11 đến hết thửa 673, BĐ 11	200
8.19	Từ ngã ba cạnh thửa 686, BĐ 11 (Trạm y tế) đến giáp thửa 762, BĐ 11	240
8.20	Từ ngã ba cạnh thửa 755, BĐ 11(cây xăng Duy Thao) đến hết thửa 793, BĐ 11	240
8.21	Từ ngã ba cạnh thửa 53, BĐ 21 đến hết thửa 31, BĐ 22	190
8.22	Từ ngã ba cạnh thửa 245, BĐ 21 vào xóm Cầu Dây đến hết thửa 275, BĐ 21	220
8.23	Từ ngã ba cạnh thửa 401, BĐ 10 (Hội trường thôn Phú Thịnh) đến hết thửa 300, BĐ 10; đến hết thửa 344, BĐ 10	200
8.24	Từ ngã ba cạnh thửa 51, BĐ 21 đến giáp nương thùy lợi (thửa 339, BĐ 10)	240
8.25	Từ ngã ba cạnh thửa 186, BĐ 21 đi thửa 151, BĐ 21 (vào xóm Lò Rèn) đến hết thửa 08, BĐ 21; đến hết thửa 442, BĐ 10; đến hết thửa 438, BĐ 10	230
8.26	Từ ngã ba cạnh thửa 211, BĐ 21 đi thửa 119 BĐ 21 đến hết thửa 44, BĐ 21; đến hết thửa 137, BĐ 21	230
8.27	Từ ngã ba cạnh thửa 550, BĐ 21 đến hết thửa 487, BĐ 21	190
8.28	Từ ngã ba cạnh thửa 117, BĐ 30 đến hết thửa 72, BĐ 30	190
8.29	Từ ngã ba cạnh thửa 118, BĐ 30 (công ty Giang Anh Kỳ) đến suối	190
8.30	Từ ngã ba cạnh thửa 144, BĐ 30 đến suối	190
8.31	Từ ngã ba cạnh thửa 179, BĐ 30 đến hết thửa 79, BĐ 30 (giáp cầu máng)	180
8.32	Từ ngã ba cạnh thửa 586, BĐ 21 đến cầu (hết thửa 66, BĐ 31)	690
8.33	Từ cầu (giáp thửa 66, BĐ 31) đến hết đường dẫn vào KCN Phú Hội	630
8.34	Từ ngã ba cạnh thửa 626, BĐ 21 (hội trường thôn Phú Hòa) đến hết thửa 84, BĐ 31	220
8.35	Từ ngã ba cạnh thửa 45, BĐ 31 đến hết thửa 189, BĐ 31	180

8.36	Từ ngã ba cạnh thửa 114, BĐ 31 đến sông Đa Nhim (hết thửa 265, BĐ 31)	240
8.37	Từ ngã ba cạnh thửa 311, BĐ 29 đến ngã ba cạnh thửa 535, BĐ 29 (đường vào vườn hoa Mặt Trời)	190
8.38	Từ ngã ba cạnh thửa 158, BĐ 29 đến giáp nương (hết thửa 23, BĐ 29)	190
9	Đường thôn Pré	
9.1	Từ ngã ba cạnh thửa 65, BĐ 22 đến ngã ba cạnh thửa 82, BĐ 22	300
9.2	Từ ngã ba giáp thửa 82, BĐ 22 đến ngã ba cạnh thửa 193, BĐ 22	290
9.3	Từ ngã ba cạnh thửa 50, BĐ 22 đi qua ngã ba cạnh thửa 35, BĐ 22 đến hết thửa 12, BĐ 22	280
9.4	Từ ngã ba cạnh thửa 30, BĐ 22 đến giáp thửa 68, BĐ 22	280
9.5	Từ ngã ba cạnh thửa 193, BĐ 22 đến công tràn P' Ré (hết thửa 300, BĐ 22 và hết thửa 321, BĐ 22)	260
9.6	Từ công tràn P' Ré (giáp thửa 300 và 321, BĐ 22) đến ngã ba cạnh thửa 381, BĐ 22	220
9.7	Từ ngã ba cạnh thửa 381, BĐ 22 đến ngã ba (hết thửa 463, BĐ 22)	200
9.8	Từ ngã tư cạnh thửa 381, BĐ 22 đến ngã ba cạnh thửa 50, BĐ 31 (đường mới dẫn vào KCN Phú Hội)	220
9.9	Từ ngã ba cạnh thửa 50, BĐ 31 (đường mới dẫn vào KCN Phú Hội) đến cuối làng (giáp cầu xi măng hết thửa 361, BĐ 31)	190
9.10	Từ ngã ba cạnh thửa 740, BĐ 11 (hướng vào Sô Rem) đến giáp thị trấn Liên Nghĩa (hết thửa 10, BĐ 12)	190
9.11	Từ ngã ba cạnh thửa 314, BĐ 22 đến giáp thửa 364, BĐ 22	190
9.12	Từ ngã ba cạnh thửa 459, BĐ 22 đến hết thửa 48, BĐ 32	200
10	Đường thôn K' Nai và thôn Lạc Nghiệp	
10.1	Từ ngã ba K' Nai (thửa 66, BĐ 96) đến hết thửa 160, BĐ 95	220
10.2	Từ giáp thửa 160, BĐ 95 đến hết thửa 100, BĐ 118	160
10.3	Từ ngã ba cạnh thửa 80, BĐ 96 đến ngã ba hết thửa 169, BĐ 96	190
10.4	Từ ngã ba cạnh thửa 86, BĐ 96 đến giáp suối (hết thửa 258, BĐ 96)	190

10.5	Từ ngã ba cạnh thửa 173, BĐ 81 đến hết thửa 78, BĐ 98	160
10.6	Từ ngã ba cạnh thửa 103, BĐ 97 đến hết nhà thờ K' Nai	160
10.7	Từ ngã tư cạnh thửa 73, BĐ 82 (hướng xuống suối sâu) đến giáp suối (hết thửa 05, BĐ 81)	160
10.8	Từ ngã tư cạnh thửa 62, BĐ 82 (hướng đi đình Lạc Nghiệp) đến ngã tư hết thửa 40, BĐ 82	240
10.9	Từ ngã tư cạnh thửa 40, BĐ 82 đến ngã ba cạnh thửa 52, BĐ 98	180
10.10	Từ ngã ba cạnh thửa 103, BĐ 97 đến hết thửa 528, BĐ 97	190
10.11	Từ ngã ba cạnh thửa 38, BĐ 82 đến hết thửa 09, BĐ 82	190
11	Đường thôn Phú Lộc	
11.1	Từ ngã ba cạnh thửa 33, BĐ 11 đến giáp thửa 182, BĐ 04	190
11.2	Từ ngã ba cạnh thửa 316, BĐ 11 đến giáp thửa 405, BĐ 11	190
12	Đường thôn Phú Thịnh	
12.1.1	Từ ngã ba cạnh thửa 637, BĐ 11 đến giáp thửa 744, BĐ 11	200
13	Đường thôn Phú Trung	
13.1	Từ ngã ba cạnh thửa 448, BĐ 21 đến hết thửa 450, BĐ 21	190
13.2	Từ ngã ba cạnh thửa 311, BĐ 20 đến hết thửa 563, BĐ 20	190
14	Đường thôn Phú Hòa	
14.1	Từ ngã ba cạnh thửa 572, BĐ 21 đến hết thửa 661, BĐ 21	190
14.2	Từ ngã ba cạnh thửa 83, BĐ 21 đến hết thửa 117, BĐ 21; đến hết thửa 182, BĐ 21	190
14.3	Từ ngã ba cạnh thửa 563, BĐ 21 đến hết thửa 533, BĐ 21	190
14.4	Từ ngã ba cạnh thửa 601, BĐ 21 đến hết thửa 638, BĐ 21	190
14.5	Từ ngã ba cạnh thửa 594, BĐ 21 đến hết thửa 497, BĐ 21	190
14.6	Từ ngã ba cạnh thửa 13, BĐ 31 đến hết thửa 212, BĐ 31	190

14.7	Từ ngã ba cạnh thửa 568, BĐ 20 đi qua thửa 587, BĐ 20 đến ngã ba cạnh thửa 565, BĐ 20	190
14.8	Từ ngã ba cạnh thửa 666, BĐ 20 đến hết thửa 593, BĐ 20	190
14.9	Từ ngã ba cạnh thửa 287, BĐ 30 đến hết thửa 226, BĐ 30	190
15	Đường thôn Phú Tân	
15.1	Từ ngã ba cạnh thửa 236, BĐ 29 đến hết thửa 123, BĐ 29	190
15.2	Từ ngã ba cạnh thửa 110, BĐ 09 đến hết thửa 35, BĐ 09 và đến hết thửa 91, BĐ 09	190
15.3	Từ ngã ba cạnh thửa 316, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 539, BĐ 20	190
15.4	Từ ngã ba cạnh thửa 480, BĐ 19 đến hết thửa 578, BĐ 20; đến hết thửa 683, BĐ 20	190
16	Đường thôn Chi Rông	
16.1	Từ ngã ba cạnh thửa 28, BĐ 08 đi qua thửa 45 đến hết thửa 68, BĐ 08; đến ngã ba cạnh thửa, BĐ 08; đến hết thửa 738, BĐ 18	190
16.2	Từ ngã ba cạnh thửa 248, BĐ 19 đến hết thửa 260, BĐ 19	190
16.3	Từ ngã ba cạnh thửa 259, BĐ 19 - giáp thửa 283, BĐ 19 đến hết thửa 229, BĐ 19	220
16.4	Từ ngã ba cạnh thửa 53, BĐ 29 đến hết thửa 20, BĐ 29	190
16.5	Từ ngã ba cạnh thửa 134, BĐ 29 đến hết thửa 42, BĐ 29; đến hết thửa 06, BĐ 29	190
16.6	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 536, BĐ 28 đến ngã ba cạnh thửa 209, BĐ 28; đến ngã ba cạnh thửa 324, BĐ 28	190
17	Đường thôn R' Chai 1, R' Chai 2, R' Chai 2	
17.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 405, BĐ 28 đến hết thửa 823, BĐ 28; đến ngã ba cạnh thửa 874, BĐ 28	190
17.2	Từ ngã ba cạnh thửa 883, BĐ 28 đến hết thửa 424, BĐ 28	160
17.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 769, BĐ 28 đến giáp nghĩa địa (thửa 847, BĐ 28)	190
17.4	Từ ngã ba cạnh thửa 01, BĐ 41 đến hết thửa 32, BĐ 41	200
17.5	Từ ngã ba cạnh thửa 199, BĐ 26 đến hết thửa 358, BĐ 26	180

17.6	Từ ngã tư cạnh thửa 437, BĐ 27 đến hết thửa 666, BĐ 40	180
17.7	Từ ngã tư cạnh thửa 437, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 229, BĐ 41	180
17.8	Từ ngã ba cạnh thửa 93, BĐ 15 đến hết thửa 22 và 26, BĐ 26	180
17.9	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 116, BĐ 41 đến hết thửa 46, BĐ 41	190
17.10	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 45, BĐ 41 đến hết thửa 186, BĐ 41	190
17.11	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 340, BĐ 41 đến ngã ba cạnh thửa 333, BĐ 41	190
17.12	Từ ngã ba cạnh thửa 461, BĐ 40 đến ngã tư cạnh thửa 263, BĐ 41	190
17.13	Đường ranh giáp Tân Hội - Từ đường ĐT 724 (cạnh thửa 67, BĐ 15) đến hết thửa 01, BĐ 15	180
18	Đường thôn Phú Bình	
18.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 255, BĐ 56 đến hết thửa 198, BĐ 56	190
18.2	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 275, BĐ 56 đến ngã ba cạnh thửa 226, BĐ 56 và đến hết thửa 286, BĐ 56	190
18.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 418, BĐ 56 đến hết thửa 480, BĐ 56	190
18.4	Từ ngã ba cạnh thửa 04, BĐ 72 đến ngã ba cạnh thửa 68, BĐ 72	190
18.5	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 72, BĐ 73 đến ngã ba giáp nghĩa địa (thửa 76, BĐ 73)	190
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	140
IX	XÃ NINH GIA	
	Khu vực I	
1	Quốc lộ 20:	
1.1	Từ cầu Đại Ninh đến hết trường THCS Ninh Gia (thửa 54, BĐ 57)	1.220
1.2	Từ giáp trường THCS Ninh Gia đến ngã ba cạnh thửa 128, BĐ 56	1.350
1.3	Từ ngã ba cạnh thửa 128, BĐ 56 đến ngã ba cạnh thửa 450, BĐ 56	1.840

1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 450, BĐ 56 đến ngã ba cạnh thửa 18, BĐ 69	1.990
1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 18, BĐ 69 đến đường vào thôn Thiện Chí (thửa 224, BĐ 69)	2.210
1.6	Từ thửa 224, BĐ 69 (đường vào thôn Thiện Chí) và giáp thửa 244, BĐ 69 đến hết thửa 315, BĐ 69 (đường vào Trạm Y tế xã) và hết thửa 346, BĐ 69	2.340
1.7	Từ đường vào Trạm Y tế xã đến đầu dốc Đăng Srôn - hết thửa 240, BĐ 68	2.300
1.8	Từ giáp thửa 240, BĐ 68 đến hết thửa 319, BĐ 68	1.060
1.9	Từ giáp thửa 319, BĐ 68 đến cổng Đăng Srôn (cạnh thửa 361 và 488, BĐ 68)	1.050
1.10	Từ cổng Đăng Srôn và giáp thửa 361 đến ngã ba giáp thửa 01, BĐ 79	590
1.11	Từ ngã ba cạnh thửa 01, BĐ 79 đến ngã ba cạnh thửa 120, BĐ 79	610
1.12	Từ ngã ba cạnh thửa 120, BĐ 79 đến cầu Hiệp Thuận	590
1.13	Từ cầu Hiệp Thuận đến ngã ba cạnh thửa 244, BĐ 66	470
1.14	Từ ngã ba cạnh thửa 244, BĐ 66 đến ngã ba cạnh thửa 121, BĐ 65 (đường vào thôn Tân Phú)	490
1.15	Từ ngã ba cạnh thửa 121, BĐ 65 (đường vào thôn Tân Phú) đến hết thửa 43 , BĐ 76 (đối diện cổng Nông trường 78)	560
1.16	Từ giáp thửa 43 , BĐ 76 (đối diện cổng Nông trường 78) đến cầu Đạ Le (hết thửa 01, BĐ 86)	380
2	Quốc lộ 28B	
2.1	Nhánh cũ - Từ thửa 367, BĐ 69 đến hết thửa 422, BĐ 69	1.380
2.2	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 385, BĐ 69 đến hết thửa 423, BĐ 69	1.380
2.3	Từ giáp thửa 423, 422, BĐ 69 đến ngã ba hết thửa 464, BĐ 69	1.210
2.4	Từ ngã ba giáp thửa 464 đến hết thửa 01, BĐ 81	830
2.5	Từ giáp thửa 01, BĐ 81 đến hết thửa 32, BĐ 81 và ngã ba vào trường Thế Hệ Mới (cạnh thửa 167, BĐ 80)	770
2.6	Từ giáp thửa 32, BĐ 81 và ngã ba vào trường Thế Hệ Mới (cạnh thửa 167, BĐ 80) đến ngã ba cạnh thửa 506, BĐ 80	660

2.7	Từ ngã ba cạnh nhà ông Lý (giáp thửa 506, BĐ 80) đến công Trung đoàn 994 (thửa 937, BĐ 80)	630
2.8	Từ công Trung đoàn 994 (thửa 937, BĐ 80) đến ngã ba Quốc Hoàng (hết thửa 153, BĐ 94)	410
2.9	Từ ngã ba Quốc Hoàng (giáp thửa 153, BĐ 94) đến cầu Đăckra (giáp xã Tà Hine - hết thửa 32, BĐ 108)	380
3	Đường thôn Ninh Thiện	
3.1	Từ Quốc lộ 20 (cạnh thửa 224, BĐ 69) đến ngã ba hết thửa 134, BĐ 69	770
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 86, BĐ 69 đến hết thửa 175, BĐ 69	300
3.3	Từ ngã ba giáp thửa 134, BĐ 69 đến hết thửa 35, BĐ 69	740
3.4	Từ ngã ba cạnh thửa 35, BĐ 69 đến giáp thửa 88 và thửa 23, BĐ 69	260
3.5	Từ giáp thửa 35, BĐ 69 đến ngã ba cạnh thửa 311, BĐ 56 và hết thửa 337, BĐ 56	600
3.6	Từ ngã ba cạnh thửa 407, BĐ 56 đến giáp thửa 366, BĐ 56	260
3.7	Từ ngã ba cạnh thửa 384, BĐ 56 đến giáp thửa 345, BĐ 56	260
3.8	Từ ngã ba cạnh thửa 311, BĐ 56 đi thửa 525, BĐ 56 đến giáp thửa 210; đến giáp thửa 251; đến giáp thửa 211, BĐ 56	260
3.9	Từ ngã ba cạnh thửa 311, BĐ 56 và giáp thửa 337, BĐ 56 đến đường vào chùa Thánh Đức (cạnh thửa 127, BĐ 55) và hết thửa 142, BĐ 55	480
3.10	Từ đường vào chùa Thánh Đức (cạnh thửa 127, BĐ 55) và giáp thửa 142, BĐ 55 đến giáp thửa 53, BĐ 55 (cạnh công nghĩa trang Đại Ninh)	470
	Khu vực II	
1	Đường thôn Đại Ninh	
1.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 11, BĐ 43 đến hết đường (hết thửa 117, BĐ 43)	260
1.2	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 41, BĐ 43 đến hết thửa 13, BĐ 42	200
1.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 71, BĐ 43 đến ngã ba hết thửa 20, BĐ 57	200

1.4	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 54, BĐ 57 (trường THCS Ninh Gia) đi qua Công ty Truyền tải điện 4 đến ngã ba giáp Quốc lộ 20 (cạnh thửa 49, BĐ 43)	300
1.5	Từ ngã ba đối diện thửa 100, BĐ 43 đến ngã ba hết thửa 34, BĐ 43	280
1.6	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 41, BĐ 57 đến hết thửa 15, BĐ 58 (đường vào cổng gác thủy điện Đại Ninh)	420
1.7	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 44, BĐ 56 đến thửa 66, BĐ 56	220
1.8	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 135, BĐ 56 đến ngã tư cạnh thửa 78, BĐ 56	300
1.9	Từ ngã tư cạnh thửa 78, BĐ 56 đến giáp thửa 51, BĐ 42	200
1.10	Từ ngã tư cạnh thửa 78, BĐ 56 đến giáp thửa 41, BĐ 56 và giáp thửa 24, BĐ 56	200
1.11	Từ ngã tư cạnh thửa 78, BĐ 56 đến ngã ba cạnh thửa 139, BĐ 56	240
1.12	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 529, BĐ 56 đến sông (hết thửa 73, BĐ 57)	240
1.13	Từ ngã ba cạnh thửa 360, BĐ 57 đến hết thửa 183 , BĐ 57	200
1.14	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 219, BĐ 56 đến ngã ba cạnh thửa 139 , BĐ 56	440
1.15	Từ ngã ba cạnh thửa 139, BĐ 56 đến hết thửa 119, BĐ 56 và hết thửa 145, BĐ 56	220
1.16	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 327, BĐ 56 đến giáp thửa 248, BĐ 57	420
1.17	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 295, BĐ 56 đến giáp thửa 249, BĐ 56	420
1.18	Từ ngã ba cạnh thửa 301, BĐ 56 đến giáp thửa 288 , BĐ 56	200
2	Đường thôn Ninh Hòa	
2.1	Từ Quốc lộ 20 - ngã ba cạnh thửa 332, BĐ 69) đến hết thửa 333, BĐ 69	260
2.2	Từ ngã ba cạnh thửa 315, BĐ 69 đến ngã ba cạnh Trạm y tế sau đó đi hết chợ Ninh Gia (thửa 263, BĐ 69)	580
2.3	Từ ngã ba cạnh Trạm y tế (thửa 285, BĐ 69) đến hết thửa 240, BĐ 69	560

2.4	Từ thửa 161, BĐ 69 đến giáp thửa 189, BĐ 69; đến giáp thửa 240, BĐ 69	360
2.5	Từ giáp thửa 189, BĐ 69 đến giáp thửa 156, BĐ 69	240
2.6	Từ ngã ba cạnh thửa 147, BĐ 69 đến giáp thửa 104, BĐ 69	480
2.7	Từ ngã ba cạnh thửa 147, BĐ 69 đến hết thửa 203, BĐ 55	480
2.8	Từ ngã ba cạnh thửa 29, BĐ 69 đến hết thửa 639, BĐ 68	230
2.9	Từ ngã ba cạnh thửa 98, BĐ 69 đến hết thửa 185, BĐ 69	440
2.10	Từ ngã ba cạnh thửa 272, BĐ 69 đến suối - cạnh thửa 69, BĐ 68	480
2.11	Từ suối cạnh thửa 69, BĐ 68 đến giáp thửa 166, BĐ 68	380
2.12	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 345, BĐ 68 đến hết thửa 166, BĐ 68	320
2.13	Từ ngã ba cạnh thửa 268, BĐ 68 đến hết thửa 208, BĐ 68	200
2.14	Từ ngã ba giáp thửa 166, BĐ 68 đến ngã ba hết thửa 200, BĐ 55	240
2.15	Từ thửa số 106, BĐ 69 đến thửa số 41, BĐ 69	300
2.16	Từ thửa số 39, BĐ 69 đến giáp thửa số 406, BĐ 56	300
2.17	Từ thửa số 10, BĐ 69 đến giáp thửa số 406, BĐ 56	300
2.18	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 413, BĐ 69 đến thửa 426, BĐ 69	300
3	Đường thôn Thiện Chí	
3.1	Từ ngã ba cạnh thửa 53, BĐ 55 (công nghĩa trang Đại Ninh) đến ngã ba cạnh thửa 99, BĐ 41 (đường vòng khu tái định cư)	340
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 21, BĐ 42 đi qua thửa 18, BĐ 41 đến ngã ba cạnh thửa 79, BĐ 41	200
3.3	Từ ngã ba cạnh thửa 277, BĐ 41 đến sông Đa Dâng (hết thửa 41, BĐ 41)	190
3.4	Từ ngã ba cạnh thửa thửa 99, BĐ 41 (đi cầu treo) đến ngã ba đối diện chùa Quan Âm (thửa 96, BĐ 41)	350
3.5	Từ ngã ba cạnh thửa 53, BĐ 55 (công nghĩa trang Đại Ninh) đến ngã ba đối diện thửa 96, BĐ 41 (chùa Quan Âm).	370
3.6	Từ ngã ba cạnh thửa 37, BĐ 55 đến ngã ba cạnh thửa 247, BĐ 41	200

3.7	Từ ngã ba cạnh thửa 190, BĐ 41 đến ngã tư cạnh thửa 23, BĐ 54	200
3.8	Từ ngã ba đối diện chùa Quan Âm (cạnh thửa 129, BĐ 41) đến ngã ba cạnh thửa 253, BĐ 40 (gần cổng văn hóa thôn Kinh Tế Mới)	340
3.9	Từ ngã ba cạnh thửa 111, BĐ 41 đến sông Đa Dâng	190
3.10	Từ ngã ba cạnh thửa 95, BĐ 41 đến hết thửa 89, BĐ 41	190
3.11	Từ ngã tư cạnh thửa 211, BĐ 40 đến giáp thửa 121, BĐ 40	200
3.12	Từ ngã ba cạnh trường Tiểu học Thiện Chí (cạnh thửa 216, BĐ 40) đi qua thửa 87, BĐ 54 đến suối.	240
3.13	Từ ngã tư cạnh thửa 23, BĐ 54 đến ngã ba cạnh thửa 50, BĐ 54	200
3.14	Từ ngã ba cạnh thửa 71, BĐ 54 đến ngã tư cạnh thửa 50, BĐ 54	200
3.15	Từ ngã ba cạnh trường Tiểu học Thiện Chí (cạnh thửa 236, BĐ 40) đi qua thửa 70, BĐ 54 đến suối (hết thửa 192, BĐ 54)	230
3.16	Từ ngã ba cạnh thửa 53, BĐ 54 đi qua thửa 118 đến hết thửa 149, BĐ 53	200
3.17	Từ ngã ba cạnh thửa 189, BĐ 40 đến ngã ba cạnh nghĩa trang Thiện Chí (thửa 20, BĐ 40)	240
3.18	Từ ngã ba cạnh thửa 117, BĐ 40 đến hết thửa 228, BĐ 40	160
3.19	Từ ngã ba cạnh nghĩa trang Thiện Chí (thửa 20, BĐ 40) đến ngã ba đường vào thôn Tân Phú (đối diện thửa 48, BĐ 38)	190
3.20	Từ ngã ba cạnh thửa 244, BĐ 40 đến hết thửa 111, BĐ 40	160
3.21	Từ ngã ba cạnh thửa 29, BĐ 54 đến hết thửa 98, BĐ 54	200
3.22	Từ ngã ba cạnh thửa 65, BĐ 54 đến giáp thửa 119, BĐ 54	200
4	Đường thôn Kinh tế mới	
4.1	Từ ngã ba cạnh thửa 253, BĐ 40 (gần cổng văn hóa thôn Kinh Tế Mới) đến ngã ba cạnh thửa 145 và thửa 161, BĐ 53	260
4.2	Từ ngã ba cạnh thửa 64, BĐ 54 qua hội trường thôn đến hết thửa 123, BĐ 54	200

4.3	Từ ngã tư cạnh thửa 108, BĐ 54 đến ngã ba cạnh thửa 141, BĐ 54	200
4.4	Từ ngã tư cạnh thửa 73, BĐ 53 đến ngã ba cạnh thửa 103, BĐ 54	200
4.5	Từ ngã ba cạnh thửa 75, BĐ 53 đến ngã ba cạnh thửa 119, BĐ 53	200
4.6	Từ ngã ba giáp thửa 161, BĐ 53 đến ngã ba cạnh thửa 43, BĐ 52 (ngã ba đi Tân Phú)	220
4.7	Từ ngã ba cạnh thửa 145, BĐ 53 đến ngã ba cạnh thửa 168, BĐ 53	200
4.8	Từ ngã ba cạnh thửa 168, BĐ 53 đến suối giáp thửa 01, BĐ 66	200
5	Đường thôn Đăng Srôn	
5.1	Từ Quốc lộ 28B - cạnh thửa 466, BĐ 69 đến giáp thửa 425, BĐ 69 và đến hết thửa 387, BĐ 68	320
5.2	Từ Quốc lộ 28B - cạnh thửa 495, BĐ 69 đến giáp thửa 397, BĐ 68 và hết thửa 462, BĐ 68	320
5.3	Từ Quốc lộ 28B - cạnh thửa 167, BĐ 80 đến ngã ba hết thửa 181, BĐ 80	250
5.4	Từ ngã ba cạnh thửa 241, BĐ 80 đến giáp thửa 345, BĐ 80	200
5.5	Từ Quốc lộ 28B - cạnh thửa 506, BĐ 80 đến giáp ruộng (hết thửa 625, BĐ 80)	280
5.6	Từ ngã ba cạnh thửa 1322, BĐ 80 (đường vào trường Tiểu học Đăng Srôn) đến ngã ba hết thửa 261, BĐ 80	250
5.7	Từ ngã ba cạnh thửa 826, BĐ 80 đến hết thửa 577, BĐ 80	200
5.8	Từ ngã ba cạnh thửa 831, BĐ 80 đến hết thửa 597, BĐ 80	200
5.9	Từ Quốc lộ 28B - gần công trường trung đoàn 994 (cạnh thửa 937, BĐ 80) đến ngã ba hết thửa 924, BĐ 80 (gần thửa 980, BĐ 80)	250
5.10	Từ ngã ba cạnh thửa 942, BĐ 80 đến hết thửa 889, BĐ 80	200
5.11	Từ ngã ba cạnh thửa 947, BĐ 80 đến hết thửa 868, BĐ 80	200
5.12	Từ ngã ba cạnh thửa 980, BĐ 80 đến ngã ba hết thửa 1058, BĐ 80	200

5.13	Từ ngã ba giáp thửa 980, BĐ 80 đến hết thửa 277, BĐ 80	200
5.14	Từ ngã ba cạnh thửa 924 và 899, BĐ 80 đến suối - cạnh thửa 868, BĐ 80	200
5.15	Từ ngã ba cạnh thửa 38, BĐ 94 (ngã ba Quốc Hoàng) đến ngã ba hết thửa 351, BĐ 93	250
5.16	Từ giáp thửa 351, BĐ 93 đến ngã ba hết thửa 09, BĐ 127	180
5.17	Từ ngã ba cạnh thửa 09, BĐ 127 đến hết thửa 83, BĐ 136	180
5.18	Từ ngã ba cạnh thửa 50, BĐ 94 đến ngã ba cạnh thửa 105, BĐ 94	250
6	Đường thôn Hiệp Thuận	
6.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 111, BĐ 79 đến ngã ba hết thửa 452, BĐ 79	250
6.2	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 01, BĐ 79 đến hết thửa 99, BĐ 67	250
6.3	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 131, BĐ 79 đến hết thửa 112, BĐ 79 (hội trường thôn)	240
6.4	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 114, BĐ 79 đến ngã ba hết thửa 327, BĐ 79	240
6.5	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 63, BĐ 79 đến giáp thửa 186, BĐ 67	240
6.6	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 77, BĐ 79 đến giáp thửa 23, BĐ 79	240
6.7	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 616, BĐ 79 đến giáp thửa 307, BĐ 79	240
6.8	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 157, BĐ 79 qua chùa đến ngã ba cạnh thửa 577, BĐ 79	320
6.9	Từ ngã ba cạnh thửa 441, BĐ 79 đến giáp thửa 339, BĐ 79	240
6.10	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 121, BĐ 79 (miếu Hiệp Thuận) đến ngã ba hết thửa 196, BĐ 67	320
6.11	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 191, BĐ 79 đến hết thửa 337, BĐ 79	240
6.12	Từ thửa 337, BĐ 79 đến hết thửa 375, BĐ 79	190
6.13	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 193, BĐ 79 đến hết thửa 259, BĐ 79	220

6.14	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 116, BĐ 78 đến ngã ba hết thửa 170, BĐ 78	250
7	Đường thôn Hiệp Hòa	
7.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 28, BĐ 78 đến thửa 138, BĐ 78	250
7.2	Từ ngã ba cạnh nghĩa trang thôn Hiệp Hòa - cạnh thửa 335, BĐ 66 đến suối cạnh thửa 01, BĐ 66	230
7.3	Từ ngã ba cạnh thửa 323, BĐ 66 đến ngã ba hết thửa 70, BĐ 78	250
7.4	Từ ngã ba cạnh thửa 344, BĐ 66 đến hết thửa 370, BĐ 66	230
7.5	Từ ngã ba cạnh thửa 303, BĐ 66 đến suối (hết thửa 241, BĐ 66)	190
7.6	Từ ngã ba thửa 34, BĐ 78 đến ngã ba đối diện thửa 49, BĐ 77	180
7.7	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 278, BĐ 66 đến-hết đường	220
7.8	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 131, BĐ 65 đến giáp thửa 159, BĐ 65	230
7.9	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 244, BĐ 66 đến hết thửa 190, BĐ 66	250
7.10	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 107, BĐ 65 đến giáp thửa 132, BĐ 65	230
7.11	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 116, BĐ 65 đến ngã ba hết thửa 49, BĐ 77	250
7.12	Từ ngã ba đối diện thửa 49, BĐ 77 đến ngã ba cạnh thửa 78, BĐ 77	230
7.13	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 121, BĐ 65 đến hết thửa 80, BĐ 65- đường vào thôn Tân Phú	240
7.14	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 153, BĐ 65 đến hết thửa 85, BĐ 77	260
7.15	Khu dân cư Nông trường 78: Từ Quốc lộ 20 (cạnh thửa 38, BĐ 64) đến hết thửa 14, BĐ 64; từ Quốc lộ 20 (cạnh thửa 51, BĐ 64) đến hết thửa 16, BĐ 64; từ Quốc lộ 20 (cạnh thửa 04, BĐ 76) đến hết thửa 19, BĐ 64; từ ngã ba cạnh thửa 20, BĐ 64 đến ngã ba cạnh thửa 14, BĐ 64; từ ngã ba cạnh thửa 48, BĐ 64 đến ngã ba cạnh thửa 22, BĐ 64	230
7.16	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 18, BĐ 76 đến giáp thửa 33, BĐ 76	230

7.17	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 127, BĐ 76 đến hết thửa 34, BĐ 77	230
7.18	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 07, BĐ 75 đến ngã ba cạnh thửa 127, BĐ 76	230
7.19	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 15, BĐ 75 đến ngã ba hết thửa 58, BĐ 75	230
7.20	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 52, BĐ 74 đến hết thửa 11, BĐ 74	230
8	Đường thôn Tân Phú	
8.1	Từ thửa 43, BĐ 55 đến ngã tư hết thửa 33, BĐ 28	240
8.2	Từ ngã ba cạnh thửa 33, BĐ 28 đến ngã tư hết thửa 40, BĐ 27	240
8.3	Từ ngã tư cạnh thửa 22, BĐ 27 đi qua thửa 171, BĐ 28 đến giáp thửa 03, BĐ 19 và đi qua thửa 37 đến hết thửa 11, BĐ 19 (cạnh nhà máy gạch Lang Hanh)	180
8.4	Từ ngã tư cạnh thửa 22, BĐ 27 đi hướng thửa 11, BĐ 27 đến ngã ba thửa 22, BĐ 25	180
8.5	Từ ngã ba cạnh thửa 22, BĐ 25 đến suối (hết thửa 44, BĐ 25)	180
8.6	Từ cầu Thiện Nhân (thửa 64, BĐ 60) đi qua thửa 33, BĐ 48 đến hết thửa 25, BĐ 48	180
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	130
X	XÃ TÀ HINE	
	Khu vực I	
1	Quốc lộ 28B	
1.1	Từ cầu Đăkra (cạnh thửa 03, BĐ 14) đến giáp thửa 80, BĐ 46	260
1.2	Từ thửa 80, BĐ 46 đến hết thửa 135, BĐ 47	310
1.3	Từ giáp thửa 135, BĐ 47 đến giáp xã Ninh Loan (hết thửa 219, BĐ 56)	250
2	Đường ĐT 729	
2.1	Từ giáp Quốc lộ 28B (cạnh thửa 39 và 40, BĐ 47) đến ngã ba cạnh UBND xã - hết thửa 179, BĐ 37	230
2.2	Từ ngã ba cạnh UBND xã đến đến ngã ba cạnh thửa 672, BĐ 38 và giáp thửa 637, BĐ 38	260

2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 672, BĐ 38 và giáp thửa 637, BĐ 38 đến ngã ba đi thôn Tơ Kriang (giáp thửa 246, BĐ 39)	180
2.4	Từ ngã ba đi thôn Tơ Kriang (cạnh thửa 246, BĐ 39) đến hết thửa 146, BĐ 50	160
2.5	Từ giáp thửa 146, BĐ 50 đến hết thửa 88, BĐ 50 - ngã ba thôn Đà Thành	240
3	Đường từ UBND xã đi thác Bảo Đại	
3.1	Từ ngã ba thửa 179, BĐ 37 (UBND xã) đến ngã ba hết thửa 01, BĐ 37	310
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 149, BĐ 37 đến hết thửa 151, BĐ 37 và đến hết thửa 127, BĐ 37	160
3.3	Từ ngã ba cạnh thửa 01, BĐ 37 đến ngã ba đi thác Bảo Đại cạnh thửa 464 và hết thửa 559, BĐ 27	300
3.4	Từ ngã ba đi thác Bảo Đại cạnh thửa 464, BĐ 27 và giáp thửa 559, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 71, BĐ 27 và hết thửa 90, BĐ 27	260
3.5	Từ ngã ba cạnh thửa 71, BĐ 27 và giáp thửa 90, BĐ 27 đến cầu thác Bảo Đại (gần thửa 80, BĐ 18)	250
	KHU VỰC II	
1	Từ đường ĐT 729 - đối diện Cty bò sữa (cạnh thửa 108, BĐ 50) đến ngã ba cạnh thửa 151, BĐ 50	130
2	Từ ngã ba ngã ba cạnh thửa 151, BĐ 50 đến ngã ba cạnh thửa 05, BĐ 59	110
3	Từ ngã ba cạnh thửa 05, BĐ 59 đến hết thửa 548, BĐ 58	90
4	Từ giáp thửa 80, BĐ 18 (gần cầu thác Bảo Đại) đến ngã ba cạnh thửa 350, BĐ 29 và hết thửa 281, BĐ 29	110
5	Từ ngã ba cạnh thửa 350, BĐ 29 và giáp thửa 281, BĐ 29 đến cầu Phú Ao (hết thửa 132, BĐ 41)	130
6	Từ ngã ba cạnh thửa 30, BĐ 30 đến ngã tư cạnh thửa 103, BĐ 41	110
7	Từ ngã ba đi thác Bảo Đại (cạnh thửa 464, BĐ27) và giáp thửa 559 BĐ 27 đến ngã ba hết thửa 275, BĐ 27	260
8	Từ ngã ba giáp thửa 275, BĐ 27 đến ngã ba hết thửa 94, BĐ 26	230
9	Từ ngã ba hết thửa 94, BĐ 26 đến hết thửa 40 và 44, BĐ 26	190
10	Từ giáp thửa 40 và 44, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 13, BĐ 26	160

11	Từ ngã ba cạnh thửa 13, BĐ 26 đến hồ thủy điện Đại Ninh (hết thửa 135, BĐ 16)	110
12	Từ đường ĐT 729 - ngã ba lò gạch (cạnh thửa 739, BĐ 38) đến hết thửa 207, BĐ 57 (giáp xã Ninh Loan)	140
13	Từ đường ĐH 729 - ngã ba đi thôn Tư Kriang cạnh thửa 246, BĐ 39 đến hết thửa 212, BĐ 49	150
14	Từ giáp thửa 212, BĐ 49 đến hết thửa 539, BĐ 58 (giáp xã Ninh Loan)	130
15	Từ ngã ba cạnh thửa 71, BĐ 27 đến ngã ba rẽ vào mỏ đá (hết thửa 315, BĐ 17)	100
16	Từ ngã ba rẽ vào mỏ đá (giáp thửa 315, BĐ 17) đến hết thửa 44, BĐ 17	90
17	Từ đường ĐT 729- cạnh thửa 234, BĐ 39 đến hết khu tái định cư (thửa 176, BĐ 39)	150
18	Từ ngã ba cạnh thửa 204, BĐ 39 đến suối cạnh thửa 107, BĐ 38	110
19	Từ giáp khu tái định cư (thửa 176, BĐ 39) đến ngã ba cạnh thửa 562, BĐ 40	110
20	Từ ngã ba cạnh thửa 562, BĐ 40 đến ngã ba cạnh thửa 188, BĐ 41	160
21	Từ ngã ba cạnh thửa 17, BĐ 37 đến giáp trường THCS Tà Hine (hết thửa 140, BĐ 37)	160
22	Từ ngã ba cạnh thửa 104, BĐ 37 đến ngã ba cạnh thửa 66, BĐ 37	140
23	Từ ngã ba cạnh thửa 126, BĐ 37 đến ngã ba cạnh thửa 93, BĐ 37	140
24	Từ ngã ba cạnh thửa 93, BĐ 39 đến ngã ba cạnh thửa 350, BĐ 29	90
25	Từ ngã ba cạnh thửa 137, BĐ 18 đến giáp thửa 118, BĐ 28	90
26	Từ ngã ba cạnh thửa 546, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 548 và 527, BĐ 27	160
27	Từ ngã ba cạnh thửa 527, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 288, BĐ 27	110
28	Từ ngã ba cạnh thửa 548 và 527, BĐ 27 đến hết thửa 139 và 140, BĐ 38	110
29	Từ giáp thửa 139 và 140, BĐ 38 đến ngã ba cạnh thửa 433, BĐ 38	140

30	Khu vực thôn Đà Thành - Đà Loan	
30.1	Từ cầu Phú Ao (cạnh thửa 132, BĐ 41) đến hết thửa 201, BĐ 41	160
30.2	Từ ngã ba cạnh thửa 72, BĐ 50 đi thửa 202, BĐ 41 đến ngã ba hết thửa 201, BĐ 41 và đến ngã ba hết thửa 159, BĐ 41	140
30.3	Từ ngã ba giữa hai thửa 201 và 202, BĐ 41 đến ngã ba đối diện thửa 172, BĐ 41	140
30.4	Từ ngã ba cạnh thửa 82, BĐ 41 đến ngã ba cạnh thửa 184, BĐ 41	140
30.5	Từ ngã ba cạnh thửa 88, BĐ 50 (giáp thôn Đà Thành - ĐT729) đến ngã ba cạnh thửa 72, BĐ 50	240
30.6	Từ đường ĐT 724 - cạnh thửa 35, BĐ 50 đến ngã ba cạnh thửa 49, BĐ 50	140
30.7	Từ đường ĐT 729 - cạnh thửa 123, BĐ 50 (thôn Đà Thành) đến hết thửa 47, BĐ 50 và đến ngã ba cạnh thửa 70, BĐ 50	160
	KHU VỰC III	
	Các đoạn đường còn lại	80
XI	XÃ NINH LOAN	
	Khu vực I	
1	Quốc lộ 28B	
1.1	Từ giáp xã Tà Hine đến ngã ba cạnh thửa 70, BĐ 12	240
1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 70, BĐ 12 và giáp thửa 69, BĐ 12 đến hết thửa 186, BĐ 12 (cạnh cầu thôn Nam Loan)	250
1.3	Từ giáp thửa 186, BĐ 12 (cạnh cầu thôn Nam Loan) đến ngã ba cạnh thửa 327, BĐ 12 và giáp thửa 324, BĐ 12	300
1.4	Từ ngã ba cạnh thửa 327, BĐ 12 và thửa 324, BĐ 12 đến ngã ba cạnh thửa 57, BĐ 19 và hết thửa 52, BĐ 19	380
1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 65, BĐ 19 đến ngã ba giáp thửa 98, BĐ 19	130
1.6	Từ ngã ba cạnh thửa 57, BĐ 19 và giáp thửa 52, BĐ 19 đến ngã ba cạnh thửa 95, BĐ 20 và hết thửa 108, BĐ 19	400
1.7	Từ ngã ba cạnh thửa 95, BĐ 20 và giáp thửa 108, BĐ 19 đến ngã ba nhà thờ (hết thửa 227, BĐ 19) và hết thửa 201, BĐ 20	440

1.8	Từ ngã ba cạnh nhà thờ (giáp thửa 227, BĐ 19) và giáp thửa 201, BĐ 20 đến hết thửa 03, BĐ 28 và hết thửa 396, BĐ 19	480
1.9	Từ giáp thửa 03, BĐ 28 và giáp thửa 396, BĐ 19 đến cầu (cạnh thửa 343, BĐ 27)	420
1.10	Từ cầu - cạnh thửa 343 BĐ 27 đến hết thửa 430, BĐ 28 (ngã ba đi thôn Ninh Thái) và hết thửa 605, BĐ 27	340
1.11	Từ giáp thửa 430, BĐ 28 (ngã ba đi thôn Ninh Thái) và giáp thửa 605, BĐ 27 đến hết thửa 728 và 735, BĐ 27	220
1.12	Từ giáp thửa 728 và 735, BĐ 27 đến hết thửa 96 và 97, BĐ 35	200
1.13	Từ giáp thửa 96, BĐ 35 đến giáp Bình Thuận	160
2	Đường Ninh Loan - Tà Hine	
2.1	Từ Quốc lộ 28B (cạnh thửa 314, BĐ 12) đến mương nước cạnh thửa 584, BĐ 13 và giáp thửa 562, BĐ 13	220
2.2	Từ mương nước cạnh thửa 584, BĐ 13 và thửa 562, BĐ 13 đến giáp xã Tà Hine -Đường ĐT 729	200
3	Đường khu trung tâm	
3.1	Từ ngã ba cạnh nhà thờ (giáp thửa 227, 19) đến ngã ba cạnh thửa 290, BĐ 19 (đường đi trường mẫu giáo) và hết thửa 477, BĐ 19	540
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 290, BĐ 19 (đường đi trường mẫu giáo) và giáp thửa 477, BĐ 19 đến giáp thửa 360, BĐ 19	550
3.3	Từ thửa 360, BĐ 19 đến hết thửa số 92, BĐ 27	610
3.4	Từ giáp thửa số 92, BĐ 27 đến ngã ba hết thửa 182 và 179, BĐ 27	530
3.5	Từ giáp thửa 182 và 179, BĐ 27 đến hết thửa 264 và 308, BĐ 27 (cạnh ngã ba đi thôn Trung Hậu và Thịnh Long)	380
3.6	Từ ngã tư chợ (cạnh thửa 53, BĐ 27) đến trường tiểu học Ninh Loan (thửa 332, BĐ 19)	480
3.7	Từ ngã ba đường vào chợ (cạnh thửa 68, BĐ 27) đến hết thửa 108, BĐ 27	610
3.8	Từ giáp thửa 108, BĐ 27 đến ngã tư cây đa (cạnh thửa 168, BĐ 27)	260
3.9	Từ ngã tư cây đa đến Quốc lộ 28B (cạnh thửa 256, BĐ 27)	280

	Khu vực II	
1	Từ ngã ba cạnh thửa 179, BĐ 27 đến ngã tư cây đa (hết thửa 170, BĐ 27)	240
2	Từ ngã ba cạnh thửa 92, BĐ 27 đến ngã ba cạnh thửa 358, BĐ 19	150
3	Từ giáp thửa 264 và 307, BĐ 27 (cạnh ngã ba đi thôn Trung Hậu và Thịnh Long) đến ngã ba hết thửa 282 và 355, BĐ 27	240
4	Từ ngã ba cạnh thửa 307, BĐ 27 đến nương nước hết thửa 397 và 398, BĐ 27	180
5	Từ ngã ba cạnh thửa 373, BĐ 27 đến giáp thửa 848, BĐ 27	130
6	Từ giáp thửa 282 và 355, BĐ 27 đến hết thửa 800 và 900, BĐ 27 (ngã ba cạnh hội trường thôn Thịnh Long)	190
7	Từ ngã tư cạnh thửa 510, BĐ 27 đến Quốc lộ 28 B (cạnh thửa 728, BĐ 27)	130
8	Từ giáp thửa 800, BĐ 27 (ngã ba cạnh hội trường thôn Thịnh Long) đến ngã ba hết thửa 279, BĐ 26 (cạnh sân bóng)	190
9	Từ ngã ba cạnh thửa 175, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 120, BĐ 34	130
10	Từ ngã ba cạnh hội trường thôn Thịnh Long đến cống (hết thửa 121, BĐ 26)	150
11	Từ cống cạnh thửa 121, BĐ 26 đến ngã ba hết thửa 18, BĐ 26	150
12	Từ ngã ba cạnh thửa 18, BĐ 26 đến hết thửa 115, BĐ 11	130
13	Từ ngã ba Trụ sở xã (cạnh thửa 242, BĐ 27) đến hết thửa 184, BĐ 27	180
14	Từ giáp thửa 184, BĐ 26 đến ngã ba hết thửa 01, BĐ 26	130
15	Từ Quốc lộ 28B cạnh thửa 455 đến hết thửa 457 và 819, BĐ 28	160
16	Từ ngã ba cạnh thửa 443, BĐ 28 đến ngã ba cạnh thửa 790, BĐ 28	130
17	Từ ngã ba cạnh thửa 819, BĐ 28 đến ngã ba cạnh thửa 397 và 444, BĐ 36	130
18	Từ giáp thửa 457 và 819, BĐ 28 đi qua hội trường thôn Ninh Thái đến nương nước - hết thửa 350, BĐ 28	130
19	Từ Quốc lộ 28B cạnh thửa 670, BĐ 27 đến hết thửa 502, BĐ 36	130

20	Từ ngã ba cạnh thửa thửa 322, BĐ 20 đến hết thửa 80 và 131, BĐ 28	130
21	Từ ngã ba cạnh thửa 120, BĐ 12 đến hết thửa 133, BĐ 12 và hết thửa 96, BĐ 11	150
22	Từ ngã ba cạnh thửa 176, BĐ 13 đến ngã ba cạnh thửa 245, BĐ 14 và hết thửa 250, BĐ 14	130
23	Từ ngã ba thửa 279, BĐ 26 (cạnh sân bóng) đến ngã ba hết thửa 312, BĐ 34	150
24	Từ ngã ba sân bóng (cạnh thửa 279, BĐ 26) đến ngã ba cạnh thửa 457, BĐ 34 và hết thửa 471, BĐ 34	150
25	Từ ngã ba cạnh thửa 457, BĐ 34 và giáp thửa 471, BĐ 34 đến ngã ba cạnh thửa 139, BĐ 34 và hết thửa 106, BĐ 34	130
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	120
XII	XÃ ĐÀ LOAN	
	Khu vực I:	
1	Đường ĐT 729	
1.1	Từ giáp xã Tà Hine đến hết thửa 21, BĐ 23 (gần ngã ba thôn Đà Thành)	240
1.2	Từ giáp thửa 21, BĐ 23 (gần ngã ba thôn Đà Thành) đến hết thửa 503, BĐ 24	260
1.3	Từ giáp thửa 503, BĐ 24 đến giáp thửa 53, BĐ 31	290
1.4	Từ thửa 53, BĐ 31 đến cầu thôn Đà An (hết thửa 121, BĐ 31)	430
1.5	Từ cầu thôn Đà An đến ngã ba hết thửa 149, BĐ 31 và hết thửa 156, BĐ 31	550
1.6	Từ giáp thửa 149, BĐ 31 và giáp thửa 156, BĐ 31 đến hết thửa 484, BĐ 24	580
1.7	Từ giáp thửa 484, BĐ 24 đến ngã ba trường Tiểu học Đà Loan (cạnh thửa 306, BĐ 24) và hết thửa 358, BĐ 24	690
1.8	Từ ngã ba trường Tiểu học Đà Loan (cạnh thửa 306, BĐ 24) và giáp thửa 358, BĐ 24 đến ngã tư cây xăng (thửa 346, BĐ 25)	810
1.9	Từ ngã tư cạnh cây xăng đến ngã tư đi thôn Đà Tiến (thửa 489, BĐ 25)	850

1.10	Từ đường ĐT 729 (thửa 422, BĐ 25) đến hết thửa 538, BĐ 25	360
1.11	Từ ngã tư đi thôn Đà Tiến (cạnh thửa 489, BĐ 25) đến hết thửa 296 và 409, BĐ 25	750
1.12	Từ giáp thửa 296 và 409, BĐ 25 đến hết thửa 218 và 392, BĐ 25	640
1.13	Từ giáp thửa 218 và 392, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 132, BĐ 26 và hết thửa 150, BĐ 26	550
1.14	Từ ngã ba cạnh thửa 132, BĐ 26 đến hết nhà thờ và hết thửa 179, BĐ 26	530
1.15	Từ giáp nhà thờ và giáp thửa 179, BĐ 26 đến cầu bà Bồng (hết thửa 250, BĐ 26)	480
1.16	Từ cầu bà Bồng đến ngã ba cầu treo (hết thửa 211, BĐ 27) và hết thửa 28, BĐ 34	240
1.17	Từ ngã ba cầu treo và giáp thửa 28, BĐ 34 đến ngã ba đường đi lò gạch (hết thửa 255, BĐ 34) và hết thửa 274, BĐ 34	220
1.18	Từ ngã ba đường đi lò gạch và giáp thửa 255, BĐ 34 đến hết thửa 45, BĐ 43 và hết thửa 65, BĐ 43	190
1.19	Từ giáp thửa 45, BĐ 43 và giáp thửa 65, BĐ 43 đến giáp xã Tà Năng	190
2	Đường khu quy hoạch trung tâm cụm xã	
2.1	Từ ngã ba giữa bến xe và chợ đến hết thửa 629, BĐ 25	730
2.2	Từ giáp thửa 629, BĐ 25 (nhà may Hường) đến ngã ba cạnh thửa 740, BĐ 25	600
2.3	Từ ngã ba cạnh thửa 452, BĐ 25 đến hết thửa 631, BĐ 25	730
2.4	Từ ngã ba cạnh thửa 629, BĐ 25 đến hết thửa 631 BĐ 25	610
2.5	Từ giáp thửa 688, BĐ 25 và giáp thửa 631, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 644, BĐ 25 và hết thửa 705, BĐ 25	360
2.6	Từ ngã ba giáp thửa 721 và 705, BĐ 25 đến giáp thửa 729, BĐ 25	190
2.7	Từ ngã tư giáp đường ĐT 729 (cạnh thửa 389, BĐ 25) đến công phòng khám khu vực Đà Loan (giáp thửa 766, BĐ 25)	360
2.8	Từ ngã ba cạnh thửa 226, BĐ 31 đến giáp thửa 483, BĐ 24 (ngã ba cạnh nhà văn hóa)	380

2.9	Từ thửa 483, BĐ 24 đến ngã ba sân bóng (cạnh thửa 308, BĐ 24)	360
2.10	Từ ngã ba cạnh thửa 416, BĐ 24 đến hết thửa 410, BĐ 24	140
2.11	Từ ngã ba cạnh trường THPT Nguyễn Bình Khiêm đến ngã tư cạnh thửa 179 BĐ 25	320
2.12	Từ ngã ba cạnh sân bóng (thửa 244, BĐ 24) đến ngã ba cạnh thửa 30, BĐ 24; đến giáp thửa 147, BĐ 24	190
2.13	Từ ngã tư cạnh thửa 179, BĐ 25 đến ngã tư cạnh thửa 419, BĐ 25	310
2.14	Từ ngã ba cạnh thửa 364, BĐ 25 đến hết thửa 156, BĐ 25	200
2.15	Từ ngã ba cạnh thửa 331, BĐ 25 đến hết thửa 122, BĐ 25	200
2.16	Từ ngã tư cạnh thửa 179, BĐ 25 đến hết thửa 49, BĐ 25 và hết thửa 48 BĐ 25	200
2.17	Từ ngã ba cạnh thửa 522, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 602, BĐ 25	360
2.18	Từ ngã ba cạnh thửa 512 BĐ 25 đến ngã ba cạnh hội trường thôn Đà Lâm	610
2.19	Từ ngã ba cạnh thửa 283, BĐ 24 đến ngã ba cạnh thửa 306, BĐ 24	340
2.20	Từ ngã tư cạnh thửa 192, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 345, BĐ 25	340
2.21	Từ ngã tư cạnh thửa 440, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 671, BĐ 25	340
2.22	Từ đường ĐT 729 (cạnh thửa 355, BĐ 24 đến ngã ba cạnh thửa 354, BĐ 24	340
2.23	Từ đường ĐT 729 (cạnh thửa 29, BĐ 31 đến ngã ba cạnh thửa 39, BĐ 31	340
2.24	Từ ngã ba cạnh thửa 200, BĐ 31 đến hết thửa 276, BĐ 31	420
2.25	Từ cổng UBND xã đến thửa 276, BĐ 31	420
2.26	Từ giáp thửa 276, BĐ 31 đến cầu đi thôn Đà Nguyên-hết thửa 456, BĐ 31	360
2.27	Từ ngã ba cạnh thửa 319, BĐ 31 đến giáp thửa 73, BĐ 32 - đường lên chùa Vạn Thành	150
2.28	Từ thửa 398, BĐ 31 đến giáp thửa 407, BĐ 31	140

	Khu vực II	
1	Đường hẻm của đường ĐT 729	
1.1	Từ đường ĐT 729 (cạnh thửa 28, BĐ 23) đi qua thửa 85, BĐ 23 đến giáp đường ĐT 729 (cạnh thửa 79, BĐ 31)	140
1.2	Từ đường ĐT 729 (cạnh thửa 406, BĐ 24) đi qua thửa 495, BĐ 24 đến ngã ba hết thửa 86, BĐ 31	140
1.3	Từ đường ĐT 729 (thửa 386, BĐ 25) đến hết thửa 761, BĐ 25	140
1.4	Từ đường ĐT 729 - cạnh thửa 22, BĐ 34 đến ngã ba cạnh thửa 03, BĐ 34	150
2	Từ ngã ba cạnh thửa 12, BĐ 23 đến ngã ba cạnh hội trường thôn Đà Thành	240
3	Từ ngã ba cạnh hội trường thôn Đà Thành đến giáp Tà Hine (hết thửa 08, BĐ 24)	220
4	Từ ngã ba hội trường thôn Đà Thành (cạnh thửa 82, BĐ 24) đến đập tràn (hết thửa 200, BĐ 24)	190
5	Từ đập tràn (giáp thửa 200, BĐ 24) đến ngã ba giữa trường tiểu học Đà Loan và trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa 308, BĐ 24)	190
6	Từ ngã ba thôn Đà An (cạnh thửa 97, BĐ 31) đến ngã ba cạnh thửa 134, BĐ 31 và hết thửa 131, BĐ 31	190
7	Từ ngã ba cạnh thửa 134, BĐ 31 và giáp thửa 131, BĐ 31 đến ngã ba cạnh thửa 63, BĐ 30 và hết thửa 73, BĐ 30	160
8	Từ ngã ba cạnh thửa 63, BĐ 30 và giáp thửa 73 BĐ 30 đến hết thửa 80, BĐ 38 và hết thửa 81, BĐ 38	140
9	Từ giáp thửa 80, BĐ 38 và giáp thửa 81, BĐ 38 đến hết Hội trường thôn Đà Thiện và hết thửa 154, BĐ 38	140
10	Từ giáp Hội trường thôn Đà Thiện (thửa 153, BĐ 38) theo hướng đi đến thửa 185, BĐ 38 và theo đến thửa 282, BĐ 39 quay lại ngã tư cạnh thửa 154, BĐ 38	130
11	Từ cầu đi nghĩa địa thôn Đà Nguyên đến hết thửa 128 và hết thửa 129, BĐ 39	190
12	Từ giáp thửa 128 và giáp thửa 129, BĐ 39 đến hết thửa 23, BĐ 47 và hết thửa 28, BĐ 47- giáp hồ nước của xí nghiệp Bò Sữa	190

13	Từ giáp hồ nước của xí nghiệp Bò sữa đến cầu cạnh nhà K' Sứ (thôn Maam)	
13.1	Từ giáp thửa thửa 23, BĐ 47 và giáp thửa 28, BĐ 47 đến ngã ba cây xoài cạnh thửa 56, BĐ 52 và hết thửa 73, BĐ 52	150
13.2	Từ ngã ba cây xoài cạnh thửa 56, BĐ 52 và giáp thửa 73, BĐ 52 đến cầu cạnh thửa 164 BĐ 59	160
13.3	Từ cầu cạnh thửa 164 BĐ 59 đến cầu cạnh thửa 383 BĐ 67	220
13.4	Từ cầu cạnh thửa 383 BĐ 67 đến ngã ba cạnh thửa 24 BĐ 74 và hết thửa 16 BĐ 74	200
13.5	Từ ngã ba cạnh thửa 24 BĐ 74 và giáp thửa 16 BĐ 74 đến giáp xã Ninh Loan	160
13.6	Từ ngã ba cạnh thửa 459, BĐ 31 đến khe nước cạnh thửa 84, BĐ 40	180
13.7	Từ khe nước cạnh thửa 84, BĐ 40 đến hết thửa 104, BĐ 48 (gần cầu ông Tuất)	180
13.8	Từ ngã ba đi cầu ông Tuất giáp thửa 103 BĐ 48 đến ngã ba cạnh trường Tiểu học thôn Sóp	160
14	Từ ngã ba cạnh nghĩa địa đến hết thôn Đà Nguyên	
14.1	Từ ngã ba cạnh thửa 488, BĐ 31 (ngã ba nghĩa địa) đến giáp thửa 64, BĐ 40	190
14.2	Từ thửa 64, BĐ 40 đến ngã ba hết thửa 202 và hết thửa 176 BĐ 40	180
14.3	Từ giáp thửa 202 và thửa 176, BĐ 40 đến ngã ba hết thửa 104, BĐ 48 (gần cầu ông Tuất)	150
15	Từ ngã tư đi thôn Đà Tiến đến ngã ba cạnh thửa 113, BĐ 32	
15.1	Từ ngã tư đi thôn Đà Tiến (cạnh thửa 705, BĐ 25) đến hết thửa 756, BĐ 25 và hết thửa 653, BĐ 25	300
15.2	Từ giáp thửa 756, BĐ 25 và giáp thửa 653, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 113, BĐ 32	160
16	Từ đập thôn Đà Minh đến hết đất ông Thành (thôn Đà Tiến)	
16.1	Từ ngã ba cạnh thửa 140, BĐ 33 đến ngã ba cạnh thửa 113, BĐ 32 và hết thửa 122, BĐ 32	150

16.2	Từ thửa 113, BĐ 32 và giáp thửa 122, BĐ 32 đến giáp nương (hết thửa 213, BĐ 32)	140
16.3	Từ ngã ba cạnh thửa 112, BĐ 32 đến ngã ba hết thửa 188, BĐ 32	140
16.4	Từ ngã ba cạnh thửa 88, BĐ32 đến ngã ba cạnh thửa 60 và 281, BĐ 33	150
16.5	Từ ngã ba cạnh thửa 85, BĐ 33 đến hết thửa 101, BĐ 33	150
16.6	Từ ngã ba cạnh thửa 394, BĐ 25 đến hết thửa 41, BĐ 33	140
17	Đường thôn Đà Giang	
17.1	Từ ngã ba cạnh thửa 233, BĐ 25 đến hết thửa 27, BĐ25	150
17.2	Từ ngã ba cạnh thửa 209, BĐ 25 đến ngã ba cạnh thửa 102, BĐ 26	150
17.3	Từ ngã ba cạnh thửa 230, BĐ 25 đến sông Đa Queyon (hết thửa 17, BĐ 25)	150
17.4	Từ ngã ba cạnh thửa 100, BĐ25 đến sông Đa Queyon (hết thửa 57, BĐ 26)	160
17.5	Từ ngã ba cạnh thửa 132 đến ngã ba cạnh thửa 93, BĐ 26	180
17.6	Từ ngã ba cạnh thửa 648, BĐ 25 đến hết thửa 21 và hết thửa 29, BĐ 32	140
17.7	Từ thửa 172, BĐ 31 đến giáp thửa 247, BĐ 31	140
17.8	Từ ngã ba cạnh thửa 267, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 141, BĐ 33	190
17.9	Từ ngã ba đi lò gạch cạnh thửa 286, BĐ 34 đến hết thửa 201 và 218, BĐ 42	160
17.10	Từ ngã ba cạnh thửa 123, BĐ 27 đến ngã ba hết thửa 61, BĐ 27	150
18	Từ ngã ba cạnh thửa 61, BĐ 27 đến giáp Tà Năng	
18.1	Từ ngã ba cạnh thửa 61 BĐ 27 đến hết thửa 35, BĐ 34 (trường Tiểu học Đà G'riêng)	160
18.2	Từ ngã ba cạnh thửa 61 BĐ 27 đến hết thửa 35, BĐ 34 (trường Tiểu học Đà G'riêng)	150
18.3	Từ giáp thửa 178, BĐ 35 đến giáp xã Tà Năng (hết thửa 13 và 24, BĐ 36)	140
18.4	Từ ngã ba cạnh thửa 144 và 145, BĐ 27 đến hết thửa 95, BĐ 34	140
18.5	Từ ngã ba cạnh thửa 163, BĐ 34 đến hết thửa 171, BĐ 34	130

18.6	Từ ngã ba cạnh thửa 37, BĐ 43 đến hết thửa 29, BĐ 43	130
18.7	Từ ngã ba cạnh thửa 211, BĐ 31 đến hết thửa 31, BĐ 32 (đường lên đồi Thanh niên)	140
18.8	Từ ngã ba cạnh thửa 75, BĐ 40 đến ngã tư cạnh thửa 195, BĐ 39	130
18.9	Từ ngã ba cạnh thửa 174, BĐ 33 đến hết thửa 214, BĐ 41	130
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	120
XIII	XÃ TÀ NĂNG	
	Khu vực I	
1	Đường ĐT 729	
1.1	Từ giáp xã Đà Loan đến hết thửa 133, BĐ 67	160
1.2	Từ giáp thửa 133, BĐ 67 đến cầu thôn Bản Cà (hết thửa 227, BĐ 67)	150
1.3	Từ cầu thôn Bản Cà (giáp thửa 227, BĐ 67) đến ngã ba cạnh hội trường thôn Bản Cà và giáp thửa 94, BĐ 67	190
1.4	Từ ngã ba cạnh hội trường thôn Bản Cà và thửa 94, BĐ 67 đến cầu Tà Năng 3 (hết thửa 14, BĐ 67)	200
1.5	Từ cầu Tà Năng 3 (giáp thửa 14, BĐ 67) đến ngã ba buro điện (hết thửa 157, BĐ 60)	280
1.6	Từ ngã ba buro điện (giáp thửa 157, BĐ 60) đến hết Ban Quản lý rừng và hết thửa 119, BĐ 60	310
1.7	Từ giáp Ban Quản lý rừng và giáp thửa 119, BĐ 60 đến ngã tư trung tâm xã	360
1.8	Từ ngã tư trung tâm xã (cạnh thửa 275, BĐ 61) đến hết thửa 125, BĐ 61 (Quán cà phê Bích Ngọc)	290
1.9	Từ giáp thửa 125, BĐ 61 (Quán cà phê Bích Ngọc) đến cầu Bà Trung (hết thửa 126, BĐ 54)	180
1.10	Từ cầu Bà Trung đến khe suối (hết thửa đất số 37, BĐ 55)	180
1.11	Từ khe suối (giáp thửa 37, BĐ 55) đến Cầu Vồng (hết thửa 184, BĐ 51 - giáp xã Đa Quyn)	180
1.12	Từ ngã tư trung tâm xã (cạnh thửa 275, BĐ 61) đến hết đường nhựa đi thôn Tou Néh (hết thửa 249, BĐ 61)	190
	Khu vực II	
1	Từ ngã ba Dốc Đỏ đến ngã ba đi thôn Masara	

1.1	Từ ngã ba Dốc Đò (cạnh thửa 52, BĐ 75) đến ngã ba giáp thửa 117, BĐ 84	110
1.2	Từ thửa 117, BĐ 84 đến ngã ba đi thôn Masara (giáp thửa 245, BĐ 94)	100
2	Từ ngã ba (giáp cầu Bản Cà) đến ngã ba đi thôn Masara	
2.1	Từ công văn hóa thôn Khăm Prông (cạnh thửa 227, BĐ 67) đến hết thửa 168, BĐ 76	130
2.2	Từ giáp thửa 168, BĐ 76 đến ngã ba đi thôn Masara (giáp thửa 245, BĐ 94)	100
3	Từ ngã ba cạnh thửa 22, BĐ 67 đến hết thửa 48, BĐ 67	
3.1	Từ ngã ba cạnh thửa 22, BĐ 67 đến hết thửa 11, BĐ 67	130
3.2	Từ giáp thửa 11, BĐ 67 đến giáp thửa 39, BĐ 67	100
3.3	Từ ngã ba cạnh thửa 147, BĐ 59 đến giáp thửa 110, BĐ 59	110
4	Từ ngã ba cạnh thửa 196, BĐ 67 đến ngã ba Trường Mẫu giáo Klong Bong	
4.1	Từ ngã ba cạnh thửa 196, BĐ 67 đến công (hết thửa 107, BĐ 77)	140
4.2	Từ giáp thửa 107, BĐ 77 đến công (hết thửa 377, BĐ 77)	110
4.3	Từ thửa đất số 22, BĐ 76 đến hết thửa đất số 185, BĐ 77	100
4.4	Từ công (giáp thửa 377, BĐ 77) đến ngã ba Trường Mẫu giáo Klong Bong (thửa 37, BĐ 87)	100
5	Từ ngã ba bưu điện (thửa 157 BĐ 60) đến cầu khi	
5.1	Từ ngã ba bưu điện (thửa 157 BĐ 60) đến hết thửa 99, BĐ 60	140
5.2	Từ giáp thửa 99, BĐ 60 đi cầu khi đến ngã ba cạnh thửa 133, BĐ 53	100
5.3	Từ đường ĐT 729 - cạnh thửa 181, BĐ 60 đi qua thửa 189, BĐ 60 đến ngã ba cạnh thửa 149, BĐ 60 (đoạn đường sau UBND xã)	180
6	Từ ngã ba Bản Cà (cạnh thửa 67, BĐ 67) đến ngã ba đi thôn Klong Bong, Cha Rang Hao (hết thửa 137, BĐ 69)	
6.1	Từ ngã ba Bản Cà (cạnh thửa 67, BĐ 67 đến hết thửa 12, BĐ 68	110

6.2	Từ giáp thửa 12, BĐ 68 đến hết thửa 50, BĐ 69	100
7	Từ ngã tư trung tâm xã đến ngã ba đi thôn Cha Rang Hao, Klong Bong	
7.1	Từ ngã tư trung tâm xã (cạnh thửa 275, BĐ 61) đến cầu Tà Nhiên (hết thửa 296, BĐ 61)	140
7.2	Từ cầu Tà Nhiên đến ngã ba đi lò gạch (hết thửa 50, BĐ 69)	110
7.3	Từ ngã ba đi lò gạch (giáp thửa 50, BĐ 69) đến ngã tư cạnh thửa 56, BĐ 78	100
7.4	Từ ngã tư cạnh thửa 56, BĐ 78 đến ngã ba trường Mẫu giáo Klong Bong (thửa 37, BĐ 87)	100
7.5	Từ giáp thửa 89, BĐ 87 (hội trường thôn K' Long Bong) đến hết thửa đất 283, BĐ 88 (cầu đập tràn Klong Bong)	100
7.6	Từ ngã ba đi thôn Cha Rang Hao, Klong Bong (cạnh thửa 117, BĐ 69) đến hết hội trường thôn Cha Rang Hao (hết thửa 41, BĐ 80)	110
7.7	Từ giáp hội trường thôn Cha Rang Hao (giáp thửa 41, BĐ 80) đến thửa 310, BĐ 80	100
8	Từ giáp thửa 224, BĐ 61 đến hết Hội trường thôn Chiếu Krom (thửa 322, BĐ 63)	
8.1	Từ giáp thửa 224, BĐ 61 đến hết thửa 847, BĐ 62	140
8.2	Từ giáp thửa 847, BĐ 62 đến hết Hội trường thôn Chiếu Krom (thửa 322, BĐ 63)	100
9	Từ ngã ba Cầu Vống (giáp xã Đa Quyn) đến hết thôn Tà Sơn	
9.1	Từ ngã ba Cầu Vống (giáp xã Đa Quyn) đến ngã tư hết thửa 303, BĐ 46	110
9.2	Từ ngã tư giáp thửa 303, BĐ 46 đến ngã ba Tà Sơn (đi thôn Đà Rgiềng - hết thửa 92, BĐ 45)	130
9.3	Từ ngã ba Tà Sơn (đi thôn Đà R' Giềng- giáp thửa 92, BĐ 45) đến hết thôn Tà Sơn (hết thửa 138, BĐ 40)	100
10	Từ ngã ba thôn Tà Sơn đến giáp thôn Đà Rgiềng (xã Đà Loan)	
10.1	Từ ngã ba Tà Sơn (đi thôn Đà R' Giềng- cạnh thửa 92, BĐ 45) đến hết thửa 05, BĐ 53	100
10.2	Từ giáp thửa 203, BĐ 53 đến hết thửa 125, BĐ 58	130
10.3	Từ giáp thửa 125, BĐ 58 đến hết thửa 275, BĐ 58 (giáp xã Đà Loan)	160

10.4	Từ giáp thửa 196, BĐ 58 đến hết thửa 178, BĐ 58 (giáp xã Đà Loan)	150
10.5	Từ hết thôn Tà Sơn (giáp thửa 138, BĐ 40) đến hết thôn Bờ Lách (hết thửa 155, BĐ 27)	100
	Khu vực III	
	Các đoạn đường còn lại	80
XIV	XÃ ĐA QUYN	
	Khu vực I	
1	Đường ĐT 729	
1.1	Từ đường ĐT 729 - cạnh thửa 46, BĐ 108 (giáp Tà Năng) đến hết thửa 26, BĐ 108	160
1.2	Từ ngã ba cạnh thửa 46, BĐ 108 - Cầu Vồng đến hết thửa 89, BĐ 109 (Hội trường thôn Chợ Réh)	220
1.3	Từ đường ĐT 729 - cạnh thửa 248, BĐ 109 đến hết thửa 504, BĐ 97	150
1.4	Từ giáp thửa 89, BĐ 109 (Hội trường thôn Chợ Réh) đến ngã ba cạnh thửa 103, BĐ 98	280
1.5	Từ ngã ba cạnh thửa 27, BĐ 109 đến hết thửa 523, BĐ 97	130
2	Đường ĐH 6	
2.1	Từ ngã ba cạnh nhà ông Hà Thế (thửa 103, BĐ 98) đến cầu suối trong (hết thửa 114, BĐ 98)	250
2.2	Từ cầu Suối Trong (giáp thửa 114, BĐ 98) đến ngã ba hết thửa 132, BĐ 122 (đường xuống cầu K61)	190
2.3	Từ ngã ba giáp thửa 132, BĐ 122 (đường xuống cầu K61) đến hết thửa 167, BĐ 123	190
2.4	Từ giáp thửa (167, BĐ 123) đến ngã ba hết thửa 57, BĐ 126 (hướng xuống cầu K64)	150
2.5	Từ ngã ba hết thửa 57, BĐ 126 đến ngã ba hết thửa 26, BĐ 127	150
2.6	Từ ngã ba giáp thửa 26, BĐ 127 đến ngã ba hết thửa 670, BĐ 115 và hết thửa 366, BĐ 115	190
2.7	Từ ngã ba giáp thửa 436, BĐ 115 (nhà sinh hoạt công đồng thôn Ma Bó) đến hết thửa 52, BĐ 116	180
	Khu vực II	
1	Từ ngã ba cạnh thửa 606, BĐ 97 đi thửa 468, BĐ 97 (hội trường thôn Tân Hạ) đến ngã ba thửa 593, BĐ 97	130

2	Từ ngã ba giáp thửa 468, BĐ 97 (Hội trường thôn Tân Hạ) đến hết thửa 114, BĐ 97	100
3	Từ ngã ba giáp thửa 177, BĐ 97 đến hết thửa 174, BĐ 97	100
4	Từ ngã ba thửa 594, BĐ 97 đến ngã tư cạnh thửa 36, BĐ 109	190
5	Từ ngã ba cạnh thửa 17, BĐ 109 đến ngã tư cạnh thửa 74, BĐ 109	190
6	Từ thửa 106, BĐ 109 đến hết thửa 4, BĐ 110	150
7	Từ ngã tư thửa 74 đến ngã ba thửa 132, BĐ 109; từ ngã tư thửa 37 đến ngã ba thửa 77, BĐ 109	150
8	Từ thửa 148, BĐ 109 đến hết thửa 95, BĐ 109	110
9	Từ ngã ba Chợ Ré cạnh thửa 103, BĐ 98 đến hết trường Tiểu học Chợ Ré (thửa 23, BĐ 98)	160
10	Từ giáp trường Tiểu học Chợ Réh (thửa 23, BĐ 98) đến hết thửa 48, BĐ 75	150
11	Từ giáp thửa 48, BĐ 75 đến công hết thửa 119, BĐ 54 và hết thửa 120, BĐ 54	120
12	Từ công giáp thửa 119, BĐ 54 và giáp thửa 120, BĐ 54 đến cầu cây xoài (cạnh thửa 174, BĐ 45)	110
13	Từ cầu cây xoài (cạnh thửa 174, BĐ 45) đến cầu cạnh thửa 41, BĐ 22	110
14	Từ ngã ba cạnh thửa đất 20, BĐ 87 đến hết thửa 38, BĐ 90	110
15	Từ Cầu K62 - cạnh thửa 70, BĐ 123 đến ngã ba cạnh thửa 08, BĐ 135 và hết thửa 158, BĐ 123	120
16	Từ ngã ba giáp thửa 08, BĐ 135 và giáp thửa 150, BĐ 123 đến hết thửa 37, BĐ 163 và hết thửa 63, BĐ 163	90
17	Từ giáp thửa 37, BĐ 163 và giáp thửa 63, BĐ 163 đến ngã ba cạnh thửa 04, BĐ 139	120
18	Từ ngã ba cạnh thửa 26, BĐ 127 đến ngã ba cạnh thửa 04, BĐ 139	140
19	Từ ngã ba cạnh thửa 08, BĐ 135 đến hết thửa 259, BĐ 122	110
20	Từ ngã ba cạnh thửa 73, BĐ 123 đến giáp thửa 76, BĐ 124	80
21	Từ ngã ba cạnh thửa 44, BĐ 126 đến hết thửa đất số 78, BĐ 126	100

22	Từ ngã ba cạnh thửa 132, BĐ 122 (ngã ba đường xuống cầu K61) đến hết thửa 15, BĐ 34 (giáp xã Tà Năng)	110
23	Từ ngã ba cạnh thửa 114, BĐ 127 đến hết thửa 03, BĐ 138	80
24	Từ ngã ba cạnh thửa 64, BĐ 127 đến hết thửa 43, BĐ 126	100
25	Từ ngã ba cạnh thửa 02, BĐ 127 đến giáp thửa 127, BĐ 128 (trạm Công an huyện)	140
26	Từ ngã ba cạnh thửa 11, BĐ 128 đến hết thửa 46, BĐ 127; đến hết thửa 87, BĐ 128;	110
27	Từ thửa 127, BĐ 128 (trạm Công an huyện) đến hết Xi nghiệp Vàng	90
28	Từ giáp thửa 52, BĐ 116 đến hết thửa 479, BĐ 105	90
	Khu vực III:	
	Các đoạn đường còn lại	80

III. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Giá đất quy định của bảng giá là mức giá chuẩn của Vị trí 1 (có mặt tiếp giáp với đường phố hoặc đường giao thông có tên trong danh mục của bảng giá). Giá đất của từng thửa đất (lô đất) cụ thể được xác định trên cơ sở mức giá chuẩn nhân (X) với các tỷ lệ và hệ số điều chỉnh theo quy định.

Số TT	Tên đơn vị hành chính, khu vực, đường, đoạn đường	Giá đất (1000đ/m ²)
1	Quốc lộ 20	
1.1	Từ giáp xã Phú Hội đến đường hẻm 1110 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 137, BĐ 100)	1.810
1.2	Từ đường hẻm 1110 (cạnh thửa 137, BĐ 100) đến công viên hóa cụm 1 và đường hẻm 1155 Quốc lộ 20 (thửa 271 và 230 gốc; BĐ 101)	1.990
1.3	Từ công viên hóa cụm 1 và đường hẻm 1155 Quốc lộ 20 đến hết nhà số 1024 (thửa 639, BĐ 83) và hết cây xăng Liên Nghĩa	2.280
1.4	Từ giáp nhà số 1024 (thửa 639, BĐ 83) và giáp cây xăng Liên Nghĩa đến đường hẻm 966 Quốc lộ 20 và đường hẻm cạnh thửa 245, BĐ 83	2.420
1.5	Từ đường hẻm 966 Quốc lộ 20 - cạnh thửa 715, BĐ 83 và đường hẻm cạnh thửa 245, BĐ 83 đến giáp đất nhà số 910 (thửa 359, BĐ 87) và đường hẻm 1025 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 218, BĐ 86)	2.640
1.6	Từ đất nhà số 910 (thửa 359, BĐ 87) và đường hẻm 1025 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 218, BĐ 86) đến đường hẻm 902 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 157, BĐ 87) và hết nhà số 1011 (nhà bà Thảo - thửa 202, BĐ 87)	2.820
1.7	Từ đường hẻm 902 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 157, BĐ 87) và giáp nhà số 1011 (thửa 202, BĐ 87) đến đường Hồ Xuân Hương và hẻm 983 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 139, BĐ 87)	3.170
1.8	Từ đường Hồ Xuân Hương và đường hẻm 983 Quốc lộ 20 đến giáp thửa 12, BĐ 87 và đường Lý Thái Tổ	3.520
1.9	Từ thửa 12, BĐ 87 và đường Lý Thái Tổ đường hẻm 915 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 293, BĐ 69) và đường hẻm đối diện	3.650
1.10	Từ đường hẻm 915 (cạnh thửa 293, BĐ 69) Quốc lộ 20 và đường hẻm đối diện đến đường hẻm 895 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 116, BĐ 69)	3.900

1.11	Từ đường hẻm 895 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 116, BĐ 69) đến hết Trường Tiểu học Nam Sơn (thửa 81, BĐ 69) và hết thửa 51, BĐ 50	4.090
1.12	Từ giáp Trường Tiểu học Nam Sơn (thửa 81, BĐ 69) và giáp thửa 51, BĐ 50 đến đường hẻm 831 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 23, BĐ 69) và hẻm đối diện	4.390
1.13	Từ đường hẻm 831 Quốc lộ 20 và hẻm đối diện đến đường hẻm 819A Quốc lộ 20 (cạnh thửa 10, BĐ 69 - Rửa xe Đức Trọng) và hết thửa 326, BĐ 48	4.520
1.14	Từ đường hẻm 819A Quốc lộ 20 (cạnh thửa 10, BĐ 69 - Rửa xe Đức Trọng) và đất Hiệu vỏ xe Đình Dương (từ thửa 326, BĐ 48) 326 đến đường hẻm cạnh Cty Giao thông - Xây dựng - Thủy lợi Lâm Đồng và hết thửa 263, BĐ 48	4.610
1.15	Từ đường hẻm cạnh Cty Giao thông - Xây dựng - Thủy lợi Lâm Đồng đến đường Tuệ Tĩnh và hết thửa 203, BĐ 48	4.970
1.16	Từ đường Tuệ Tĩnh và hết thửa 203, BĐ 48 đến ngã tư Phan Đình Phùng - Trần Nguyên Hãn	5.220
1.17	Từ ngã tư Phan Đình Phùng - Trần Nguyên Hãn đến giáp bến xe Đức Trọng và hết thửa 48, BĐ 49	5.810
1.18	Từ bến xe Đức Trọng và giáp thửa 48, BĐ 49 đến đường Hà Huy Tập và hết bến xe Đức Trọng (thửa 108, BĐ 71)	5.790
1.19	Từ đường Hà Huy Tập và giáp bến xe Đức Trọng (thửa 108, BĐ 71) đến đường hẻm 564 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 373, BĐ 43)	7.450
1.20	Từ đường hẻm 564 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 373, BĐ 43) đến đường Đinh Tiên Hoàng	7.670
1.21	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh và hết thửa 496, BĐ 57	7.830
1.22	Từ đường Nguyễn Văn Linh và giáp thửa 496, BĐ 57 đến đường Trần Phú và hết Cty Viễn thông (thửa 305, BĐ 57)	7.980
1.23	Từ đường Trần Phú và giáp Cty Viễn thông (thửa 305, BĐ 57) đến đường Tô Vĩnh Diện và đường Ngô Gia Tự	8.140
1.24	Từ đường Tô Vĩnh Diện và đường Ngô Gia Tự đến đường Trần Nhân Tông	7.980
1.25	Từ đường Trần Nhân Tông đến hết trụ sở UBND huyện (thửa 09, BĐ 40)	7.820

1.26	Từ giáp trụ sở UBND huyện và đường Nguyễn Thiện Thuật đến đường Lê Hồng Phong và hết thửa 273, BĐ 28	7.760
1.27	Từ đường Lê Hồng Phong và giáp thửa 273, BĐ 28 đến hết Trạm Xăng dầu số 2 (thửa 228, BĐ 28)	7.610
1.28	Từ giáp Trạm Xăng dầu số 2 (thửa 228, BĐ 28) đến đường Chu Văn An và hết thửa 517, BĐ 28	7.460
1.29	Từ đường Chu Văn An và thửa 517, BĐ 28 đến đường Nguyễn Tri Phương và hết thửa 871, BĐ 26 (thửa 385 gốc, tờ 26))	7.310
1.30	Từ đường Nguyễn Tri Phương và giáp nhà số 308 đến đường hẻm 282 Quốc lộ 20 và hết thửa 594, BĐ 26 (thửa 240 gốc)	7.150
1.31	Từ đường hẻm 282 Quốc lộ 20 và giáp thửa 594, BĐ 26 đến đường Nguyễn Thị Minh Khai và hết thửa 76, BĐ 30	6.950
1.32	Từ đường Nguyễn Thị Minh Khai và giáp thửa 76, BĐ 30 đến hẻm cạnh thửa 63, BĐ 30 và hết thửa 21, BĐ 30	6.740
1.33	Từ đường hẻm cạnh thửa 63, BĐ 30 và giáp thửa 21, BĐ 30 đến đường Cao Bá Quát và đường vào sân bay	6.540
1.34	Từ đường Cao Bá Quát và đường vào sân bay đến hết Tỉnh xá Phi Lai và hết Công an huyện	6.340
1.35	Từ giáp Tỉnh xá Phi Lai và giáp Công an huyện đến hết thửa 47, BĐ 15 và hết đất Cty Điện lực	6.150
1.36	Từ giáp thửa 47, BĐ 15 và giáp Cty Điện lực đến hết trường Tiểu học Lý Tự Trọng và hết thửa 10, BĐ 15	5.920
1.37	Từ giáp trường Tiểu học Lý Tự Trọng và giáp thửa 10, BĐ 15 đến hết thửa 177 và 227, BĐ 13	6.000
1.38	Từ giáp thửa 177 và 227, BĐ 13 đến đường Trần Khắc Chung và hết đất thửa 102, BĐ 17	5.510
1.39	Từ đường Trần Khắc Chung và giáp thửa 102, BĐ 17 đến đường Nguyễn Trường Tộ và giáp thửa 41, BĐ 18	4.970
1.40	Từ đường Nguyễn Trường Tộ và thửa 41, BĐ 18 đến đường Lê Thị Pha và hết thửa 476, BĐ 07	4.600
1.41	Từ đường Lê Thị Pha và giáp thửa 476, BĐ 07 đến đường hẻm 26 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 335, BĐ 07) và hết thửa 412, BĐ 07	4.090
1.42	Từ đường hẻm 26 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 335, BĐ 07) và giáp thửa 412, BĐ 07 đến giáp xã Hiệp Thạnh	3.860

2	Đường hẻm 1185 Quốc lộ 20 (ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Phú Hội)	
2.1	Từ ngã ba cạnh thửa 525, BĐ 101 (cạnh xưởng cưa) đến hết thửa 558, BĐ 101	490
2.2	Từ giáp thửa 558, BĐ 101 đến ngã ba cạnh thửa 904, BĐ 101	480
3	Đường hẻm 1122 Quốc lộ 20 (ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Tân Phú)	
3.1	Từ ngã ba cạnh thửa 241, BĐ 100 đến ngã ba giáp thửa 163, BĐ 100	490
3.2	Từ ngã ba cạnh thửa 163, BĐ 100 đến ngã tư cạnh thửa 19, BĐ 98; đến ngã ba cạnh thửa 53, BĐ 100	300
4	Đường hẻm 1110 Quốc lộ 20 (cạnh nhà Mai Linh Thi)	
4.1	Từ ngã ba cạnh thửa 137, BĐ 100 đến ngã tư cạnh thửa 94, BĐ 100	490
4.2	Từ ngã tư cạnh thửa 94, BĐ 100 đến ngã ba cạnh thửa 140, BĐ 100; đến hết thửa 64, BĐ 100	300
5	Đường hẻm 1064 Quốc lộ 20 (cổng Văn hóa Cụm 1)	
5.1	Từ ngã ba cạnh thửa 908, BĐ 101 đến ngã tư cạnh thửa 38, BĐ 100 (nhà số 1064/10)	510
5.2	Từ ngã tư cạnh thửa 38, BĐ 100 đi theo hướng thửa 339, BĐ 100 đến hết đường; đến hết thửa 110 và hết thửa 966, BĐ 101	430
5.3	Từ giáp thửa 110 và giáp thửa 966, BĐ 101 đến hết thửa 513 và 677, BĐ 83	410
5.4	Từ ngã ba cạnh thửa 494, BĐ 83 đến hết thửa 862, BĐ 83	380
5.5	Từ ngã ba cạnh thửa 614, BĐ 83 đến giáp thửa 758, BĐ 83	380
5.6	Từ ngã ba cạnh thửa 22, BĐ 100 đến ngã ba cạnh thửa 357, BĐ 82	410
5.7	Từ ngã tư cạnh thửa 38, BĐ 100 (nhà số 1064/10) đến mương nước cạnh thửa 89 và thửa 238, BĐ 100	430
5.8	Từ ngã ba cạnh thửa 243, BĐ 100 đến mương nước cạnh thửa 248, BĐ 82	430
5.9	Từ ngã ba cạnh thửa 58, BĐ 100 theo hướng đi thửa 182, BĐ 100 đến hết đường	410

5.10	Từ ngã ba cạnh thửa 70, BĐ 100 đến hết thửa 41, BĐ 100 (nhà ông Sứ)	410
6	Đường hẻm 1155 Quốc lộ 20 (đối diện hẻm 1064)	
6.1	Từ ngã ba cạnh thửa 299, BĐ 101 đến ngã ba cạnh thửa 394, BĐ 101	510
6.2	Từ ngã ba cạnh thửa 394, BĐ 101 đến ngã ba cạnh thửa 626, BĐ 101	500
6.3	Từ ngã ba cạnh thửa 626, BĐ 101 đến ngã ba đường nhựa thôn Phú Trung, xã Phú Hội	490
7	Đường hẻm cạnh cây xăng Liên Nghĩa	
7.1	Từ ngã ba cạnh thửa 19, BĐ 101 đến thửa hết thửa 938, BĐ 101 và đến giáp thửa 939, BĐ 101	500
7.2	Từ ngã ba cạnh thửa 998, BĐ 101 đến ngã ba (giáp thửa 394, BĐ 101)	480
7.3	Từ ngã ba cạnh thửa 876, BĐ 101 đến hết thửa 191, BĐ 101	410
7.4	Từ ngã ba cạnh thửa 186, BĐ 101 đến hết thửa 854, BĐ 101 và đến hết thửa 264, BĐ 101	430
8	Đường hẻm cạnh thửa 1146, BĐ 83 đến hết thửa 538, BĐ 83 và giáp thửa 554, BĐ 83	500
9	Đường hẻm cạnh thửa 405, BĐ 83 (cà phê Việt Đức) đến ngã ba cạnh thửa 344, BĐ 83	500
10	Đường hẻm 966 Quốc lộ 20 (gần trụ sở Tổ dân phố 50)	
10.1	Từ ngã ba cạnh thửa 715, BĐ 83 đến đường hẻm cạnh thửa 393, BĐ 83	510
10.2	Từ ngã ba cạnh thửa 393, BĐ 83 đến hết thửa 1142, BĐ 83 và đến giáp thửa 423, BĐ 83	440
10.3	Từ ngã ba cạnh thửa 717, BĐ 83 đi ngã ba cạnh thửa 164, BĐ 83 đến hết thửa 130, BĐ 83 và đến hết thửa 689, BĐ 83	480
10.4	Từ đường hẻm cạnh thửa 393, BĐ 83 đến ngã ba cạnh thửa 233, BĐ 83	490
10.5	Từ ngã ba cạnh thửa 233, BĐ 83 đến mương nước cạnh thửa 248, BĐ 82	480
10.6	Từ ngã ba cạnh thửa 393, BĐ 82 đến hết thửa 235, BĐ 82	380
10.7	Từ giáp thửa 689, BĐ 83 đến ngã ba cạnh thửa 233, BĐ 83	480

10.8	Từ ngã ba cạnh thửa 177, BĐ 83 đến giáp thửa 731, BĐ 83	480
10.9	Từ ngã ba cạnh thửa 182, BĐ 83 đến ngã ba cạnh Tịnh xá Viên Quang (thửa 148, BĐ 83)	510
10.10	Từ ngã ba cạnh Tịnh xá Viên Quang (thửa 148, BĐ 83) đến ngã ba giáp thửa 132, BĐ 83	500
10.11	Từ ngã ba cạnh thửa 132, BĐ 83 đến ngã ba miếu Thổ công (cạnh thửa 849, BĐ 83)	490
11	Đường hẻm cạnh thửa 250, BĐ 83 (đối diện đường hẻm 966) đến hết đường	490
12	Đường hẻm cạnh thửa 244, BĐ 83 đến hết đường	490
13	Đường hẻm cạnh thửa 908, BĐ 83 (đối diện gara Phú Thọ) đến mương nước cạnh thửa 215, BĐ 83	490
14	Đường hẻm 902 Quốc lộ 20 (gần đại lý Dũng - cạnh thửa 316, BĐ 87) đến ngã ba Tịnh xá Viên Quang (thửa 148, BĐ 83)	510
15	Đường hẻm 1025 Quốc lộ 20	
15.1	Từ ngã ba cạnh thửa 775, BĐ 86 đến ngã ba cạnh thửa 365, BĐ 86	500
15.2	Từ ngã ba cạnh thửa 365, BĐ 86 đến ngã ba cạnh thửa 256, BĐ 87	480
15.3	Từ ngã ba cạnh thửa 256, BĐ 87 đi qua thửa 216, BĐ 86 đến ngã ba cạnh thửa 302, BĐ 86 và đến hết thửa 438, BĐ 86	440
15.4	Từ ngã ba cạnh thửa 330, BĐ 86 đến ngã ba cạnh thửa 361, BĐ 86 và đến giáp thửa 445, BĐ 86	480
16	Đường hẻm 983 Quốc lộ 20	
16.1	Từ ngã ba cạnh thửa 139, BĐ 87 đi thửa 213 đến hết thửa 233, BĐ 87 và đến hết thửa 383	500
16.2	Từ giáp thửa 383, BĐ 87 đến ngã tư cạnh thửa 132, BĐ 87	500
16.3	Từ ngã ba cạnh thửa 383, BĐ 87 đến giáp thửa 212, BĐ 87	500
17	Đường hẻm cạnh thửa 101, BĐ 87	310
18	Đường hẻm cạnh thửa 305, BĐ 87	500
19	Đường hẻm cạnh thửa 34, BĐ 87	380
20	Đường hẻm 915 Quốc lộ 20	
20.1	Từ ngã ba cạnh thửa 204, BĐ 69 đi ngã ba cạnh thửa 11, BĐ 88 đến giáp thửa 313, BĐ 69	500

20.2	Từ ngã ba cạnh thửa 11, BĐ 88 đến ngã ba cạnh thửa 427, BĐ 88	480
20.3	Từ ngã ba cạnh thửa 372, BĐ 88 đi thửa 12, BĐ 88 đến ngã ba cạnh thửa 19 và 445, BĐ 88; đến hết thửa 251, BĐ 69	410
21.	Đường hẻm cạnh thửa 140, BĐ 69	380
22	Đường hẻm 895 Quốc lộ 20 - cạnh thửa 116, BĐ 69	530
23	Đường hẻm 848 Quốc lộ 20 (nối đường Quốc lộ 20 và đường Lý Thái Tổ) - Từ ngã ba cạnh thửa 167, BĐ 51 đến ngã ba cạnh thửa 183, BĐ 51; đến giáp đường Lý Thái Tổ (ngã ba cạnh thửa 154, BĐ 51)	500
24	Đường hẻm 856 Quốc lộ 20 cạnh thửa 188, BĐ 51 đến đường Lý Thái Tổ (cạnh thửa 194, BĐ 51)	380
25	Đường hẻm 832 Quốc lộ 20	
25.1	Từ ngã ba cạnh thửa 239, BĐ 51 đi thửa 104, BĐ 51 đến hết thửa 246, BĐ 51	580
25.2	Từ ngã ba cạnh thửa 104, BĐ 51 đến ngã ba cạnh thửa 91, BĐ 51	380
26	Đường hẻm cạnh thửa 66, BĐ 69 đến hết thửa 78, BĐ 69	630
27	Đường hẻm 774 Quốc lộ 20	
27.1	Từ ngã ba cạnh thửa 12, BĐ 50 đi ngã ba cạnh thửa 421, BĐ 48 đến đến giáp đường Phạm Hùng (thửa 307, BĐ 48) và đến giáp thửa 64, BĐ 50; đi ngã ba cạnh thửa 309, BĐ 48 đến giáp thửa 646 BĐ 48; đến giáp thửa 394, BĐ 48 và đến hết thửa hết thửa 715 và giáp thửa 414, BĐ 48	510
27.2	Từ đường Phạm Hùng - cạnh thửa 291, BĐ 48 đến ngã ba đối diện thửa 182, BĐ 47	440
28	Đường hẻm 831 Quốc lộ 20	
28.1	Từ ngã ba cạnh thửa số 31, BĐ 69 đến hết thửa 77, BĐ 69 và hết thửa 157, BĐ 73	700
28.2	Từ giáp thửa 77, BĐ 69 và giáp thửa 157, BĐ 73 đến giáp đường Ngô Mây (hết thửa 377, 81, BĐ 69)	530
29	Đường hẻm 819A Quốc lộ 20	
29.1	Từ ngã ba cạnh thửa 06, BĐ 69 (Rửa xe Đức Trọng) đến giáp thửa 121, BĐ 73	630
29.2	Từ ngã ba cạnh thửa 30, BĐ 73 đến hết thửa 416, BĐ 73	500

29.3	Từ ngã ba cạnh thửa 76, BĐ 73 và thửa 10, BĐ 69 đến giáp thửa 106, BĐ 73	500
29.4	Từ ngã ba cạnh thửa 76 và 104, BĐ 73 đến hết thửa 106, BĐ 73	500
29.5	Từ ngã ba cạnh thửa 73, BĐ 73 đến hết thửa 431, BĐ 73	500
30	Đường hẻm 773 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 639, BĐ 71)	700
31	Đường hẻm cạnh thửa 124, BĐ 48 đến đường Phan Đăng Lưu (cạnh thửa 80, BĐ 48)	500
32	Đường hẻm 564 Quốc lộ 20 (trước cây xăng Vật Tư) đến đường Phan Đăng Lưu và đến hết thửa 535, BĐ 43	1.300
33	Đường hẻm 496 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 176, BĐ 43)	1.460
34	Đường hẻm cạnh UBND huyện và Ngân hàng Công thương (từ Quốc lộ 20 đến giáp đường Tú Xương)	1.440
35	Đường hẻm 595 Quốc lộ 20 - Từ ngã ba cạnh thửa 340, BĐ 28 đến giáp thửa 355, BĐ 28; đến đường Nguyễn Tuấn	960
36	Đường hẻm 501 Quốc lộ 20 (đường vào chùa Liên Hoa)	
36.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Tuấn (cạnh ngã ba tịnh thất Hương An)	960
36.2	Từ đường Nguyễn Tuấn (cạnh ngã ba tịnh thất Hương An) đến hết thửa 21, BĐ 32	860
37	Đường hẻm 459 Quốc lộ 20 - cạnh thửa 299, BĐ 26	590
38	Đường hẻm 282 Quốc lộ 20 - cạnh thửa 208, BĐ 26	440
39	Đường hẻm cạnh thửa 63, BĐ 30 đến mương cạnh thửa 985 và 990 BĐ 29	450
40	Đường hẻm cạnh tường rào sân bay (thửa 113, BĐ 14) đến đường Ngô Gia Khảm	1.080
41	Đường vào sân bay	3.800
41.1	Đường hẻm nối đường vào sân bay đến giáp Viện Kiểm sát (thửa 05, BĐ 14)	630
42	Đường hẻm cạnh Viện Kiểm sát (từ Quốc lộ 20 đến tường sân bay)	840
43	Đường hẻm 108 Quốc lộ 20 - cạnh thửa 95, BĐ 17	
43.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 95, BĐ 17 đến giáp mương nước (hết thửa 63, BĐ 17)	640
43.2	Từ mương nước (giáp thửa 63, BĐ 17) đến hết đường	360

44	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 82, BĐ 17 (Bưu điện Liên Khương) đến hết thửa 347, BĐ 17	640
45	Đường hẻm 102 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 95, BĐ 17) đến giáp mương (cạnh thửa 64, BĐ 17) và đến giáp thửa 86, BĐ 17	640
46	Đường hẻm 56 Quốc lộ 20 (cạnh thửa 534, BĐ 07) đến mương nước (cạnh thửa số 1032, BĐ 07)	410
47	Đường hẻm 26 Quốc lộ 20	
47.1	Từ ngã ba cạnh thửa 336, BĐ 07 đến hết thửa 671, BĐ 07 và hết thửa 835, BĐ 07	530
47.2	Từ giáp thửa 835, BĐ 07 đến hết đường	480
48	Đường hẻm 17 Quốc lộ 20- cạnh thửa 414 , BĐ 07	330
49	Quốc lộ 27	
49.1	Từ đường cao tốc đến giáp xã Liên Hiệp	1.810
49.2	Đường hẻm 62 Quốc lộ 27 (cạnh thửa 208, BĐ 06) đến hết thửa 84, BĐ 06	560
49.2.1	Từ góc thửa 60, BĐ 06 đến hết thửa 49, BĐ 05	440
49.2.2	Từ ngã ba cạnh thửa 134, BĐ 06 đến ngã ba hết thửa 181, BĐ 05	440
49.3	Đường hẻm 74 Quốc lộ 27 (cạnh thửa 293, BĐ 06) đến hết thửa 128, BĐ 06	560
49.4	Đường hẻm 96 Quốc lộ 27 (cạnh thửa 182, BĐ 05) đến hết thửa 49, BĐ 05	560
49.5	Đường hẻm 130 Quốc lộ 27 (cạnh thửa 142, BĐ 05) đến hết đường	550
49.6	Đường hẻm 132 Quốc lộ 27 (cạnh thửa 270, BĐ 05) đến hết đường	550
49.7	Đường hẻm cạnh thửa 265, BĐ 05 (giáp ranh Liên Hiệp) đến hết đường	440
50	Đường cao tốc	
50.1	Từ thửa 177, BĐ 13 và thửa 142, BĐ 13 theo đường cao tốc và Quốc lộ 27 cũ đến giáp Quốc lộ 27 và hết thửa 50, BĐ 13	5.510
50.2	Từ Quốc lộ 27 và giáp thửa 50, BĐ 13 đến giáp ranh xã Liên Hiệp	3.780
50.3	Đường hẻm số 30 - ngã ba cạnh thửa 72, BĐ 13 đến hết đường	380

50.4	Từ ngã ba cạnh thửa 997, BĐ 07 đến giáp ngã 5 nương thủy lợi	530
50.5	Từ ngã ba cạnh thửa 69, BĐ 07 đến giáp xã Liên Hiệp và ngã ba giữa hai thửa 69 và 53, BĐ 07 đến đường cao tốc	530
50.6	Từ ngã ba cạnh thửa 731, BĐ 07 dọc theo ranh giới xã Liên Hiệp - thị trấn Liên Nghĩa đến giáp ngã 5 nương thủy lợi	530
51	Đường Lê Thị Pha	
51.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết Trung tâm Y tế và hết thửa 1096, BĐ 07	940
51.2	Từ giáp Trung tâm Y tế và giáp thửa 1096, BĐ 07 đến nương nước cạnh thửa 281, BĐ 07 và hết thửa 850, BĐ 07	900
51.3	Từ nương nước cạnh thửa 281, BĐ 07 và giáp thửa 850, BĐ 07 đến đường Triệu Quang Phục và hết thửa 126, BĐ 07	850
51.4	Từ đường Triệu Quang Phục và giáp thửa 126, BĐ 07 đến hết thửa 13, BĐ 07	700
51.5	Từ giáp thửa 13, BĐ 07 đến đường gom dân sinh	660
51.6	Đường hẻm giáp đường Lê Thị Pha (cạnh thửa 319, BĐ 07) đến đường Nguyễn Trường Tộ	450
52	Đường Triệu Quang Phục	630
53	Đường Tố Hữu	610
54	Đường Tân Đà	
54.1	Từ đường cao tốc đến đường Tố Hữu	560
54.2	Từ đường Tố Hữu đến đường Nguyễn Trường Tộ	660
55	Đường Lý Nam Đế	
55.1	Từ đường cao tốc đến hết đất Trường Dân tộc nội trú (thửa 431, BĐ 07)	1.070
55.2	Từ giáp trường Dân tộc nội trú (thửa 431, BĐ 07) đến đường Tân Đà	840
55.3	Đường hẻm cạnh thửa 682, BĐ 07 đến đường cao tốc	550
56	Đường Lê Văn Tám	
56.1	Từ Quốc lộ 27 đến ngã ba (hết thửa 89 và hết thửa 107, BĐ 06)	1.100
56.2	Từ giáp thửa 89, BĐ 06 đến giáp ranh xã Liên Hiệp	1.070

56.3	Từ ngã ba (giáp thửa 107, BĐ 06) đến đường cao tốc	1.070
56.4	Đường hẻm cạnh nhà 49C (thửa số 02, BĐ 06) đến hết đường	590
56.5	Đường hẻm cạnh thửa 16, BĐ 06 đến hết đường	590
56.6	Đường hẻm cạnh nhà số 43 (thửa số 25, BĐ 06) đến hết đường	560
56.7	Đường hẻm cạnh thửa 17, BĐ 03 (cạnh trường Quân sự Địa phương) đến đường cao tốc	1.070
57	Đường Nguyễn Trường tộ	
57.1	Từ ngã ba cạnh thửa 529, BĐ 07 đến mương nước	610
57.2	Từ giáp mương nước đến đường Triệu Quang Phục và hết thửa 613, BĐ 7	600
57.3	Từ đường Triệu Quang Phục và giáp thửa 613, BĐ7 đến đường Tân Đà	590
57.4	Từ đường Tân Đà đến đường cao tốc	480
58	Đường Trần Khắc Chung	980
58.1	Đường hẻm 68/13 - cạnh thửa 500, BĐ 07 đến hết đường (hết thửa 358, BĐ 07)	910
59	Đường Phù Đổng Thiên Vương	1.140
60	Đường Cao Bá Quát	
60.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba hết thửa 236 và 57, BĐ 30	1.160
60.2	Từ giáp thửa 236 và 57, BĐ 30 đến ngã ba hết thửa 198, BĐ 29	720
60.3	Từ ngã ba giáp thửa 198, BĐ 29 đến hết thửa 187, BĐ 29	510
61	Đường Ngô Gia Khảm	
61.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba (hết thửa 39, BĐ 11) và hết thửa 13, BĐ 26	1.460
61.2	Từ ngã ba (giáp thửa 39, BĐ 11) và giáp thửa 13, BĐ 26 đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.400
61.3	Từ ngã ba cạnh thửa 39, BĐ 11 đi thửa 05, BĐ 11 đến tường sân bay	1.400
62	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
62.1	Từ đường Lê Hồng Phong đến đường Chu Văn An và giáp thửa 560, BĐ 26	1.880

62.2	Từ đường Chu Văn An và thửa 560, BĐ 26 đến đường Lê Quý Đôn và hết thửa 221, BĐ 26	1.870
62.3	Từ đường Lê Quý Đôn và giáp thửa 221, BĐ 26 đến ngã ba cạnh thửa 757, BĐ 26	1.850
62.4	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba và hết thửa 45, BĐ 11	1.880
62.5	Từ ngã ba và giáp thửa 45, BĐ 11 đến đường Ngô Gia Khảm	1.850
62.6	Đường hẻm nối đường Nguyễn Thị Minh Khai và đường Lê Quý Đôn	1.270
62.7	Đường hẻm cạnh thửa 91, BĐ 26	610
62.8	Đường hẻm cạnh thửa 715, BĐ 26	610
63	Đường Lê Quý Đôn	
63.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba (hết thửa 261, BĐ 26) và hết thửa 314, BĐ 26	1.840
63.2	Từ ngã ba (giáp thửa 261, BĐ 26) và giáp thửa 314, BĐ 26 đến đường Lương Thế Vinh	1.810
63.3	Đường hẻm của đường Lê Quý Đôn	550
64	Đường Chu Văn An	
64.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường hẻm 12 Chu Văn An và hết thửa 108, BĐ 28	1.840
64.2	Từ đường hẻm 12 Chu Văn An và giáp thửa 108, BĐ 28 đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.810
65	Đường hẻm 10 Chu Văn An	
65.1	Từ ngã ba cạnh thửa 35, BĐ 28 đến hết thửa 515, BĐ 26	720
65.2	Từ giáp thửa 515, BĐ 26 đến hết thửa 879 và giáp thửa 389, 434 BĐ 26	660
66	Đường hẻm cạnh thửa 108, BĐ 28 đến giáp trường mẫu giáo Hòa My (thửa 183, BĐ 28)	500
67	Đường hẻm 12 Chu Văn An	
67.1	Từ ngã ba cạnh thửa 32, BĐ 28 đến ngã ba hết thửa 879, BĐ 26	720
67.2	Từ ngã ba giáp thửa 879, BĐ 26 đến hết thửa 699 và 394, BĐ 26	660
68	Đường Nguyễn Tri Phương	
68.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba hết thửa 126, BĐ 30	1.360

68.2	Từ ngã ba giáp thửa 126, BĐ 30 đến ngã ba đi nghĩa trang (giáp thửa 923, BĐ 29) và hết thửa 311, BĐ 29	1.190
68.3	Từ giáp thửa 311, BĐ 29 đến hết thửa 954, BĐ 29	900
68.3.1	Từ giáp thửa 954, BĐ 29 đến hết thửa 1212; đi thửa 1206 đến giáp thửa 1211, BĐ 29	720
68.4	Đường hẻm cạnh thửa 428, BĐ 26 (Số 02) đến hết thửa 799, BĐ 26 - giáp đất xưởng cưa cũ	720
68.5	Đường hẻm cạnh thửa 847, BĐ 29 đến hết thửa 920, BĐ 29	500
68.6	Từ giáp thửa 920, BĐ 29 đến giáp thửa 865, BĐ 29	440
68.7	Đường vào nghĩa địa - Từ ngã ba cạnh thửa 923 đến hết thửa số 258 BĐ 29	560
68.8	Đường hẻm cạnh thửa 312, BĐ 29 đến giáp thửa 303	630
68.9	Từ giáp thửa số 258, BĐ 32 đến giáp xưởng cưa Tùng Lâm (thửa 04, BĐ 32)	500
69	Đường Nguyễn Bính	1.090
70	Đường Nguyễn Tuân	
70.1	Từ Quốc lộ 20 - cạnh thửa 320, BĐ 28 đến đường Nguyễn Bính (cạnh thửa 527, BĐ 28)	960
70.2	Từ đường Nguyễn Bính đến hết thửa 232, BĐ 28	890
70.3	Từ giáp thửa 232, BĐ 28 đến hết thửa 197, BĐ 28	880
70.4	Từ giáp thửa 197, BĐ 28 đến giáp thửa 45, BĐ 32	860
70.5	Đường hẻm từ ngã tư giáp đường Nguyễn Bính đến Chùa Tàu (giáp thửa 84, BĐ 32)	1.090
71	Đường Hoàng Quốc Việt	
71.1	Từ đường Nguyễn Tuân đến ngã ba giáp thửa 62, BĐ 32	880
71.2	Từ ngã ba cạnh thửa 62, BĐ 32 đến hết thửa 321, BĐ 32	840
72	Đường Nguyễn Thiện Thuật	
72.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết thửa 17, BĐ 59 và hết thửa 262, BĐ 32	1.700
72.2	Từ giáp thửa 17, BĐ 59 và giáp thửa 262, BĐ 32 đến ngã ba giáp thửa 30, BĐ 59 (đường hẻm nội Tô Hiến Thành)	1.520
72.3	Từ ngã ba giáp thửa 30, BĐ 59 (đường hẻm nội Tô Hiến Thành) đến giáp thửa 183, BĐ 32	1.340
72.4	Đường hẻm cạnh thửa 306, BĐ 32 đến hết thửa 145, BĐ 32	1.220

72.5	Đường hẻm đi từ thửa 249, BĐ 32 đi thửa 132, BĐ 32 đến giáp thửa 87, BĐ 32 và đến hết thửa 108, BĐ 32	500
72.6	Đường hẻm nối đường Tô Hiến Thành (cạnh thửa 30, BĐ 59)	840
72.7	Đường hẻm cạnh thửa 143, BĐ 32 đến hết đường	630
72.8	Đường hẻm cạnh thửa 141, BĐ 32 đến hết đường	630
73	Đường Tô Hiến Thành	
73.1	Từ đường Thống Nhất đến đường hẻm hết thửa 118, BĐ 59 và hết thửa 61, BĐ 59	1.690
73.2	Từ đường hẻm giáp thửa 118, BĐ 59 và giáp thửa 61, BĐ 59 đến đường hẻm nối đường Nguyễn Thiện Thuật	1.600
73.3	Từ đường hẻm nối Nguyễn Thiện Thuật đến giáp thửa 1022, BĐ 59	1.280
73.4	Đường hẻm cạnh thửa 191, BĐ 55	720
73.5	Đường hẻm cạnh thửa 143, BĐ 59; đường hẻm cạnh thửa 119, BĐ 59	630
73.6	Đường hẻm cạnh thửa 889, BĐ 59 đến hết đường	500
74	Đường Phan Chu Trinh	
74.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết thửa 296, BĐ 59	1.720
74.2	Từ giáp thửa 296, BĐ 59 đến ngã ba cạnh thửa 172, BĐ 59 và hết thửa 213, BĐ 59	1.600
74.3	Từ ngã ba cạnh thửa 172, BĐ 59 và giáp thửa 213, BĐ 59 đến hết thửa 985, BĐ 59	1.280
74.4	Đường hẻm cạnh thửa 301, BĐ 55 đến hết đường	630
74.5	Đường hẻm cạnh nhà số 10C Phan Chu Trinh đi đường Nguyễn Thái Học - Từ ngã ba cạnh thửa 658, BĐ 59 đến ngã ba cạnh thửa 692, BĐ 59	660
74.6	Đường hẻm cạnh thửa 172, BĐ 59 đến hết đường (giáp thửa 136, BĐ 59)	630
74.7	Đường hẻm cạnh thửa 250, BĐ 59 đến hết đường (hết thửa 798, BĐ 59)	560
74.8	Đường hẻm cạnh nhà số 42 Phan Chu Trinh (thửa 226, BĐ 59) đến ngã ba cạnh miếu (thửa 270, BĐ 59)	720
74.9	Đường hẻm cạnh thửa 1124, BĐ 55 đến hết thửa 1061, BĐ 55	720
74.10	Đường hẻm cạnh thửa 996, BĐ 59	720

74.11	Đường hẻm cạnh thửa 998, BĐ 59	720
75	Đường Nguyễn Thái Học	
75.1	Từ đường Thống Nhất đến đường hẻm hết thửa 823, BĐ 59 và hết thửa 814, BĐ 59	1.880
75.2	Từ đường hẻm giáp thửa 823, BĐ 59 và giáp thửa 814, BĐ 59 đến hết thửa 341, BĐ 59 và hết thửa 1005, BĐ 59	1.690
75.3	Từ giáp thửa 341, BĐ 59 và giáp thửa 1005, BĐ 59 đến đập tràn và đến cầu	1.440
75.4	Đường hẻm cạnh nhà 57 Nguyễn Thái Học (thửa 340, BĐ 59) đi ngã ba cạnh miếu (thửa 270, BĐ 59) và đến đường Nguyễn Thái Học (cạnh thửa 766, BĐ 59)	670
75.5	Đường hẻm cạnh thửa 378, BĐ 59	500
76	Đường Phan Bội Châu	
76.1	Từ đường Thống Nhất đến giáp thửa 626, BĐ 59 và hết thửa 553, BĐ 59	1.720
76.2	Từ thửa 626, BĐ 59 và giáp thửa 553, BĐ 59 đến hết thửa 1041, BĐ 59 và hết thửa 478, BĐ 59	1.524
76.3	Đoạn còn lại của đường Phan Bội Châu	1.280
77	Đường Hàm Nghi	
77.1	Từ đường Thống nhất đến hết trường THCS Trần Phú và hết thửa 1292, BĐ 60	1.720
77.2	Từ giáp trường THCS Trần Phú và giáp thửa 1292, BĐ 60 đến hết thửa 07, BĐ 60 và hết thửa 50, BĐ 60	1.580
77.3	Từ giáp thửa 07, BĐ 60 và giáp thửa 50, BĐ 60 đến giáp thửa 636, BĐ 59	1.340
77.4	Từ thửa 636, BĐ 59 đến hết thửa 1087, BĐ 59	660
77.5	Đường hẻm cạnh nhà số 8 Hàm Nghi (thửa 91, BĐ 60) đến đường Bùi Thị Xuân	660
77.6	Đường hẻm cạnh thửa 123, BĐ 60 đến giáp thửa 48, BĐ 60	600
77.7	Đường hẻm cạnh thửa 145, BĐ 60 đến giáp thửa 147, BĐ 60	600
78	Đường Bùi Thị Xuân	
78.1	Từ đường Thống nhất đến ngã ba cạnh thửa 1403, BĐ 60 và hết thửa 257, BĐ 60	1.760
78.2	Từ ngã ba giáp thửa 1403, BĐ 60 và giáp thửa 257, BĐ 60 đến hết thửa 149, BĐ 60 và hết thửa 1322, BĐ 60	1.580

78.3	Đoạn còn lại của đường Bùi Thị Xuân	1.340
78.4	Đường hẻm cạnh thửa 110, BĐ 60 đến đường Sư Vạn Hạnh	500
78.5	Đường hẻm cạnh thửa 164, BĐ 60 đến ngã ba cạnh thửa 101, BĐ 61	500
78.6	Đường hẻm cạnh thửa 1423, BĐ 60 đi thửa 24, BĐ 61 đến hết thửa 587, BĐ 59	500
79	Đường Sư Vạn Hạnh	
79.1	Từ đường Thống Nhất đến hết thửa 349, BĐ 60 và hết thửa 512, BĐ 60	1.760
79.2	Từ giáp thửa 349, BĐ 60 và giáp thửa 512, BĐ 60 đến ngã ba cạnh thửa 402, BĐ 60 và hết thửa 301, BĐ 60	1.580
79.3	Đoạn còn lại của đường Sư Vạn Hạnh	1.340
79.4	Đường hẻm cạnh nhà số 44 Sư Vạn Hạnh (thửa 402, BĐ 60) đến đường Cù Chính Lan (thửa 634, BĐ 60)	630
79.5	Đường hẻm số 56 Sư Vạn Hạnh (thửa 398, BĐ 60) đến đường Cù Chính Lan (cạnh thửa 639, BĐ 60)	500
79.6	Đường hẻm số 74 Sư Vạn Hạnh (thửa 392, BĐ 60) đến đường Cù Chính Lan (cạnh thửa 643, BĐ 60)	500
79.7	Đường hẻm từ ngã ba cạnh thửa 391, BĐ 60 và thửa 44, BĐ 61 đến hết thửa 35, BĐ 61	480
80	Đường Cù Chính Lan	
80.1	Từ đường Thống Nhất đến hết thửa 623, BĐ 60 và hết thửa 772, BĐ 60	1.760
80.2	Từ giáp thửa 623, BĐ 60 và giáp thửa 772, BĐ 60 đến ngã ba hết thửa 634, BĐ 60 và hết thửa 747, BĐ 60	1.580
80.3	Đoạn còn lại của đường Cù Chính Lan	1.340
80.4	Đường Nguyễn Du	
80.5	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết thửa 1348, BĐ 60 và hết thửa 846, BĐ 60	1.760
80.6	Từ ngã ba giáp thửa 1348, BĐ 60 và giáp thửa 846, BĐ 60 đến ngã ba cạnh thửa 1172, BĐ 60 và hết thửa 829, BĐ 60	1.580
80.7	Từ ngã ba giáp thửa 1172, BĐ 60 và giáp thửa 829, BĐ 60 đến đường Cù Chính Lan	1.340
80.8	Đường hẻm 18 Nguyễn Du - Cạnh thửa 1348, BĐ 60 đến thửa hết 202, BĐ 75	1.080

81	Đường Lê Thánh Tông	
81.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết thửa 202, BĐ 75 và hết thửa 300, BĐ 75	1.520
81.2	Từ ngã ba giáp thửa 202, BĐ 75 và giáp thửa 300, BĐ 75 đến ngã tư hết thửa 233, BĐ 75	1.260
81.3	Từ ngã tư cạnh thửa 233, BĐ 75 đến đường Nguyễn Du	1.080
81.4	Đường hẻm từ ngã tư (cạnh thửa 233, BĐ 75) đến hết thửa 225; đến hết thửa 1423, BĐ 75	630
81.4.1	Từ ngã ba cạnh thửa 232, BĐ 75 đến giáp thửa 134, BĐ 75	300
81.5	Đường hẻm cạnh thửa 77, BĐ 75 đến hết đường	360
81.6	Đường hẻm cạnh thửa 18, BĐ 75 đến hết đường	700
81.7	Đường hẻm 72 Lê Thánh Tông - cạnh thửa 1353, BĐ 60 đến hết đường	400
82	Đường Kim Đồng	
82.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba cạnh thửa 633, BĐ 75 và hết thửa 603, BĐ 75	1.080
82.2	Từ ngã ba cạnh thửa 633, BĐ 75 và giáp thửa 603, BĐ 75 đến hết thửa 621, BĐ 75 và hết thửa 1378, BĐ 75	950
82.3	Từ giáp thửa 621 và giáp thửa 1378, BĐ 75 đến giáp thửa 705, 1439, BĐ 75	630
82.4	Đường hẻm cạnh thửa 546, BĐ 75 đến ngã ba cạnh thửa 458, BĐ 75	500
82.5	Đường hẻm cạnh thửa 633, BĐ 75	400
82.6	Đường hẻm cạnh thửa 1439, BĐ 75 đến hết thửa 538, 1247, BĐ 75	400
83	Đường Tô Hiệu	
83.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết thửa 1275, BĐ 75 và hết thửa 1495, BĐ 75	920
83.2	Từ ngã ba cạnh thửa 1275, BĐ 75 và giáp thửa 1495, BĐ 75 đến hết đường	860
83.3	Đường hẻm 04 Tô Hiệu (đi Võ Thị Sáu) - Ngã ba cạnh thửa 1275, BĐ 75 đến đường Võ Thị Sáu	620
83.4	Đường hẻm 42 Tô Hiệu (đi Võ Thị Sáu) - Ngã ba cạnh thửa 1058, BĐ 75 đến đường Võ Thị Sáu	620
83.5	Từ thửa 1062, BĐ 75 đến giáp thửa 1283, BĐ 75	630

84	Đường Võ Thị Sáu	
84.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư trường Mẫu giáo Vành Khuyên	920
84.2	Từ ngã tư trường Mẫu giáo Vành Khuyên đến ngã tư hết thửa 311, BĐ 76	820
84.3	Đoạn còn lại của đường Võ Thị Sáu	550
84.4	Đường hẻm 02 Võ Thị Sáu (nối Bé Văn Đàn) - Đường hẻm cạnh trường Mẫu giáo Vành Khuyên	610
84.5	Đường hẻm 34 Võ Thị Sáu (nối Bé Văn Đàn) - Ngã tư cạnh thửa 311, BĐ 76 đến đường Bé Văn Đàn	510
84.6	Đường hẻm cạnh thửa 336, BĐ 76 đến giáp thửa 14, BĐ 77	480
85	Đường Bé Văn Đàn	
85.1	Từ đường Nguyễn Trãi đến ngã tư hết trường dân lập Trung Sơn (thửa 597, BĐ 76)	760
85.2	Từ giáp trường dân lập Trung Sơn (thửa 597, BĐ 76) đến hết ngã ba hết thửa 450, BĐ 76 và hết thửa 628, BĐ 76	650
85.3	Đoạn còn lại của đường Bé Văn Đàn	510
86	Đường Ngô Quyền	
86.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư (trụ sở Tổ Dân phố 45 - thửa 770, BĐ 76)	920
86.2	Từ ngã tư (trụ sở Tổ Dân phố 45- thửa 770, BĐ 76) đến ngã ba cạnh trường mẫu giáo cũ (thửa 645, BĐ 76)	740
86.3	Từ ngã ba cạnh trường mẫu giáo cũ (thửa 645, BĐ 76) đến hết đường nhựa	630
86.4	Đường nối trụ sở Tổ Dân phố 45 đến đường Quang Trung	600
86.5	Từ ngã ba thửa 808, BĐ 76 đến đường Quang Trung (hết thửa 2188, BĐ 76)	400
86.6	Đường nối Bé Văn Đàn và đường Ngô Quyền (cạnh trường Trung Sơn)	600
86.7	Từ ngã ba cạnh thửa 82, BĐ 77 (giáp đường nhựa) đến hết thửa 48,102, BĐ 77	490
87	Đường Quang Trung	
87.1	Từ đường Thống Nhất đến hết thửa 986 và 1107, BĐ 76	880

87.2	Từ giáp thửa 986 và 1107, BĐ 76 đến ngã tư giáp thửa 1099, BĐ 76	680
87.3	Từ ngã tư giáp thửa 2053, BĐ 76 đến ngã tư thửa 1082, BĐ 76	560
87.4	Đoạn còn lại của đường Quang Trung	460
87.5	Đường hẻm cạnh thửa 1082, BĐ 76 đến đường Lê Lợi (cạnh thửa 1336, BĐ 76)	440
87.6	Đường hẻm cạnh thửa 1099, BĐ 76 đến hết thửa 1467, BĐ 76 (đường nối đường Quang Trung và đường Lê Lợi)	440
87.7	Đường hẻm cạnh thửa 1082, BĐ 76 đến hết thửa 1336, BĐ 76 (đường nối đường Quang Trung và đường Lê Lợi)	440
87.8	Đường hẻm cạnh thửa 1209, BĐ 76 đến hết thửa 167, BĐ 77	410
88	Đường Lê Lợi	
88.1	Từ đường Thống Nhất đến mương nước cạnh thửa 2048, BĐ 76 và giáp thửa 1354, BĐ 76	830
88.2	Từ mương nước cạnh thửa 2048, BĐ 76 và thửa 1354, BĐ 76 đến ngã tư cạnh thửa 1546, BĐ 76	640
88.3	Từ ngã tư cạnh thửa 1546, BĐ 76 đến ngã tư hết thửa 1336, BĐ 76	550
88.4	Đường hẻm cạnh thửa 1546, BĐ 76 đến hết thửa 1751, BĐ 76; đến đường Hà Giang (cạnh thửa 51, BĐ 95)	380
88.5	Đường hẻm cạnh thửa 1519, BĐ 76 đến ngã ba cạnh thửa 231, BĐ 77	380
88.6	Đường hẻm cạnh thửa 547, BĐ 74 đến giáp thửa 207, BĐ 77	380
88.7	Đường hẻm cạnh ngã tư (thửa 2244, BĐ 76) đến đường Hà Giang (cạnh thửa 47, BĐ 94)	380
89	Đường Hà giang	
89.1	Từ đường Thống Nhất đến mương nước cạnh thửa 118, BĐ 95	820
89.2	Từ mương nước cạnh thửa 118, BĐ 95 đến ngã tư hết thửa 123, BĐ 95	610
89.3	Đoạn còn lại của đường Hà Giang Từ ngã tư đến hết thửa 42 và giáp thửa 136	510

89.4	Đường hẻm cạnh thửa 1130, BĐ 95 đến giáp thửa 1128, 286, BĐ 95	440
89.5	Từ thửa 286, BĐ 95 đến giáp thửa 232, BĐ 95	380
89.6	Đường hẻm cạnh thửa 126, BĐ 95 đến ngã ba cạnh thửa 226, BĐ 95	440
89.7	Đường hẻm cạnh thửa 131; đường hẻm cạnh thửa 133, BĐ 95 đến giáp thửa 231, BĐ 95	380
90	Đường Bạch Đằng	
90.1	Từ đường Thống Nhất đến mương nước cạnh thửa 419, BĐ 95	780
90.2	Từ mương nước cạnh thửa 419, BĐ 95 đến ngã ba hết thửa 445, BĐ 95	600
90.3	Từ giáp thửa 445, BĐ 95 đến ngã ba hết thửa 517 và hết thửa 1043, BĐ 94	480
90.4	Từ ngã ba giáp thửa 517, BĐ 94 đến hết thửa 594 và giáp thửa 216, 217, BĐ 94	380
90.5	Đường hẻm cạnh thửa 1080, BĐ 95 đến đường Nguyễn Bá Ngọc (cạnh thửa 1016, BĐ 95)	440
90.6	Đường hẻm cạnh thửa 445, BĐ 95 đến hết thửa 1110, BĐ 95	440
90.7	Đường hẻm cạnh thửa 600, BĐ 95	440
90.8	Đường hẻm cạnh thửa 519, BĐ 94 đến hết thửa 659, BĐ 94	330
90.9	Đường hẻm cạnh thửa 1059 và 1086, BĐ 94 đến hết thửa 300, BĐ 94	400
91	Đường Nguyễn Bá Ngọc	
91.1	Từ đường Thống Nhất đến hết thửa 54, BĐ 96	760
91.2	Từ giáp thửa 54, BĐ 96 đến ngã ba Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	640
91.3	Từ ngã ba Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc rẽ phải đến ngã ba cạnh thửa 1016, BĐ 95	510
91.4	Từ ngã ba trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc rẽ trái đến hết thửa 188, BĐ 96	510
91.5	Từ ngã ba cạnh thửa 1016, BĐ 95 đến ngã ba cạnh thửa 615, BĐ 94	380
91.6	Đường hẻm cạnh thửa 182, BĐ 96 đến hết thửa 177, BĐ 96	440

91.7	Đường hẻm cạnh thửa 1093, BĐ 94	380
91.8	Đường hẻm cạnh thửa 913, BĐ 94 đến hết thửa 1190, BĐ 94	380
91.9	Đường hẻm cạnh thửa 871, BĐ 94 đến hết thửa 908, 928, BĐ 94	380
91.10	Đường hẻm cạnh thửa 123, BĐ 96 đến hết thửa 119, BĐ 96; đến ngã ba cạnh thửa 87, 104, BĐ 96	380
91.11	Đường hẻm cạnh thửa 830, BĐ 94	330
91.12	Đường hẻm cạnh thửa 1084; đường hẻm cạnh thửa 865, BĐ 95 đến giáp thửa 834, BĐ 95	400
92	Đường Nguyễn Trãi	
92.1	Từ giáp thửa 930, BĐ 95 đến đường Hà Giang	380
92.2	Từ đường Hà Giang đến đường Lê Lợi	450
92.3	Từ đường Lê Lợi đến đường Quang Trung	560
92.4	Từ đường Quang Trung đến đường Ngô Quyền	600
92.5	Từ đường Ngô Quyền đến đường Võ Thị Sáu	820
92.6	Từ đường Võ Thị Sáu đến đường Lê Thánh Tông	900
92.7	Từ đường Lê Thánh Tông đến đường Cù Chính Lan	1.140
92.8	Từ đường Cù Chính Lan đến đường Bùi Thị Xuân	1.210
92.9	Từ đường Hàm Nghi đến đường Phan Chu Trinh	1.040
92.10	Đường hẻm 151 (hẻm Chí Linh) - Từ thửa 449, BĐ 75 đến giáp thửa 372, BĐ 75	550
92.11	Đường hẻm cạnh thửa 442, BĐ 60 đến hết đường	490
93	Đường Nguyễn Đình Chiểu	
93.1	Từ Hoàng Văn Thụ đến đường Lý Thường Kiệt (Hàng Gianh)	780
93.2	Từ đường Lý Thường Kiệt (Hàng Gianh) đến CLB Văn hóa Thể thao	720
93.3	Từ giáp CLB Văn hóa Thể thao (thửa 1587, BĐ 76) đến hết thửa 408, BĐ 95	630
93.4	Đường hẻm cạnh thửa 975, BĐ 75 đến giáp thửa 993, BĐ 75	450
93.5	Đường hẻm cạnh thửa 377, BĐ 76 đến ngã ba cạnh thửa 1959, BĐ 76	440
93.6	Từ giáp thửa 408, BĐ 95 đến hết thửa 561, BĐ 95	380

93.7	Đường hẻm cạnh thửa 517, BĐ 75	450
93.8	Đường hẻm cạnh nhà thờ Tùng Nghĩa (thửa 263, BĐ 95) đến giáp thửa 183, BĐ 95	460
94	Đường Thống Nhất	
94.1	Từ giáp xã Phú Hội đến ngã ba giáp thửa 144, BĐ 93 và hết thửa 147, BĐ 93	1.320
94.2	Từ ngã ba cạnh thửa 144, BĐ 93 và giáp thửa 147, BĐ 93 đến đường Nguyễn Bá Ngọc và hết thửa 08, BĐ 93	1.390
94.3	Từ đường Nguyễn Bá Ngọc và giáp thửa 08, BĐ 93 đến đường hẻm cạnh thửa 791, BĐ 95 và hết thửa 753, BĐ 95	1.670
94.4	Từ đường hẻm cạnh thửa 791, BĐ 95 và giáp thửa 753, BĐ 95 đến đường vào nhà thờ Tùng Nghĩa và hết thửa 361, BĐ 95	1.790
94.5	Từ đường vào nhà thờ Tùng Nghĩa và giáp thửa 361, BĐ 95 đến hết thửa 282, BĐ 95 và ngã ba cạnh thửa 274, BĐ 95	1.990
94.6	Từ giáp thửa 282, BĐ 95 và ngã ba cạnh thửa 274, BĐ 95 đến đường Hà Giang và hết thửa 66, BĐ 95	2.200
94.7	Từ đường Hà Giang và giáp thửa 66, BĐ 95 đến ngã tư cạnh thửa 1676, BĐ 76	2.450
94.8	Từ ngã tư cạnh thửa 1676, BĐ 76 đến đường Lê Lợi	2.540
94.9	Từ đường Lê Lợi đến ngã tư cạnh thửa 1235, BĐ 76	2.840
94.10	Từ ngã tư cạnh thửa 1235, BĐ 76 đến đường Quang Trung	2.990
94.11	Từ đường Quang Trung đến hết thửa 883, BĐ 76 (nhà số 390) và hết thửa 893, BĐ 76	3.460
94.12	Từ giáp thửa 883, BĐ 76 (nhà số 390) và giáp thửa 893, BĐ 76 (nhà số 525) đến đường Ngô Quyền	3.490
94.13	Từ đường Ngô Quyền đến ngã ba cạnh thửa 398, BĐ 76 (cây đa) và hết thửa 407, BĐ 76	3.940
94.14	Từ ngã ba cạnh thửa 398, BĐ 76 (cây đa) và giáp thửa 407, BĐ 76 đến đường Võ Thị Sáu và hết trụ sở Tổ Dân phố 35 (thửa 2139, BĐ 76)	4.130
94.15	Từ đường Võ Thị Sáu và giáp trụ sở Tổ Dân phố 35 (thửa 2139, BĐ 76) đến hết thửa 32, BĐ 76 và hết thửa 36, BĐ 76	4.440
94.16	Từ giáp thửa 32, BĐ 76 và giáp thửa 36, BĐ 76 đến đường Tô Hiệu	4.670

94.17	Từ đường Tô Hiệu đến đường Kim Đồng	5.340
94.18	Từ đường Kim Đồng đến công vào trường Tiểu học Kim Đồng và hết thửa 524, BĐ 75	5.500
94.19	Từ công vào trường Tiểu học Kim Đồng và giáp thửa 524, BĐ 75 đến ngã tư Hoàng Văn Thụ - Lê Thánh Tông	5.560
94.20	Từ ngã tư Hoàng Văn Thụ - Lê Thánh Tông đến ngã ba vào nhà Văn hóa và hết thửa 108, BĐ 75	5.830
94.21	Từ ngã ba vào nhà Văn hóa và giáp thửa 108, BĐ 75 đến đường Nguyễn Du và hết thửa 1070, BĐ 60	5.950
94.22	Từ đường Nguyễn Du và giáp thửa 1070, BĐ 60 đến đường Trần Hưng Đạo và hết thửa 698, BĐ 60	6.640
94.23	Từ đường Trần Hưng Đạo và giáp thửa 698, BĐ 60 đến đường Lê Anh Xuân và hết thửa 594, BĐ 60	7.150
94.24	Từ đường Lê Anh Xuân và giáp thửa 594, BĐ 60 đến đường Hai Bà Trưng	7.290
94.25	Từ đường Hai Bà Trưng đến đường Hàm Nghi và hết thửa 180, BĐ 57	7.290
94.26	Từ đường Hàm Nghi và giáp thửa 180, BĐ 57 đến đường Nguyễn Thái Học	6.990
94.27	Từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Tô Hiến Thành	6.870
94.28	Từ đường Tô Hiến Thành đến đường Nguyễn Thiện Thuật	6.750
95	Đường hẻm của đường Thống Nhất	
95.1	Đường hẻm cạnh nhà số 21 Thống Nhất (cạnh Ngọc Thạnh) - cạnh thửa số 50, BĐ 55	380
95.2	Đường hẻm 27 Thống Nhất - cạnh thửa 868, BĐ 55 đến giáp thửa 53, BĐ 59	1.200
95.3	Đường hẻm 40 Thống Nhất	
95.3.1	Từ Thống Nhất đến ngã tư nối Hai Bà Trưng và đường Hai Tháng Tư	1.880
95.3.2	Từ ngã tư nối Hai Bà Trưng và đường Hai Tháng Tư đến hết đường	1.700
95.4	Đường hẻm cạnh thửa 369, BĐ 95 (cạnh cây xăng) đến giáp thửa 392, BĐ 95	500
95.5	Đường hẻm cạnh thửa 751, BĐ 95 đến mương nước	480

95.6	Đường hẻm cạnh thửa 775, BĐ 95 đến đường Nguyễn Bá Ngọc (hết thửa 1067, BĐ 95); từ ngã ba cạnh thửa 789, BĐ 95 đến giáp thửa 836, BĐ 95; từ ngã ba cạnh thửa 822 đến giáp thửa 834, BĐ 95	480
95.7	Đường hẻm cạnh thửa 84, BĐ 93 đến hết thửa 61, BĐ 93 và đến hết thửa 53, BĐ 93	500
95.8	Đường hẻm cạnh thửa 144, BĐ 93 đến giáp thửa 159, BĐ 96; đến đường Nguyễn Bá Ngọc (hết thửa 134, BĐ 96)	480
95.9	Đường hẻm cạnh thửa 206, BĐ 93 đến hết thửa 240, BĐ 93; đến giáp thửa 279, BĐ 96	500
95.10	Đường hẻm cạnh thửa 282, BĐ 95	310
95.11	Đường hẻm cạnh thửa 742, BĐ 95	310
95.12	Đường hẻm cạnh thửa 815, BĐ 95 đến ngã ba cạnh thửa 836, BĐ 95	380
95.13	Đường hẻm cạnh thửa 918, BĐ 95	310
95.14	Đường hẻm cạnh thửa 214, BĐ 96 đến giáp thửa 102, BĐ 96	380
95.15	Đường hẻm cạnh thửa 225, BĐ 93	440
96	Đường Hoàng Văn Thụ	
96.1	Từ đường Thống Nhất đến đường Nguyễn Bình Khiêm và giáp trường Nguyễn Trãi	2.800
96.2	Từ đường Nguyễn Bình Khiêm và trường Nguyễn Trãi đến đường Lý Thường Kiệt	2.770
96.3	Từ đường Lý Thường Kiệt đến đường hẻm cạnh thửa 491, BĐ 72 (nhà ông Sập) và hết thửa 385, BĐ 72 (nhà bà Thu)	2.620
96.4	Từ đường hẻm cạnh thửa 491, BĐ 72 và giáp thửa 385, BĐ 72 đến đường Trần Nguyên Hãn và hết thửa 836, BĐ 72	2.500
96.5	Từ đường Trần Nguyên Hãn và giáp thửa 836, BĐ 72 đến đường hẻm cạnh thửa 413, BĐ 71 (nhà bà Lịch) và hết thửa 647, BĐ 71	2.420
96.6	Từ đường hẻm cạnh thửa 413, BĐ 71 và giáp thửa 647, BĐ 71 đến đường Tuệ Tĩnh và đường hẻm cạnh nhà số 147 (cạnh thửa 16, BĐ 73)	2.380
96.7	Từ đường Tuệ Tĩnh và đường hẻm cạnh nhà số 147 (cạnh thửa 16, BĐ 73) đến đường Cô Bắc và hết thửa 149, BĐ 73	2.090

96.8	Từ đường Cô Bắc và giáp thửa 149, BĐ 73 đến đường Ngô Mây và đường hẻm cạnh nhà số 209 (cạnh thửa 321, BĐ 73)	1.900
96.9	Từ đường Ngô Mây và đường hẻm cạnh nhà số 209 (cạnh thửa 321, BĐ 73) đến đường hẻm cạnh thửa 133, BĐ 88 (Trường Mẫu giáo Hòa Mi - phân hiệu Nam Sơn) và giáp thửa 265, BĐ 88	1.610
96.10	Từ đường hẻm cạnh thửa 133, BĐ 88 (Trường Mẫu giáo Hòa Mi - phân hiệu Nam Sơn) và thửa 265, BĐ 88 đến đường hẻm cạnh thửa 248, BĐ 88 và hết thửa 177, BĐ 88	1.640
96.11	Từ đường hẻm cạnh thửa 248, BĐ 88 và giáp thửa 177, BĐ 88 đến Quốc lộ 20	1.680
97	Đường hẻm của đường Hoàng Văn Thụ	
97.1	Đường hẻm cạnh thửa 455, BĐ 72 đến giáp thửa 586, BĐ 72 và đến ngã ba cạnh thửa 925, BĐ 72	630
97.2	Từ ngã ba cạnh thửa 925, BĐ 72 đến hết thửa 61, BĐ 72; đến giáp thửa 75, BĐ 72; đến giáp thửa 844, BĐ 72 và đến giáp thửa 1075, BĐ 72	530
97.3	Đường hẻm cạnh thửa 1076, BĐ 72 đến hết thửa 1063, BĐ 72	500
97.4	Đường hẻm cạnh thửa 573, BĐ 71 đến ngã ba hết thửa 638, BĐ 72	500
97.5	Đường hẻm cạnh thửa 413, BĐ 71 đến ngã ba hết thửa 526 và 600, BĐ 71	560
97.6	Đường hẻm cạnh thửa 400, BĐ 71	500
97.7	Đường hẻm 201 Hoàng Văn Thụ (cạnh thửa 287, BĐ 73) đến ngã ba cạnh thửa 434, BĐ 73)	480
97.8	Đường hẻm từ cạnh thửa 05, BĐ 91 qua thửa 114, BĐ 91 đến hết thửa 127, BĐ 91; qua thửa 114, BĐ 91 đến hết thửa 36, BĐ 91 và đến ngã ba hết thửa 341, BĐ 73	480
97.9	Đường hẻm cạnh thửa 295, BĐ 69 đến giáp thửa 174, BĐ 69	480
97.10	Đường hẻm cạnh thửa 210, BĐ 88 (cạnh nhà tình thương) đến ngã ba cạnh thửa 105, BĐ 86 và đến ngã ba giữa hai thửa 177 và 306, BĐ 90	480
97.11	Đường hẻm cạnh thửa 142, BĐ 88 (nhà ông Đường) đến ngã ba hết thửa 427, BĐ 88	480

97.12	Đường hẻm cạnh thửa 143, BĐ 88 đến ngã ba cạnh thửa 145, BĐ 88	480
97.13	Đường hẻm cạnh thửa 145, BĐ 88 đến ngã ba hết thửa 87, BĐ 88; đến ngã ba cạnh thửa 101, BĐ 88	410
97.14	Đường hẻm cạnh thửa 157, BĐ 88 đến ngã ba hết thửa 44, BĐ 88	410
97.15	Đường hẻm cạnh thửa 466, BĐ 88 đến ngã ba cạnh thửa 295, BĐ 88	480
97.16	Đường hẻm 269 Hoàng Văn Thụ (cạnh Trạm biến áp Nam Sơn 2)	
97.17	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến cống (hết thửa 320, BĐ 88)	500
97.18	Từ cống (giáp thửa 320, BĐ 88) đến ngã ba cạnh thửa 256, BĐ 87	460
97.19	Đường hẻm cạnh thửa 456, BĐ 72 đến giáp thửa 526, BĐ 72 và hết thửa 939, BĐ 72	500
97.20	Đường hẻm cạnh thửa 491, BĐ 72 đến giáp thửa 562, BĐ 72	380
97.21	Đường hẻm cạnh thửa 910, BĐ 72 đến giáp thửa 956, BĐ 70	460
97.22	Đường hẻm cạnh thửa 657, BĐ 72 đến hết thửa 655, BĐ 72	340
97.23	Đường hẻm cạnh thửa 667, BĐ 72 đến hết thửa 313, BĐ 72	340
97.24	Đường hẻm cạnh thửa 358, BĐ 72 đến hết thửa 690, BĐ 72	340
97.25	Đường hẻm 145 - cạnh thửa 16, BĐ 73 đến hết thửa 41, BĐ 73; đến hết thửa 380, BĐ 73	560
97.26	Đường hẻm cạnh thửa 187, BĐ 73 đến hết thửa 158, BĐ 73; đến hết thửa 395, BĐ 73	440
97.27	Đường hẻm cạnh thửa 321, BĐ 73 đến hết thửa 315, BĐ 73	380
97.28	Từ ngã ba cạnh thửa 302, BĐ 69 đến hết thửa 427, BĐ 88	480
97.29	Đường hẻm cạnh thửa 253, BĐ 88 đến giáp thửa 311, BĐ 88	480
97.30	Đường hẻm cạnh thửa 383, BĐ 88 đến hết thửa 380, BĐ 88	480

97.31	Từ ngã ba cạnh thửa 248, BĐ 88 đến mương nước (cạnh thửa 298, BĐ 88)	440
97.32	Từ ngã ba cạnh thửa 300, BĐ 88 đến hết thửa 310, BĐ 86	380
97.33	Từ ngã ba cạnh thửa 395, BĐ 88 đến giáp thửa 328, BĐ 88; đến hết thửa 336, BĐ 88	380
97.34	Từ ngã tư cạnh thửa 169, BĐ 87 đến giáp thửa 328, BĐ 88	410
97.35	Đường hẻm cạnh thửa 174, BĐ 88 đến giáp thửa 244, BĐ 88	380
97.36	Đường hẻm cạnh thửa 108, BĐ 88 đến giáp thửa 80, BĐ 88	500
98	Đường Cô Bắc	
98.1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến đường Cô Giang	720
98.2	Từ đường Cô Giang đến ngã ba giáp thửa 864, BĐ 70	650
98.3	Từ ngã ba giáp thửa 864, BĐ 70 đến ngã ba cạnh thửa 186, BĐ 90	630
98.4	Từ ngã ba cạnh thửa 186, BĐ 90 đến hết thửa 1115, BĐ 90	500
98.5	Đường hẻm cạnh thửa 864, BĐ 70 đến giáp thửa 585, BĐ 70	440
98.6	Đường hẻm cạnh thửa 947, BĐ 70 đến hết thửa 502, BĐ 70	440
98.7	Đường hẻm cạnh thửa 809, BĐ 70 (đối diện thửa 87, BĐ 91) đến hết đường	440
98.8	Đường hẻm cạnh thửa 116, BĐ 91 đến hết đường	440
98.9	Đường hẻm cạnh thửa 186, BĐ 90 đến mương nước	440
98.10	Đường hẻm cạnh thửa 1075, BĐ 90 đến hết thửa 1087, BĐ 90	440
98.11	Đường hẻm cạnh thửa 1120, BĐ 90 đến mương nước	440
99	Đường Cô Giang	650
100	Đường Hai Tháng Tư	5.040
101	Đường nối đường Hai Tháng Tư và đường Hai Bà Trưng	
101.1	Từ đường Hai Tháng Tư đến đường Ngô Gia Tự	2.440
101.2	Từ đường Ngô Gia Tự đến đường Hai Bà Trưng	1.980

102	Đường Ngô Gia Tự	6.210
103	Đường Hai Bà Trưng	
103.1	Từ đường Thống Nhất đến đường hẻm hết thửa 917, BĐ 57 và đường hẻm hết thửa 288, BĐ 57	8.740
103.2	Từ đường hẻm giáp thửa 917, BĐ 57 và đường hẻm giáp thửa 288, BĐ 57 đến ngã ba hết thửa 340, BĐ 57 và giáp thửa 294, BĐ 57	9.880
103.3	Từ ngã ba giáp thửa 340, BĐ 57 và thửa 294, BĐ 57 đến đường Phạm Văn Đồng	10.560
104	Đường Hải Thượng Lãn Ông	
104.1	Từ đường Thống Nhất đến đường Nguyễn Viết Xuân	8.650
104.2	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến ngã ba hết thửa 365, BĐ 57	9.530
104.3	Từ ngã ba cạnh thửa 365, BĐ 57 đến đường Phạm Văn Đồng	10.580
105	Đường Duy Tân	8.650
106	Đường Lê Anh Xuân	
106.1	Từ đường Thống Nhất đến đường Nguyễn Viết Xuân	8.650
106.2	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến đường giáp chợ lồng B	9.580
106.3	Từ đường giáp chợ lồng B đến đường Phạm Văn Đồng	10.560
107	Đường Trần Hưng Đạo	
107.1	Từ Thống Nhất đến đường Nguyễn Viết Xuân	8.450
107.2	Đường hẻm cạnh thửa 562, BĐ 57 đến giáp thửa 804, BĐ 60	560
107.3	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến hết Ngân hàng Đầu tư và đường Lý Thường Kiệt	8.680
107.4	Từ giáp Ngân hàng Đầu tư và đường Lý Thường Kiệt đến đường Phan Huy Chú và đường Mai Hắc Đế	8.350
107.5	Từ đường Phan Huy Chú và đường Mai Hắc Đế đến đường Nguyễn Khuyến và giáp thửa 02, BĐ 71	8.060
107.6	Từ đường Nguyễn Khuyến và thửa 02, BĐ 71 đến Quốc lộ 20	7.980
108	Đường Trần Cao Vân	6.100
109	Đường Mai Hắc Đế	6.100
110	Đường Đinh Công Tráng	1.870

111	Đường Ngô Thị Nhậm	1.600
112	Đường Nguyễn Việt Xuân	9.660
113	Đường Phạm Văn Đồng	11.500
114	Đường Nguyễn Công Hoan	6.130
114.1	Đường hẻm cạnh thửa 534, BĐ 57 đến hết đường	1.200
115	Đường nối đường Nguyễn Công Hoan và đường Trần Hưng Đạo (sau Ngân hàng Đầu tư)	4.560
116	Đường từ đường Phạm Văn Đồng theo hướng thửa 867, BĐ 57 đến hết đường	6.000
117	Đường Phan Huy Chú	6.850
118	Đường Nguyễn Bình Khiêm	
118.1	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Đinh Công Tráng	6.000
118.2	Từ đường Đinh Công Tráng đến ngã ba hết thửa 50, BĐ 75 và hết thửa 59, BĐ 75	5.460
118.3	Từ ngã ba cạnh thửa 50, BĐ 75 và hết thửa 59, BĐ 75 đến đường Ngô Thị Nhậm và giáp trường Mẫu giáo Sơn Ca (thửa 297, BĐ 72)	4.610
118.4	Đường hẻm cạnh thửa 50, BĐ 72 đến hết đường	1.200
118.5	Từ đường Ngô Thị Nhậm và trường Mẫu giáo Sơn Ca đến đường Hoàng Văn Thụ	3.380
119	Đường Trần Quốc Toản	
119.1	Từ Trần Hưng Đạo đến đường Đinh công Tráng và giáp thửa 727, BĐ 57	6.110
119.2	Từ đường Đinh Công Tráng và thửa 727, BĐ 57 đến giáp thửa 144, BĐ 72	5.760
119.3	Từ giáp thửa 144, BĐ 72 đến bờ tường vật tư (hết thửa 248, BĐ 72) và đến đường Nguyễn Khuyến	5.040
119.4	Đường hẻm cạnh thửa 251, BĐ 72 và đường hẻm cạnh thửa 315, BĐ 72	720
119.5	Đường hẻm cạnh thửa 244, BĐ 72 đến giáp thửa 284, BĐ 72	560
119.6	Đường hẻm cạnh thửa 902, BĐ 72	720
120	Đường Ngô Đức Kế	3.470
121	Đường Lý Thường Kiệt	
122	Từ đường Trần Hưng Đạo đến hết thửa 37, BĐ 72	6.610

122.1	Từ giáp thửa 37, BĐ 72 đến đường Trần Quốc Toản	6.040
122.2	Từ đường Trần Quốc Toản đến đường Hoàng Văn Thụ	3.880
122.3	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến hết thửa 470, BĐ 72 và ngã ba giáp thửa 573, BĐ 72	1.070
122.4	Từ giáp thửa 470, BĐ 72 và ngã ba cạnh thửa 573, BĐ 72 đến ngã ba cạnh thửa 856, BĐ 75 và hết thửa 752, BĐ 75	970
122.5	Từ ngã ba cạnh thửa 856, BĐ 75 và giáp thửa 752, BĐ 75 đến đường Nguyễn Đình Chiểu	890
122.6	Đường hẻm cạnh thửa 477, BĐ 72 đến ngã ba đối diện thửa 766, BĐ 72	500
122.7	Đường hẻm cạnh thửa 573, BĐ 72 qua ngã ba đối diện thửa 635, BĐ 72 đến hết thửa 1075, BĐ 72 và đến hết thửa 1090, BĐ 72	500
122.8	Đường hẻm cạnh thửa 861, BĐ 75 đến ngã tư cạnh thửa 644, BĐ 72	300
122.9	Đường hẻm cạnh thửa 767, BĐ 75 đến giáp thửa 1544, BĐ 75	370
122.10	Từ ngã tư cạnh thửa 878, BĐ 70 đến ngã ba cạnh thửa 766, BĐ 72	440
123	Đường Nguyễn Khuyến	
123.1	Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Mai Hắc Đế và đường hẻm 12 Nguyễn Khuyến	6.000
123.2	Từ đường Mai Hắc Đế và hẻm 12 Nguyễn Khuyến (cạnh thửa 98, BĐ 71) đến đường hẻm giáp thửa 194, BĐ 71 và giáp thửa 352, BĐ 72	5.390
123.3	Từ thửa 194, BĐ 71 và thửa 352, BĐ 72 đến đường Hoàng Văn Thụ	3.710
123.4	Hẻm 12 Nguyễn Khuyến (đối diện đường Mai Hắc Đế)	550
123.5	Hẻm 22 Nguyễn Khuyến - nối đường Nguyễn Khuyến và đường Trần Nguyên Hãn (cạnh thửa 194, BĐ 71)	500
124	Đường Trần Nguyên Hãn	2.330
124.1	Các đường hẻm của đường Trần Nguyên Hãn	380
125	Đường Tuệ Tĩnh	
125.1	Từ ngã ba cạnh thửa 379, BĐ 71 đến hết thửa 488 và giáp thửa 449, BĐ 71	2.240
125.2	Từ giáp thửa 488 và từ thửa 449, BĐ 71 đến Hoàng Văn Thụ	2.200

125.3	Đường hẻm cạnh thửa 450, BĐ 71 đến hết đường	530
126	Đường Ngô Mây	
126.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết trường tiểu học Nam Sơn và hết thửa 134, BĐ 69	1.300
126.2	Từ giáp trường tiểu học Nam Sơn và giáp thửa 134, BĐ 69 đến đường Hoàng Văn Thụ	1.270
126.3	Đường hẻm cạnh thửa 134, BĐ 69 đến hết đường	310
127	Đường Hồ Xuân Hương	
127.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường hẻm cạnh thửa 51, BĐ 83 (nhà ông Anh)	1.080
127.2	Từ đường hẻm cạnh thửa 51, BĐ 83 (nhà ông Anh) đến đường Hàn Thuyên	1.070
127.3	Từ đường Hàn Thuyên đến đường hẻm cạnh thửa 350, BĐ 67	950
127.4	Từ đường hẻm cạnh thửa 350, BĐ 67 đến ngã ba đi miếu Thổ công (cạnh thửa 293, BĐ 67)	890
127.5	Từ ngã ba đi miếu Thổ công (cạnh thửa 293, BĐ 67) và giáp thửa 346, BĐ 67 đến trại Gia Chánh (giáp thửa 109, BĐ 66)	790
128	Các đường hẻm của đường Hồ Xuân Hương	
128.1	Đường hẻm gần mương nước (cạnh thửa 354, BĐ 87) chạy theo bờ hồ đến ngã ba Lý Thái Tổ - Quốc lộ 20	830
128.2	Đường hẻm cạnh thửa 423, BĐ 87 đến ngã ba cạnh thửa 118, BĐ 87	380
128.3	Đường hẻm cạnh thửa 22, BĐ 87 (nhà ông Thành) đến ngã ba cạnh thửa 356, BĐ 87	490
128.4	Đường hẻm cạnh thửa 07, BĐ 83 (nhà ông Thọ) đến ngã ba cạnh thửa 125, BĐ 83	500
128.5	Đường hẻm cạnh thửa 350, BĐ 67	500
128.6	Đường hẻm cạnh thửa 272, BĐ 67 đến ngã ba giáp đất Trại Gia Chánh (cạnh thửa 143, BĐ 67)	500
128.7	Từ ngã ba cạnh thửa 143, BĐ 67 đến ngã ba đối diện thửa 138, BĐ 66	500
128.8	Đường hẻm cạnh thửa 299, BĐ 67	500
128.9	Đường hẻm đi miếu Thổ công (cạnh thửa 293, BĐ 67) đến hết thửa 1028; 1031; 993, BĐ 83	500

128.10	Từ ngã ba cạnh thửa 1172, BĐ 83 đến giáp thửa 1117, BĐ 83	490
128.11	Đường hẻm cạnh thửa 264, BĐ 67 đến ngã ba cạnh thửa 143, BĐ 67	440
128.12	Đường hẻm cạnh thửa 110, BĐ 66 đến ngã ba cạnh thửa 118, BĐ 66	500
128.13	Từ ngã ba cạnh thửa 353, BĐ 67 đến ngã ba cạnh thửa 188, BĐ 67	490
128.14	Từ ngã ba cạnh thửa 144, BĐ 67 đến giáp thửa 65, BĐ 67; đến ngã ba cạnh thửa 386, BĐ 67 theo hai hướng đến ngã ba cạnh 03 thửa 530 BĐ 67 và đến ngã ba cạnh 02 thửa, 384 và 387, BĐ 67	460
129	Đường Hàn Thuyên	660
129.1	Đường hẻm của đường Hàn Thuyên	
1	Đường hẻm cạnh thửa 164, BĐ 67 đến hết thửa 187, BĐ 67; đến hết thửa 469, BĐ 67	460
2	Đường hẻm cạnh thửa 496, BĐ 67 đến giáp thửa 102; đến hết thửa 461, BĐ 67	460
3	Từ ngã ba cạnh thửa 384 và 391, BĐ 67 đến ngã ba cạnh thửa 376 theo hai hướng đến hết thửa 379; đến ngã ba cạnh thửa 65, BĐ 67; đến ngã ba cạnh thửa 72, BĐ 67; đến ngã tư cạnh thửa 377, BĐ 67	460
4	Từ ngã tư cạnh thửa 37, BĐ 67 đến giáp thửa 324, BĐ 67	460
5	Đường hẻm cạnh thửa 59, BĐ 67 đến giáp thửa 482, BĐ 67	460
6	Đường hẻm cạnh thửa 24, BĐ 67	460
130	Khu Nam sông Đa Nhim	
130.1	Từ đập tràn Cao Thái đến hết ngã ba cạnh thửa 193 và 205, BĐ 58	750
130.2	Đường hẻm cạnh thửa 694, BĐ 58 đến hết thửa 1016, BĐ 29	630
130.3	Từ giáp thửa 1016, BĐ 29 đến ngã tư cạnh thửa 435, BĐ 29	460
130.4	Từ cầu đến ngã ba cạnh thửa 205, BĐ 58	860
130.5	Từ ngã ba cạnh thửa 205, BĐ 58 đến ngã ba cạnh thửa 890, BĐ 33	810

130.6	Đường hẻm từ thửa 1630, BĐ 62 đi thửa 1664 đến hết thửa 1668; 1818, BĐ 62 (khu phân lô) và giáp thửa 668, BĐ 58	580
130.7	Từ ngã tư thửa 538, BĐ 62 đến giáp thửa 1717, BĐ 62	460
130.8	Đường hẻm cạnh thửa 1876, BĐ 62 đến giáp thửa 65 và hết thửa 1947, BĐ 62	480
130.9	Đường hẻm cạnh thửa 1616, BĐ 62 đến hết thửa 1961, BĐ 62; đến hết thửa 533, BĐ 62 và đến giáp thửa 1089, BĐ 62	480
130.10	Từ ngã ba thửa 1954, BĐ 62 đến hết thửa 225, 56, và 61, BĐ 62	400
130.11	Đường hẻm cạnh thửa 927, BĐ 33 đến hết thửa 1185, BĐ 33	400
130.12	Từ ngã ba cạnh thửa 890, BĐ 33 đến hết thửa 698 và đến hết thửa 925, BĐ 33	460
130.13	Từ ngã ba cạnh thửa 890, BĐ 33 đến ngã ba mương thủy lợi (cạnh thửa 1125, BĐ 33)	670
130.14	Đường hẻm cạnh thửa 504, BĐ 33 đến giáp thửa 549, BĐ 33	430
130.15	Đường hẻm cạnh thửa 395, BĐ 33 đến hết thửa 375, BĐ 33; đến hết thửa 409, BĐ 33	430
130.16	Từ ngã ba mương thủy lợi (cạnh thửa 1125, BĐ 33) đến hết thửa 1154, BĐ 16	690
130.17	Đường hẻm cạnh thửa 20, BĐ 33 đến ngã tư cạnh thửa 435, BĐ 29	460
130.18	Từ ngã ba mương thủy lợi (cạnh thửa 1125, BĐ 33) đến hết thửa 1109, BĐ 33	520
130.19	Đường hẻm cạnh thửa 486, BĐ 33 đến hết thửa 579, BĐ 33	350
130.20	Từ thửa 1122, BĐ 33 đến hết thửa 258, BĐ 62	290
130.21	Từ thửa 1122, BĐ 33 đến hết thửa 66, BĐ 63	350
130.22	Từ ngã ba đường qua cầu rẽ phải đến cống - cạnh thửa 161, BĐ 74	810
130.23	Từ cống - cạnh thửa 161, BĐ 74 đến ngã ba cạnh thửa 209, BĐ 74 và thửa 634, BĐ 78	750
130.24	Từ ngã ba cạnh thửa 167 và 716, BĐ 74 đến ngã ba cạnh thửa 1405, BĐ 62	630

130.25	Từ ngã ba cạnh thửa 171, BĐ 74 đến ngã ba hết thửa 1461, BĐ 62	630
130.26	Từ ngã ba cạnh thửa 209, BĐ 74 và thửa 634, BĐ 78 đến ngã ba cạnh thửa 1459, BĐ 62	630
130.27	Từ ngã ba cạnh thửa 545, BĐ 78 đến hết thửa 124, BĐ 74	630
130.28	Từ ngã ba cạnh trường học (thửa 269, BĐ 78) đến ngã ba hết thửa 72, BĐ 78	630
130.29	Từ ngã ba cạnh thửa 1459, BĐ 62 đến hết thửa 1198 và 1137, BĐ 62	580
130.30	Đường hẻm cạnh thửa 1459, BĐ 62 đến hết thửa 1589, BĐ 62; đến giáp thửa 1352, BĐ 62	460
130.31	Từ ngã ba cạnh thửa 1605, BĐ 62 đến hết thửa 1531, BĐ 62; đến hết thửa 1596, BĐ 62	350
130.32	Từ ngã ba cạnh thửa 209, BĐ 74 và thửa 634, BĐ 78 đến suối - cạnh thửa 602, BĐ 74	550
130.33	Từ suối - cạnh thửa 602, BĐ 74 đến giáp xã Phú Hội (hết thửa 152, BĐ 103)	520
<u>KHU TÂY NAM SƠN</u>		
Khu quy hoạch dân cư Lô 90		
131	Đường Hồ Tùng Mậu	2.600
132	Đường Lê Lai	2.000
133	Đường Lê Đình Chinh	2.600
134	Đường Trần Đại Nghĩa	1.500
135	Đường Lưu Hữu Phước	2.000
136	Đường Tôn Thất Thuyết	2.600
137	Đường Bà Huyện Thanh Quan	2.000
138	Đường Thi Sách	1.500
139	Đường Nguyễn Công Trứ	2.600
140	Đường Tôn Thất Tùng	2.000
141	Đường Nguyễn Lương Bằng	2.600
142	Đường Nguyễn Văn Siêu	1.500
143	Đường Nguyễn Văn Trỗi	2.000
144	Đường Ngọc Hồi	2.000
145	Đường Lương Thế Vinh	1.500

146	Đường Nguyễn Thị Định	2.600
147	Đường Lê Đại Hành	2.000
148	Đường Đống Đa	2.000
149	Đường Nguyễn Xí	2.000
150	Đường Lê Đức Thọ	2.000
151	Đường Dã Tượng	1.500
152	Đường Võ Chí Công	2.600
153	Đường Mạc Đĩnh Chi	1.500
154	Đường Nguyễn Thái Bình	1.500
155	Đường Trần Quang Khải	2.600
156	Đường Ngô Sĩ Liên	1.500
157	Đường Trần Nhật Duật	1.500
158	Đường Hoàng Hoa Thám	2.000
159	Từ ngã ba đi bột pha đến giáp xã Liên Hiệp (tường sân bay)	1.260
	Khu quy hoạch dân cư Lô Thanh Thanh	
160	Đường Trần Bình Trọng	3.200
161	Đường Dương Đình Nghệ	2.100
162	Đường Trương Vĩnh Ký	3.200
163	Đường Lạc Long Quân	3.800
164	Đường Âu Cơ	2.400
165	Đường Hùng Vương	3.400
166	Đường Phùng Hưng	2.400
167	Đường Lý Tự Trọng	2.800
168	Đường Phan Thanh Giản	2.400
169	Đường Trần Thủ Độ	2.800
170	Đường Nguyễn Biểu	2.400
171	Đường Khúc Thừa Dụ	2.400
172	Đường Huyền Trân Công Chúa	3.400
173	Đường Lê Hồng Phong	
173.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Nguyễn Trung Trực	4.400
173.2	Từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường Lạc Long Quân	3.800

173.3	Từ đường Lạc Long Quân đến ngã tư đường Hồ Tùng Mậu	3.100
173.4	Từ ngã tư đường Hồ Tùng Mậu đến đường Trần Bình Trọng	2.300
173.5	Từ đường Trần Bình Trọng đến hết thửa 156, BĐ 24 (đối diện nhà thờ Nghĩa Lâm)	2.000
173.5.1	Đường hẻm cạnh thửa 399, BĐ 24 đến hết thửa 229, BĐ 24	720
173.5.2	Từ giáp thửa 229, BĐ 24 đến hết thửa 141, BĐ 24 và đến giáp thửa 50, BĐ 38	630
173.5.3	Từ ngã ba cạnh thửa 1164, BĐ 36 đến hết thửa 822, BĐ 38	630
173.5.4	Đường hẻm cạnh thửa 389, BĐ 24	380
173.6	Từ giáp thửa 156, BĐ 24 (đối diện nhà thờ Nghĩa Lâm) đến ngã ba cạnh góc đường trường tiểu học Nghĩa Hiệp	1.800
173.6.1	Đường hẻm cạnh thửa 223, BĐ 24	380
173.7	Từ ngã ba cạnh góc đường trường tiểu học Nghĩa Hiệp đến ngã tư cạnh trường THPT Lương Thế Vinh	1.600
173.8	Từ ngã tư cạnh trường THPT Lương Thế Vinh đến hết Trung tâm đào tạo lái xe Lạc Hồng (thửa 45, BĐ 37)	1.400
173.9	Từ giáp Trung tâm đào tạo lái xe Lạc Hồng (thửa 45, BĐ 37) đến ngã ba cạnh thửa 274, BĐ 36 (đường vào trại Gia Chánh)	1.200
173.10	Từ ngã ba cạnh thửa 274, BĐ 36 (đường vào trại Gia Chánh) đến ngã ba hết thửa 568, BĐ 36	1.000
173.10.1	Đường hẻm cạnh thửa 748, BĐ 36	500
173.10.2	Đường hẻm cạnh thửa 568, BĐ 36 đến hết thửa 279; 511 và đến ngã ba cạnh thửa 187, BĐ 36	500
173.10.3	Từ ngã ba cạnh thửa 187, BĐ 36 đến giáp các thửa 282, 151, 150, 226, BĐ 36	438
173.11	Từ ngã ba cạnh thửa 568, BĐ 36 đến ngã ba cạnh thửa 24, BĐ 22 (đối diện ngã ba địa giới hành chính N' Thôn Hạ - Liên Hiệp - Liên Nghĩa)	900
173.11.1	Đường hẻm cạnh thửa 24, BĐ 22	500
173.12	Từ ngã ba cạnh thửa 24, BĐ 22 (đối diện ngã ba địa giới hành chính N' Thôn Hạ - Liên Hiệp - Liên Nghĩa) đến giáp xã N' Thôn Hạ	850

173.12.1	Đường hẻm cạnh thửa 44, BĐ 22	500
174	Đường nối từ Lê Hồng Phong đến Trại Gia Chánh	
174.1	Từ đường Lê Hồng Phong cạnh thửa 274, BĐ 36 đến đường hẻm cạnh thửa 517, BĐ 36	770
174.2	Đường hẻm cạnh thửa 608, BĐ 36	440
174.3	Đường hẻm cạnh thửa 692, BĐ 36	440
174.4	Đường hẻm cạnh thửa 772, BĐ 36	440
174.5	Đường hẻm cạnh thửa 517, BĐ 36 đến ngã ba cạnh thửa 386 BĐ 36	610
174.6	Đường hẻm cạnh thửa 649, BĐ 36 đến hết thửa 392, BĐ 36	440
174.7	Từ ngã ba cạnh thửa 386, BĐ 36 đến giáp thửa 334, BĐ 36; đến hết thửa 916, BĐ 65	500
174.8	Từ ngã ba cạnh thửa 625, BĐ 36 đến giáp thửa 389, BĐ 35; đến ngã ba cạnh thửa 354, BĐ 35	410
174.9	Từ ngã ba cạnh thửa 474, BĐ 36 đến giáp thửa 669, BĐ 36	410
174.10	Từ đường hẻm cạnh thửa 517, BĐ 36 đến đường hẻm cạnh thửa 03, BĐ 66	720
174.11	Đường hẻm cạnh thửa 03, BĐ 66 đến giáp thửa 503, BĐ 36	500
174.12	Từ đường hẻm cạnh thửa 03, BĐ 66 đến giáp đất trại Gia Chánh (hết thửa 70, BĐ 66)	660
174.13	Đường hẻm cạnh thửa 54, BĐ 66 đến ngã tư cạnh thửa 127, BĐ 66	550
174.14	Từ ngã tư cạnh thửa 127, BĐ 66 đến hết thửa 158, BĐ 66	440
174.15	Từ ngã tư cạnh thửa 135, BĐ 66 đến giáp thửa 427 và 879, BĐ 65	440
174.16	Từ cạnh thửa 430, BĐ 65 đến giáp thửa 381, BĐ 65	410
174.17	Từ ngã ba cạnh thửa 141, BĐ 66 đến hết thửa 554, BĐ 65	430
174.18	Đường hẻm cạnh thửa 40, BĐ 66 đến ngã tư cạnh thửa 324, BĐ 67	500
175	Đường Đào Duy Từ	
175.1	Từ đường Lê Hồng Phong đến đường Phạm Ngọc Thạch	2.640

175.2	Từ đường Phạm Ngọc Thạch đến giáp đường Tây Sơn và hết thửa 102, BĐ 54	2.260
175.3	Từ đường Tây Sơn và giáp thửa 102, BĐ 54 đến đường Phạm Ngũ Lão	2.090
175.4	Từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường Trần Phú	2.280
176	Đường Tây Sơn	1.620
177	Đường Đông Đô	1.620
178	Đường Nguyễn Trung Trực	
178.1	Từ đường Lê Hồng Phong đến đường Phạm Ngọc Thạch	1.920
178.2	Từ đường Phạm Ngọc Thạch đến đường Phạm Ngũ Lão	1.920
179	Đường Tú Xương	
179.1	Từ Trần Nhân Tông đến đường Phạm Hồng Thái và giáp nhà số 22	1.760
179.2	Từ đường Phạm Hồng Thái và nhà số 22 đến đường Phạm Ngọc Thạch	1.680
180	Đường Phạm Ngọc Thạch	
180.1	Từ đường Đào Duy Từ đến bờ tường Trung tâm Văn hóa và hết thửa 12, BĐ 54	1.760
180.2	Từ bờ tường Trung tâm Văn hóa và giáp thửa 12, BĐ 54 đến đường Tú Xương	1.680
181	Đường Phạm Hồng Thái	1.450
182	Đường Trần Nhân Tông	
182.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Tú Xương và giáp nhà số 31	2.480
182.2	Từ đường Tú Xương và nhà số 31 đến đường Nguyễn Trung Trực	2.390
182.3	Từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường Đào Duy Từ	2.300
182.4	Đường hẻm nối đường Trần Nhân Tông và đường Phạm Ngọc Thạch	1.630
183	Đường Phạm Ngũ Lão	
183.1	Từ đường Đoàn Thị Điểm đến đường Nguyễn Trung Trực và hết thửa 365, BĐ 54	1.680
183.2	Từ đường Nguyễn Trung Trực và giáp thửa 365, BĐ 54 đến đường Đào Duy Từ	1.760
183.3	Từ đường Đào Duy Từ đến đường Huyền Trân Công Chúa	1.620

184	Đường Xuân Thủy	
184.1	Từ đường Trần Phú đến ngã tư	3.480
184.2	Từ ngã tư đến hết khu quy hoạch Cty Thương mại & chợ rau	3.410
184.3	Từ đường Tô Vĩnh Diện đến đường Trần Nhân Tông	1.810
185	Đường nối đường Tô Vĩnh Diện đi ngã tư đường Xuân Thủy đến hết đường (thuộc khu quy hoạch công ty Thương mại và chợ rau)	3.410
186	Đường Đoàn Thị Điểm	1.470
186.1	Đường hẻm cạnh thửa 494, BĐ 55	630
186.2	Đường hẻm cạnh thửa 618, BĐ 55	500
187	Đường Tô Vĩnh Diện	
187.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Xuân Thủy và hết thửa 25, BĐ 105	2.520
187.2	Từ đường Xuân Thủy và giáp thửa 25, BĐ 105 đến đường Đoàn Thị Điểm và hết nhà số 35B	2.420
187.3	Từ đường Đoàn Thị Điểm và giáp nhà số 35B đến hết nhà số 42 (giáp đường Trần Phú)	2.280
188	Đường Trần Phú	
188.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Xuân Thủy và hết thửa 1083, BĐ 43	4.720
188.2	Từ đường Xuân Thủy và giáp thửa 1083, BĐ 43 đến đường Trường Chinh và đường Đào Duy Từ	4.580
188.3	Từ đường Trường Chinh và đường Đào Duy Từ đến đường Yết Kiêu và hết thửa 413, BĐ 54	4.520
188.4	Từ đường Yết Kiêu và giáp thửa 413, BĐ 54 đến đường Huỳnh Thúc Kháng và giáp thửa số 772, BĐ 54	4.310
188.5	Từ đường Huỳnh Thúc Kháng và thửa số 772, BĐ 54 đến đường Nguyễn Văn Cừ	3.790
188.6	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đường Trần Bình Trọng và hết thửa 1256, BĐ 38	2.720
188.6.1	Đường hẻm cạnh thửa 45, BĐ 43	720
188.6.2	Đường hẻm cạnh thửa 08, BĐ 41	660
189	Đường Nguyễn Văn Linh	
189.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Phan Đăng Lưu và hết thửa 1044, BĐ 43	2.720

189.2	Từ đường Phan Đăng Lưu và hết thửa 1044, BĐ 43 đến đường Phạm Hùng	2.090
189.3	Từ đường Phạm Hùng đến đường Trường Chinh	1.810
189.4	Từ đường Trường Chinh đến đường Huỳnh Thúc Kháng	1.220
189.5	Từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường Nguyễn Văn Cừ	1.140
189.6	Đường hẻm cạnh thửa 37, BĐ 44	720
190	Đường Yết Kiêu	
190.1	Từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Văn Linh	1.150
190.2	Đường hẻm cạnh thửa 49, BĐ 41	780
190.3	Từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Đinh Tiên Hoàng	1.100
190.4	Đường hẻm cạnh thửa 1029, BĐ 44 đến hết đường	780
191	Đường Huỳnh Thúc Kháng	
191.1	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh	1.160
191.2	Từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Trần Phú	1.270
191.3	Đường hẻm cạnh thửa 91, BĐ 44	630
192	Đường Đinh Tiên Hoàng	
192.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Phan Đăng Lưu	2.400
192.2	Từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Phạm Hùng	2.090
192.3	Từ đường Phạm Hùng đến đường Trường Chinh	1.870
192.4	Từ đường Trường Chinh đến đường Huỳnh Thúc Kháng	1.610
192.5	Từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến đường An Dương Vương và hết thửa 72, BĐ 44	1.270
192.6	Từ đường An Dương Vương và giáp thửa 72, BĐ 44 đến đường Nguyễn Văn Cừ	1.150
192.7	Đường hẻm nối đường Đinh Tiên Hoàng và đường Hà Huy Tập (cạnh thửa 113, BĐ 44)	630
192.8	Đường hẻm cạnh thửa 501, BĐ 43	720
193	Đường Hà Huy Tập	
193.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Phan Đăng Lưu	2.400
193.2	Từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Phạm Hùng	2.170
193.3	Từ đường Phạm Hùng đến đường Trường Chinh	1.970

193.4	Từ đường Trường Chinh đến đường Tăng Bạt Hổ	1.660
193.5	Từ đường Tăng Bạt Hổ đến đường An Dương Vương	1.500
193.6	Từ đường An Dương Vương đến đường Nguyễn Văn Cừ	1.150
193.7	Đường hẻm cạnh thửa 383, BĐ 44	490
193.8	Đường hẻm nối đường Hà Huy Tập và đường Trường Chinh (cạnh thửa 239, BĐ 44)	440
193.9	Đường hẻm cạnh thửa 207, BĐ 44	580
193.10	Đường hẻm cạnh thửa 368, BĐ 44	580
194	Đường Lê Thị Hồng Gấm	
194.1	Từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Phạm Hùng	1.580
194.2	Từ đường Phạm Hùng đến đường Trường Chinh	1.440
194.3	Từ đường Trường Chinh đến đường An Dương Vương	1.300
194.4	Từ đường An Dương Vương đến đường Nguyễn Văn Cừ	1.080
194.5	Đường hẻm cạnh thửa 941, BĐ 44 đến ngã tư cạnh thửa 103, BĐ 45	720
194.6	Từ ngã tư cạnh thửa 103, BĐ 45 đến hết các thửa 76, 78, BĐ 45; đến giáp thửa 137, BĐ 45	500
194.7	Đường hẻm cạnh thửa 96, BĐ 45 đến ngã ba cạnh thửa 95, BĐ 45	720
194.8	Đường hẻm cạnh thửa 48, BĐ 45	720
195	Đường An Dương Vương	1.100
196	Đường Tăng Bạt Hổ	1.100
197	Đường Phan Đăng Lưu	
197.1	Từ đường Phan Đình Phùng đến đường Lê Thị Hồng Gấm	1.990
197.2	Từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Hà Huy Tập	2.000
197.3	Từ đường Hà Huy Tập đến đường Đinh Tiên Hoàng	2.050
197.4	Đường hẻm cạnh thửa 1026, BĐ 43 đến giáp thửa 230, BĐ 43	580
197.5	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh	2.090
197.6	Đường hẻm nối đường Phan Đăng Lưu và đường Phạm Hùng (cạnh thửa 296, BĐ 43)	1.200

197.7	Đường hẻm cạnh thửa 137, BĐ 43	380
197.8	Đường hẻm cạnh thửa 273, BĐ 43 đến hết thửa 284, BĐ 43	900
198	Đường Phạm Hùng	
198.1	Từ giáp thửa 677, BĐ 51 đến đường Phan Đình Phùng (cạnh thửa 152, BĐ 48)	1.440
198.2	Từ đường Phan Đình Phùng đến đường Lê Thị Hồng Gấm	1.570
198.3	Từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Hà Huy Tập	1.500
198.4	Từ đường Hà Huy Tập đến đường Đinh Tiên Hoàng	1.560
198.5	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh	1.640
198.6	Từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Trần Phú	1.750
198.7	Đường hẻm cạnh thửa 210, BĐ 43	440
199	Đường Trường Chinh	
199.1	Từ đường Phan Đình Phùng đến đường Lê Thị Hồng Gấm	1.210
199.2	Từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Hà Huy Tập	1.260
199.3	Từ đường Hà Huy Tập đến đường Đinh Tiên Hoàng	1.320
199.4	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh	1.480
199.5	Từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Trần Phú	1.700
199.6	Đường hẻm cạnh thửa 08, BĐ 43	630
199.7	Đường hẻm cạnh thửa 674, BĐ 44	440
199.8	Đường hẻm cạnh thửa 865, BĐ 48 đến ngã ba cạnh thửa 745, BĐ 48	630
200	Đường Phan Đình Phùng	
200.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường Phan Đăng Lưu và hết thửa 356, BĐ 48	2.340
200.2	Từ đường Phan Đăng Lưu và giáp thửa 356, BĐ 48 đến đường Phạm Hùng	2.270
200.3	Từ đường Phạm Hùng đến đường Trường Chinh	2.180
200.4	Từ đường Trường Chinh đến đường hẻm cạnh thửa 127, BĐ 47 và hết thửa 217, BĐ 47	1.880
200.5	Từ đường hẻm cạnh thửa 127, BĐ 47 và giáp thửa 217, BĐ 47 đến đường Lý Thái Tổ	1.800

200.6	Đường hẻm cạnh thửa 143, BĐ 47 đến ngã ba cạnh thửa 208, BĐ 47	440
200.7	Đường hẻm cạnh thửa 146, BĐ 47 đến giáp thửa 192, BĐ 47	460
200.8	Đường hẻm cạnh thửa 127, BĐ 47 (Đặng Thanh Long) đến ngã ba cạnh thửa 06, BĐ 47 (giáp khu vực phân lô)	1.080
200.9	Các trục đường khu vực phân lô - Từ thửa 606 đến thửa 503; từ thửa 522 đến thửa 529, BĐ 47	1.030
200.10	Đường hẻm cạnh thửa 380, BĐ 48 đến giáp thửa 152, 186, BĐ 47; đến giáp thửa 385, BĐ 48	440
200.11	Đường hẻm cạnh thửa 771 BĐ 48 đến hết đường	630
200.12	Đường hẻm cạnh thửa 188, BĐ 48 (nhà hàng Hoàng Kim Thành) đến hết đường	750
200.13	Đường hẻm cạnh thửa 89, BĐ 48	630
201	Đường Lý Thái Tổ	
201.1	Từ Quốc lộ 20 đến đường hẻm cạnh thửa 112, BĐ 51	1.180
201.2	Từ đường hẻm cạnh thửa 112, tờ bản đồ số 51 đến đường Phan Đình Giót (cạnh thửa số 05, BĐ 52)	1.120
201.3	Từ đường Phan Đình Giót (cạnh thửa số 05, BĐ 52) giáp đường Phan Đình Phùng	1.150
201.4	Đường hẻm cạnh thửa 26, BĐ 47 đến hết thửa 650, BĐ 47; đến ngã ba cạnh thửa 208, BĐ 47	440
201.5	Từ ngã ba cạnh thửa 208, BĐ 47 đến ngã ba cạnh thửa 153, BĐ 51; đến hết thửa 202, BĐ 51; đến giáp thửa 695, BĐ 51;	440
201.6	Đường hẻm cạnh thửa 05, BĐ 52 đến hết thửa 03 và 04, BĐ 52	630
201.7	Đường hẻm cạnh thửa 112, BĐ 51 đến hết thửa 206, BĐ 51 và đến giáp thửa 207, BĐ 51	440
201.8	Đường hẻm cạnh thửa 145, BĐ 51 đến giáp thửa 205, BĐ 51	440
201.9	Đường hẻm cạnh thửa 71, BĐ 52	440
202	Đường Nguyễn Văn Cừ	
202.1	Từ đường Trần Phú đến đường Đinh Tiên Hoàng	1.490
202.2	Từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Hà Huy Tập	1.280

202.3	Từ đường Hà Huy Tập đến đường Lê Thị Hồng Gấm	1.090
202.4	Từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến giáp thửa 484, BĐ 38 (khu phân lô)	780
203	Đường hẻm của đường Nguyễn Văn Cừ	
203.1	Từ giáp thửa 508, BĐ 38 đến hẻm nối mương thủy lợi - cạnh thửa 129, BĐ 45 (khu phân lô) đi thửa 133, BĐ 45 đến giáp thửa 35, BĐ 45	560
203.2	Đường hẻm cạnh thửa 904, BĐ 38 đi thửa 640, BĐ 38 đến giáp thửa 1114, BĐ 38	440
203.3	Đường hẻm cạnh thửa 1147, BĐ 38 đến giáp thửa 648, BĐ 38	440
203.4	Đường hẻm cạnh thửa 911, BĐ 38 đến ngã ba hết thửa 233, BĐ 38	780
203.5	Đường hẻm cạnh thửa 1059, BĐ 38 đến ngã ba hết thửa 329, BĐ 38	500
203.6	Đường hẻm cạnh thửa 1495, BĐ 38 đến giáp thửa 302, BĐ 38 và đến giáp thửa 301, BĐ 38	440
203.7	Đường hẻm cạnh thửa 353, BĐ 38 đến hết thửa 283, BĐ 38	720
204	Đường Bà Triệu	
204.1	Từ đường Lê Hồng Phong đến ngã ba cạnh thửa 91, BĐ 38	1.450
204.2	Từ ngã ba cạnh thửa 91, BĐ 38 đến ngã ba cạnh thửa 374, BĐ 38	1.320
204.3	Đoạn còn lại của đường Bà Triệu	1.200
205	Đường hẻm của đường Bà Triệu	
205.1	<i>Đường hẻm cạnh thửa 159, BĐ 24 đến hết thửa 392, BĐ 24 và giáp thửa 225, BĐ 24</i>	440
205.2	Đường hẻm cạnh thửa 203, BĐ 24 đến hết thửa 383, BĐ 24	380
205.3	<i>Đường hẻm cạnh thửa 1152, BĐ 38 đến hết thửa 442, BĐ 38</i>	380
205.4	Đường hẻm cạnh thửa 697, BĐ 38 đến hết đường	380
205.5	Đường hẻm cạnh thửa 432, BĐ 38	380
205.6	Đường hẻm cạnh thửa 32, BĐ 38	380
205.7	Đường hẻm cạnh thửa 977, BĐ 38 đến giáp thửa 60, BĐ 38	560

205.8	Đường hẻm cạnh thửa 1203, BĐ 38 đến hết thửa 1072, BĐ 38	560
205.9	Đường hẻm cạnh thửa 894, BĐ 38 đến hết thửa 896, BĐ 38	560
205.10	Đường hẻm cạnh thửa 374, BĐ 38 đến hết thửa 163, BĐ 37	500
205.11	Đường hẻm cạnh thửa 415, BĐ 38 đến hết thửa 389, BĐ 38	380
205.12	Đường hẻm cạnh thửa 1021, BĐ 38 đến mương nước cạnh thửa 1185, BĐ 38	380
205.13	Đường hẻm cạnh thửa 01, BĐ 68 đến hết thửa 37, BĐ 67	500
205.14	Từ ngã ba cạnh thửa 225, BĐ 37 đến ngã ba cạnh thửa 165, BĐ 37	500
205.15	Từ ngã ba cạnh thửa 224, BĐ 37 đến giáp thửa 172, BĐ 37	440
205.16	Từ ngã ba cạnh thửa 318, BĐ 67 đến hết thửa 483, BĐ 67	440
205.17	Từ ngã ba cạnh thửa 360, BĐ 67 đến giáp thửa 51, BĐ 67	460
205.18	Từ ngã tư cạnh thửa 37, BĐ 67 đến ngã ba cạnh thửa 324, BĐ 67	460
206	Đường hẻm nối đường Bà Triệu (cạnh thửa 01, BĐ 68) đến đất Trại Gia Chánh (cạnh thửa 324, BĐ 67)	
206.1	Từ ngã ba cạnh thửa 225, BĐ 37 đến hết thửa 165, BĐ 37	500
206.2	Từ ngã ba cạnh thửa 224, BĐ 37 đến giáp thửa 172, BĐ 37	440
206.3	Đường hẻm cạnh thửa 318, BĐ 67 đến hết thửa 483, BĐ 67	440
206.4	Đường hẻm cạnh thửa 360, BĐ 67	460
206.5	Từ ngã tư cạnh thửa 37, BĐ 67 đến ngã ba cạnh thửa 324, BĐ 67	460
207	Đường từ đường Trần Bình Trọng chạy dọc mương thủy lợi đến đường Lê Hồng Phong (cạnh trường THPT Lương Thế Vinh)	
207.1	Từ đường Trần Bình Trọng đến ngã ba cạnh thửa 846, BĐ 38 và giáp thửa 167, BĐ 38	1.380

207.2	Từ ngã ba cạnh thửa 536, BĐ 38 và thửa 167, BĐ 38 đến ngã tư Bà Triệu (cạnh thửa 73, BĐ 38)	1.330
207.3	Từ ngã tư Bà Triệu đến đường Lê Hồng Phong (cạnh trường THPT Lương Thế Vinh)	1.060
208	Đường hẻm đoạn từ đường Trần Bình Trọng đến ngã tư Bà Triệu (đọc mương thủy lợi)	
208.1	Đường hẻm cạnh thửa 126, BĐ 38 đến hết thửa 1477, BĐ 38	440
208.2	Đường hẻm cạnh thửa 100, BĐ 38 đến giáp thửa 08, BĐ 38	440
208.3	Đường hẻm cạnh thửa 846, BĐ 38 đến hết thửa 631, BĐ 38	500
208.4	Từ giáp thửa 631, BĐ 38 đến hết thửa 1092, BĐ 38	440
208.5	Đường hẻm cạnh thửa 108, BĐ 38 đến hết thửa 435, BĐ 38	500
209	Đường hẻm của đường Trần Bình Trọng	
209.1	Đường hẻm cạnh thửa 484, BĐ 24 đến hết thửa 485, BĐ 24	630
209.2	Từ đường Trần Bình Trọng đến hết thửa 788, BĐ 38	630
209.3	Từ đường Trần Bình Trọng đến giáp thửa 183, BĐ 38	630
209.4	Từ đường Trần Bình Trọng đến giáp thửa 188, BĐ 38	780
209.5	Từ đường Trần Phú (cạnh thửa 194, BĐ 38) đến đường Bà Triệu (cạnh thửa 264, BĐ 38)	1.320
210	Đường hẻm của đoạn từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Phan Đình Phùng	
210.1	Đường hẻm cạnh thửa 400, BĐ 38 đến hết thửa 1176, BĐ 38	560
210.2	Đường hẻm khu phân lô từ thửa 484, BĐ 38 đến hết thửa 508, BĐ 38 và đến hết thửa 503, BĐ 38	500
210.3	Đường hẻm cạnh thửa 385, BĐ 38 (đối diện thửa 400, BĐ 38) đi thửa 321, BĐ 38 đến hết thửa 452, 605, BĐ 38 và đến ngã ba cạnh 837, BĐ 38	560
211	Đường Hoàng Diệu	1.080

IV. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở

Giá đất phi nông nghiệp (không phải đất ở) được xác định theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

V. ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

Giá đất đối với nhóm đất chưa sử dụng được xác định theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt